

Tạp San Thế Đạo
Quartly Magazine
Issue 57 - August 2013



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547

MỤC LỤC

01	Luật Tam Thế (Đức Cao Thượng Phẩm)	05
02	Những điều cần biết về Đạo Cao Đài (HT. Nguyễn Trung Đạo)	21
03	Bát Chánh Đạo (Tỳ Khưu Thích Chân Tuệ)	29
04	Ai Cập huyền bí	52
05	Vườn thơ bạn đọc	82
06	Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại	86
07	Thiệp Mời: Lễ An Vị Thánh Tượng Thánh Thất Cao Đài Houston Texas, Đại Hội Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại, Đại Hội Ban Thế Đạo Hải Ngoại	87
08	Tâm Thư Cơ quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại kính mời tham dự Đại hội Cơ Quan lần 2	91
09	Tâm Thư Tộc Đạo Houston TX kính mời tham dự Lễ An vị Thánh Tượng	94
10	Chúc mừng	96
11	Danh sách cơ sở, đồng đạo, thân hữu yểm trợ Tập San Thế Đạo	98
12	Tóm lược Hội Tương Tế Cao Đài, Phân ưu	103
13	Tâm thư kêu gọi yểm trợ xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston TX của Thánh Thất Cao Đài Houston TX, của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại	111
14	Tin Tức Tóm Lược	114
15	Tường Thuật Trại Hè Tiến Bước 2 của Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải Ngoại (Quang Thông)	117
16	Truyện ngắn: Vợ Hiền (Tràm Cà Mau)	125
17	Tình Thương & Công Chính (tiếp theo) (HT. Lê Văn Thêm)	140
18	Ngài Huyền Trang (Thích Thiện Siêu)	163
19	Tóm lược điều kiện gia nhập Ban Thế Đạo Hải Ngoại (Hiền Tài Dự Phong)	188

Luật Tam Thế

Ghi Chú: Những bài Thánh Giáo này được sưu tầm từ các Đàn Cơ học hỏi riêng của quý Hiền Huynh nhưn viên Bộ Pháp Chánh, được đóng thành sách với tựa là "Luật Tam Thế" và được phổ biến ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại. Mặc dầu chưa được Hội Thánh kiểm duyệt, nhưng thể theo yêu cầu của một số đạo hữu nay chúng tôi xin được ấn tống ra đây hầu có thêm tài liệu để cùng nhau học Đạo. Nếu có điều gì sơ xuất kính xin quý bậc cao minh chỉ giáo và tha thứ cho.

(Tiếp theo TSTD số 56)

Đêm 13 tháng chạp Tân Mão (DL. 9/1/52).
Phò Loan: Thừa Sứ Phước, Luật sự Nhung.
Hầu Đàn: Luật Sự Tỷ, Du, Hưởng.

Bát Nương

Chị chào mấy em.

Đêm nay, chị thấy trong mấy em có sự đồng tâm cố gắng, chị mừng cho lắm đó. Về đường học hỏi, chị nhận thấy mấy em chưa được thông hiểu, bởi vì mấy em chưa tự mở khiếu của mấy em. Vậy chị xin để ít lời, hầu chỉ rõ phương pháp tự khai khiếu lấy. Mỗi khi cần học hỏi điều gì, phải đem hết trí lực mà phán đoán, tầm cho đủ mọi lẽ. Xong rồi suy gẫm lại các lẽ đã tìm ra, rồi tầm trong ấy, một lý lẽ bất di bất dịch. Khi đã nhận định rõ ràng rồi, phải tự mình kiểm lấy câu hỏi, để tự trích điểm lý lẽ đã tìm ra. Khi đã nhận rõ, không còn một điều có thể trích điểm nữa, thì lý lẽ ấy là đúng đó vậy.

Về phương pháp tham thiền nhập định đặng kiểm hiểu huyền

bí hư vô, cũng không ngoài phương pháp ấy. Những người tịnh luyện mà bị sai đường lạc nẻo cũng bởi không tầm cặn lý. Nên nhớ rằng, vô vi và hữu hình chỉ cách nhau có một chút màng mỏng của Đệ Nhị xác thân mà thôi. Vì vậy, khi đã rửa sạch Chơn khí, định được Chơn Thần, thì khiếu huyền quang mở hoát, đặng thấy rõ cơ huyền vi bí mật của Tạo Đoan.

Mấy em nên phân biệt cho rõ tham thiền nhập định và xuất Chơn Thần đó nghe! Nếu lầm lộn thì phải sanh ra loạn trí, bởi Chơn khí bị rung động kích thích Nê hườn cung. Mỗi lý lẽ gì đã tầm ra phải đi đôi với thực tế, và không ngoài lẽ bác ái là đúng đó. Từ xưa bị thất chơn truyền là do lòng háms vọng mà việc tham thiền nhập định chỉ có một kết quả rất nông nổi.

Một khi định thần, tức là an Chơn khí, thì Chơn linh sẽ đến ngay nơi Nê hườn cung mà mở trí, đặng hiểu biết mọi lẽ, hoặc do sự mách bảo của một đấng vô hình, đến giúp khiếu của người định thần. Do đó, mà nhiều khi mấy em cũng tự nhận được đặc điểm ấy, mỗi khi mấy em cố tâm chú ý.

Vậy từ đây, chị khuyên mấy em khá định tâm và không nên nóng nảy, các Đấng vô hình chỉ đến dạy cho các em bằng phương pháp ấy mà thôi. Ngoài ra, lúc nào đoạt pháp xuất thần mới có bề dễ dãi hơn nữa.

Mấy em hãy cố gắng, kết quả không bao xa, để chị nhường cơ. Thăng.

Tái Cầu:

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào mấy em nam nữ.

Đêm nay, Bần Đạo chỉ dạy về phương pháp luyện khí, định thần của Đệ Nhị xác thân. Chơn khí tiết ra bởi bảy dây oan nghiệt, mà người ta gọi là thất phách. Phách cực âm là nơi xương cụt, phách cực dương là nơi Nê hườn cung, còn phách trung ương là thận.

Về dương, đặng điều động huyền quang, có ba phách là: Một ở tại Thượng đình, một ở tại Trung đình hay là nơi đầu cuống họng và đầu cuống phổi, một phách ở tại cung hỏa tức là ở tim. Còn về âm, để khai thông thủy hỏa, thì phách ở Hạ đình hay là Hạ đờn điền gọi là rún. Khi mỗi một phách lay động, khiến cho âm dương khí bất điều hòa, mà sanh ra bệnh tật hay là làm cho Chơn khí ô trước. Mỗi một phách có một điển lực dương xây chuyển không ngừng, và rất mau lẹ, do đó, tiết ra một sắc hào quang, và hấp dẫn những điển lực âm ở gần nó, phải xoay theo nó.

Nơi thận là chỗ chứa cả khí âm dương gọi là thận thủy và thận hỏa đó vậy. Thường thường, bị dùng trí nhiều, mà không biết vận âm và dưỡng tinh, thì bị hỏa xông lên làm hại tim, phổi, mắt và óc. Còn như bạc nhược thì hỏa lại bị kém, mà thủy lại dồi dào, làm cho hư ruột gan. Muốn cho khí điều hòa phải dưỡng tinh, định trí, mà vận chuyển thủy hỏa đi cho cùng châu thân, thì Chơn khí mới trong sạch, mà định được Chơn thần. Sự dẫn thủy hỏa ấy, gọi là vận hành Chơn khí, mà tạo nên Hỏa tinh.

Phải biết rằng, nếu để cho một trong bảy phách phải kích động, tức nhiên hỏa tam muội sẽ đốt cháy nơi đó, tức nhiên có điều hiểm nguy, có khi hại đến tánh mạng nữa.

Mấy em vẫn biết rằng, người thượng cổ được sống lâu và khỏe mạnh, còn người hiện thời bị yếu sức khỏe và hay chết sớm, cũng tại không biết dùng âm dương đặng điều hoà lấy thể xác. Chơn khí bực lấy xác thân, do nơi bảy oan nghiệt tiết ra mà có. Muốn luyện khí, phải biết gìn giữ bảy oan nghiệt. Khi luyện khí, phải giữ cho Thần được tịnh, không cho xao lãng bởi lục dục, thất tình. mấy em rán tập cho được vậy, thì sẽ được ân huệ gọi nhuần.

Bần Đạo kiếu.

Thăng.

Bài học Bổ túc:

Thần Quang, trong đêm 7 tháng 5 Nhâm Thìn.

Bài này, Bà Bát Nương giảng dạy sau khóa học, nhưng xét vì có liên quan với bài dạy về Đệ Nhị xác thân, nên xin ghép vào đây để tiện việc học hỏi.

Đêm 7 tháng 5 Nhâm Thìn (D.L 30/5/52).

Bát Nương

Chào mấy em,

Đêm nay Chị dẫn cho các em được hiểu Thần Quang là gì.

Từ Ngôi Diêu Trì Kim Mẫu, xuất tích một khối Linh quang gọi là Thần. Do nơi khối ấy, chuyển đi ra cho các Chơn linh đặng phối hiệp với các thể chất, mà làm nên Đệ Nhị xác thân, ấy là Chơn Thần đó vậy.

Do nơi Chơn Thần điều động, mà phát hiện ra một Linh quang vi chủ, ấy là Nê hườn cung, nói rõ hơn nữa là bộ óc đó vậy. Nhờ điển Linh quang vận hành mà các thể phách được vận hành, phát tiết áp lực nuôi sống và gây thêm trí não, cùng sự sống của con người.

Thần Quang tức là “ khiếu “ đó vậy.

Ánh hào quang động tịnh rất nhiều ảnh hưởng cho cả Tam thể, bởi cơ Thần Quang phải điều hòa. Thuyết diệt bản ngã hay là diệt tình và dục, là phương điều độ Thần Quang khỏi quá khích động, hay quá trệ ngưng. Những người luyện pháp bị điên cuồng, hoặc có khi phải chết là vì Thần Quang bị khích động quá lẽ, khiến cho hỏa tinh lên đốt cháy thần kinh hệ và tim. Muốn giữ được điều hòa thì chẳng nên còn tâm giận, ghét, buồn hay dục vọng. Đó là những điểm làm cho Thần Quang bị khích động. Chớ quá suy nghĩ, ấy là điểm làm cho Thần Quang bị ngưng trệ.

Chỉ có vui mừng là điều phải giữ mực trung, chớ thái quá. Còn

tình thương, phải đi trong khuôn viên công chánh. Ấy là phương luyện Thần đó.

Khi đã giữ đúng mực, phải tịnh tâm, định trí. Lúc ấy là lúc phát huệ đó, mấy em hiểu chưa?

Nơi Diêu Trì Cung là nơi tạo hình hài cho cả vạn linh. Nhờ đó, Thần được tịnh, Quang được minh, thì do nơi Kim Bồn phát hiện mỗi ảnh tượng, mà chiếu sáng cho Chơn Thần, tức là khai hoá Thiên Môn cho giác tánh.

Các em coi lại, rồi kỳ tới cho hỏi.

Chị kiều.

Thăng.

Đêm 15 tháng 12 năm Tân Mão (DL. 11/1/ 52).

Phò Loan: Thừa Sứ Phước, Luật Sự Nhung.

Hầu Đàn: Luật Sự Hối, Du, Hưởng.

Thơ Ký: Minh.

Bát Nương

Chị chào mấy em,

Đêm nay chị giảng về Chơn Linh. Đại Ca nhờ chị đến giải cho mấy em, còn người chút nữa mới về dạy thêm.

Mấy em vốn hiểu Chơn Linh là Linh hồn do nơi Thái Cực chiết ra. Vì đó, sự sáng suốt của Đệ Tam xác thân, tức là sự sáng suốt của Chí Tôn. Nguyên hình của Đệ Tam xác thân là một luồng điện cấu tạo do tế bào mà diễn tử chỉ một âm và một dương. Luồng điện ấy vẫn hằng ở nơi Tam Thập Lục Thiên, và đến hiệp với Chơn Thần đặng giúp cho Đệ Nhị xác thân vi chủ lấy Đệ Nhứt xác thân của nó. Nói rõ hơn nữa là Linh hồn điều khiển Giác hồn, đặng chế ngự Sanh hồn đó vậy.

Khi Đệ Nhứt xác thân tinh khiết, Đệ Nhị xác thân an tịnh, thì Đệ Tam xác thân mới đến được Nê hườn cung mà khai huyền quang khiếu, thường gọi là đắc Đạo tại thế. Mỗi khi tham thiền

nhập định được rõ thấu lý mâu, ấy là lúc Đệ Tam xác thân đã đến. Vì lẽ đó mà các nguyên nhân từ ngày xuống thế, bị Đệ Nhứt xác thân lôi cuốn, Đệ Nhị xác thân phải chuyển kiếp, làm cho Đệ Tam xác thân bận theo giáo hóa mà ngôi vị phải để trống.

Mỗi khi lập đủ công, tạo đủ đức rồi thì Đệ Tam xác thân sẽ tùy theo công nghiệp mà thăng vị. Khi được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, cả Chơn Linh và Chơn Thần được hiệp một mà ngự trên đài sen, tức là công nghiệp của Sanh hồn tạo nên. Lúc ấy gọi là hiệp nhứt qui bản hay là đắc vị đó vậy.

Cơ Đại ân xá này do nơi Chơn Thần được Phật Mẫu định tĩn sau khi được trở về, nên Chơn Linh mới hiệp được đăng trở về ngôi vị cũ, đó là nói những Chơn Linh không tạo được vị; nhưng được giác ngộ trước ngày qui liễu. Còn nói về sự phạm tội, tùy theo nặng nhẹ mà chuyển kiếp, còn như phạm thệ thì phải đến phong đô đăng định tĩn Chơn Thần.

Thừa Sứ Phước bạch:

Vẫn theo đăng giáo hóa chớ, vì vậy mà ngôi vị mới bỏ trống đó. Còn như bị ngũ lôi tru diệt thì luồng điện của Chơn Linh bị đánh tãng, không hiệp được với Chơn Thần nữa, vì vậy, Chơn Linh ấy phải xiêu lạc, chớ cơ ân xá Phật Mẫu ban cho Chơn Thần lại mới được tái kiếp trả quả mà lập công.

Thừa Sứ Phước bạch:

-Đánh tãn Chơn Thần làm cho Chơn Linh xiêu lạc. Chơn Thần ấy bị tãn ra và Phật Mẫu thu âm quang lại.

Thoảng như, bị tận đọa tam đồ bất năng thoát tục, thì Chơn Linh phải bị ngăn cản, không hiệp được với Chơn Thần, làm cho Đệ Nhị xác thân phải trở lại chuyển kiếp từ bực kim thạch cho đến làm người, và phải chuyển trở lại đủ ba vòng mới được khởi lập công lại.

Thừa Sứ Phước bạch: - Có phải ba vòng trở lại từ bực kim thạch

không?

-Phải vậy.

Thừa Sứ Phước bạch: - Một vòng cũng đủ giác ngộ rồi, cần gì phải tới ba vòng?

-Bởi phạm thệ của Thiên Điều, chớ không phải phạm tội. Phạm tội cũng có khi bị trở về kim thạch chớ.

Thừa Sứ Phước bạch: - Nếu phạm tội thì phạt tới thú cầm là đủ, cần gì phải tới kim thạch?

- Cười.....Kiếp hóa nhân thì về quỷ vị, còn kiếp nguyên nhân phải bị đọa đày, như vậy mới sánh với quỷ vị được chớ. Đó là luật Thiên Điều đã định, dầu cho nguyên nhân hay hóa nhân cũng đồng hình phạt, lẽ công bình là đó. Mấy em đã được rõ chưa?

Thừa Sứ Phước bạch: - Xin cho mấy em học kỹ lại.

-Phải học kỹ lại, chị đã dặn rồi đã. Mấy em cũng có mồi mệт mỗi.

Thôi chị kiếu.

Thăng.

Tái Cầu

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào mấy em,

Về Tam Thế xác thân, các em được rõ như vậy là đủ. Còn nói về các Bí Pháp khác, mấy em phải tự lấy trí mà kiếm hiểu. Phương-pháp kiếm hiểu, Bát-Nương đã chỉ rồi, mấy em ráng tập thì rõ được kết quả. Cần nhất là đừng để lục đục thất tình xao động. Phải coi chừng hỏa tinh đa!

Hỏa tinh tiếng Pháp gọi là “ Calorie “, về y học; còn “ Feu Sorpent “ về khoa Thần Linh Học, nó chạy luồn theo tủy, và tiết ra bởi các dây thần kinh. Muốn luyện hỏa tinh phải tịnh tâm, định

trí, trụ thần mà chuyển vận, tức là lấy khí dương vào cơ thể đó vậy. Phải lấy trí mà điều khiển nó.

Mấy em còn chỗ nào muốn hỏi, kỳ tới Bản Đạo dạy thêm cho, rồi tiếp dạy về Bát Hồn.

Nhớ để ý lời của các Đấng đã để đó nghe.

Bản Đạo kiếu.

Thăng.

Đêm 17 tháng 12 Tân Mão (DL. 13/1/52).

Phò Loan: Luật Sự Nhung, Hưởng.

Hầu Đàn: Thừa Sử Phước, Luật Sự Hợi, Cao.

Cao Thượng Phẩm

Bản Đạo chào mấy em,

Đêm nay Bản Đạo dẫn dạy cho mấy em được rõ thế nào là tịnh thần, định trí, và thế nào là xuất Chơn Thần.

Mỗi khi muốn tìm hiểu một lẽ gì, hoặc về siêu hình hay về Thế Pháp, mà muốn được có ấn chứng của Chơn lý, hay là của một Đấng vô hình thì phải để tâm không, và trí phải cố theo đuổi một lý lẽ muốn tầm ra, cần nhất là đừng để cho tâm bị động, tức nhiên hỏa tinh sẽ phát khởi, kích thích làm loạn não cân thì chẳng những không được ấn chứng, mà có khi bị hại là rối loạn thần kinh hệ mà trở nên loạn trí hay điên cuồng.

Định thần là vậy, còn xuất Chơn Thần là khi ngồi, giữ tâm, tịnh thần được minh mẫn, lấy trí mà khai hoát Nê hườn cung, cùng trong lúc ấy, phải vận chuyển âm dương cho điều hòa, đem luồng hỏa tinh chạy khắp cả bảy phách, rồi định tĩnh tâm thần, được một lát thì bắt đầu thấy buồn ngủ và Thần xuất ngoài bay đi. Phương pháp này phải lằm công phu, và phải giữ trọn vô tư mới được. Chớ nên nóng nảy hám vọng mà nguy đa! Trước hết, phải rèn lòng sửa tính rồi mới luyện được.

Trong mỗi thể xác đều có bảy oan nghiệt mà chính nó là chủ khảo trên mặt thể đó! Vì cơ Đức Chí Tôn đã nói rằng trong mỗi hình thể đều có quý, duy có thiết giáp Đạo bào mới ngăn nổi mà thôi.

Bần Đạo đã chỉ rõ các phương pháp dựng tạo thiết giáp ấy, mấy em khá nhớ cho lắm đa! Phải thực hành từ lời nói, việc làm cho đến ý chí mới mong đoạt được. Mấy em đã hiểu chưa? Còn gì muốn hỏi thì cứ hỏi.

Thừa Sứ Phước bạch: - Xin Đức Ngài dạy chi tiết về khí Thái Cực và khí Hư Vô.

- Khí Thái Cực là khí sanh quang, còn khí Hư Vô là khí Chơn Như đó.

Thừa Sứ Phước bạch: - Dạ còn về khí Âm Dương với khí Lưỡng Nghi?

- Vẫn đồng một.

Thừa Sứ Phước bạch: - Có phải Hỏa tinh là Chơn khí không?

- Không phải. Hỏa tinh là sức nóng của Dương quang tạo thành. Nhờ sức nóng ấy nung nấu Chơn tinh mới bốc thành Chơn khí. Còn hỏi chi nữa?

Thừa Sứ Phước bạch: - Dương quang làm thế nào vào trong thể xác được?.

- Dương quang vẫn vào trong cơ thể do dưỡng khí, và tiết ra bởi những điện tử dương do bảy phách trụ lại.

Thừa Sứ Phước bạch: - Nhiều lúc tôi làm việc bằng trí, thường hỏa bốc lên nhưc đầu, có phải là hỏa tinh bốc lên không?

- Phải đó, hỏa tinh ấy nếu không biết phép dưỡng sanh của Bần Đạo đã dạy thì nó sẽ làm hại cho hoặc trí, hoặc nhãn quan, hoặc tâm, hoặc phổi. Muốn giữ trọn phép dưỡng sanh thì ăn đừng no quá, làm đừng mệt quá, ngủ đừng nhiều quá, đi đừng mau quá, hè đừng mát quá, đông đừng ấm quá, hơi thở phải

điều hòa, ý chí phải trong sạch, tâm phải định, lục dục thất tình phải cản ngăn, chỉ có vậy là được.

Thoảng như thảo thực mà nhuốm bệnh, thì chỉ có nhịn đói uống nước chín có chút đường sẽ lành mạnh. Còn như nhục thực thì phải cần thuốc bởi vì hơi độc và vi trùng phá hoại cơ thể.

Thừa Sứ Phước bạch: - Theo Đạo như dạy nhục thực có hại cho khi xuất thần, là chất thịt có tính cách lôi kéo điển khí làm cho Chơn Thần bị điển đánh tan khi nó xuất ra đi?

-Nhục thực mà xuất thần sẽ bị các linh uổng kiếp lôi kéo, cũng có hại là bị lôi theo âm khí mà gặp ngũ lôi nữa.

Thừa Sứ Phước bạch: - Làm thế nào được biết trong mình hết chất thịt trong khi đã ăn chay một thời gian?

- CườiCó khó chi em, lấy ví dụ cho các em hiểu: một chiếc xe hơi chạy bằng “ xăng “ xấu, được nửa chừng em bỏ “ xăng “ ấy đi, rồi lau rửa, sửa máy và đổi “ xăng “ tốt vào thì máy chạy tốt ngay chớ có sao!

Thừa Sứ Phước bạch: Chúng em học luyện như vậy, có sai với Chơn Truyền của Đạo Cao Đài chăng?

CườiMỗi khi muốn học và luyện thì phải đủ công đức mới có kết quả. Bần Đạo đã dặn rồi. Mà khi đã đủ công đức thì rõ nẻo tu chơn, ai cũng được, đó là luyện tập cho mỗi Chơn Thần, còn công quả vẫn phải tiếp tục, chớ đâu có phải ngồi mà nhắm mắt đầu, mà sai chơn truyền. Bần Đạo dạy cho mấy em, là cốt yếu rèn cho mấy em được xứng vị đó thôi.

Luật Sứ Hưởng bạch: - Bạch Đức Ngài, trong sách Thông Thiên Học có nói về cái trí, vậy xin cho biết cái trí là thế nào?

-Trí là Linh đó. Bên Thần Linh Học, chưa tìm rõ Chơn Linh là thế nào. Nói cho đúng hơn là họ chỉ muốn có một nền tảng thiển cận trong Bí Pháp Thiên Đạo mà thôi, còn đi đến đoạt pháp thì chưa được hoàn bị.

Luật Sự Hưởng bạch: - Chúng em coi sách về Thần Linh Học và Thông Thiên Học có bổ ích trong sự học hỏi không?

-Coi sách có ích nhưng cần phải định Thần mà nghiệm lý mới được.

Mấy em chịu khó một chút sẽ được kết quả.

Bần Đạo kiếu.

Tái Cầu

Chị chào mấy em,

Chị đêm nay dạy các em đi đến con đường, mà các em đã dò lần đặng đến con đường chơn chánh. Mấy em có để tâm đến các điều chỉ dạy đó chăng?

Các em có hiểu Chị dạy các em bữa qua rồi đó, các em cần phải ôn nhuần. Chị căn dặn một điều là các em còn nghĩ nhiều điều không đúng Chơn lý, nên chi các em còn mơ hồ lắm. Các em để tâm coi lại, Chị sẽ dẫn thêm nữa.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Thừa, lương tâm tức là Chơn linh, chớ đâu phải Chơn Thần?

- Chơn Linh đâu có lương tâm, chỉ Chơn Thần mới có.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Vậy Chơn Linh lấy gì mà chế ngự thể xác?

- Chơn Linh chế ngự đặng gìn giữ Chơn Thần, do đó, mới có các đấng ám trợ.

Đến đây, đã tới giờ cúng, khi khác Chị sẽ tiếp.

Chị chào các em.

Thăng.

Đêm 19 tháng 12 năm Tân Mão (DL. 15/1/52)

Phò Loan: Thừa Sứ Phước, Luật Sự Nhung.

Hầu Đàn: Luật Sự Hưởng, Hối.

Thư Ký: Minh.

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào mấy em,

Đêm nay Bần Đạo tính giải về Bát Hôn, song nhận thấy lỡ dở, vậy để qua năm tới sẽ tiếp tục. Bây giờ, Bần Đạo chỉ cho mấy em được biết về cách vận chuyển điển quang.

Trong mỗi thể xác đều có nhưn điển gọi là âm dương khí. Điển ấy chạy khắp châu thân, do nơi bẫy phách vận-hành mà có. Khi điển ấy chạy trong cơ thể, tức là đem sanh lực cho lục phủ, ngũ tạng đặng nuôi sống xác thân.

Mỗi khi bị bệnh là do điển quang chẳng được lưu thông khiến nên mệt nhọc. Vậy muốn vận chuyển điển quang trong cơ thể thì phải hoặc ngồi, hoặc nằm mà hô hấp cho được điều hoà, chậm chùng nào hay chùng đó. Trong khi ấy, phải để tâm được tịnh, mỗi buổi sáng, phải lấy khí dương, cũng bằng cách hô hấp điều hoà, nhưng đứng day mặt về đông, buổi chiều lấy khí âm, nhưng đứng quay mặt về tây.

Mấy em rán tập cho thường như vậy trong một thời gian sẽ kết quả. Mỗi lần độ nửa giờ là đủ.

Còn vận chuyển điển quang của Chơn Thần thì trong lúc ấy, phải đem hết khả năng, tư tưởng trụ lại mà vận hành cho khí xuất dương, nghĩa là phải định Thần vậy.

Còn muốn vận chuyển điển quang của Chơn Linh, thì là phương tham thiền nhập định đó. Những nhà tu dụng được đệ lục giác quan cũng nhờ phương pháp đó rồi chuyển đi tư tưởng.

Mấy em nếu chịu khó công phu luyện tập, thì ngày sau sẽ dùng nó trong việc tình báo với nhau, nghĩa là, giữa hai em xa cách

có thể nói chuyện với nhau bằng Chơn Thần mà hiểu nhau được. Cần nhất là khi chuyển đi tư tưởng phải đúng thời đúng khắc, tở như máy thu thanh và phát thanh vậy.

Bần Đạo khuyên mấy em rán trì chí, Bần Đạo rất mong kết quả.

Đêm nay như vậy là đủ, và cũng để chấm dứt bài học về Tam Thể xác thân.

Bần Đạo kiếu.

Thăng

**Đêm cúng Tất niên 21 tháng chạp năm Tân Mão
(DL. 17/1/52)**

Phò Loan: Thừa sử Hội, Luật sự Nhung.

**Hầu Đàn: Thừa sử Phước, Luật sự: Tiếp, Tở,
Hội, Đùng, Hưởng**

Thư ký: Minh

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào mấy em,

Đại hỷ! Mấy em tổ chức coi long trọng quá. Khá thủ lễ, có các đáng đến chung vui. Bần Đạo mừng thấy khoa Bí Pháp này mấy em đã lãnh hội được chút ít, đó là sở vọng của Bần Đạo. Có vậy, mấy em mấy xứng vị trong cửa Hiệp Thiên chớ. Chung niên Bần Đạo để lại cho mấy em một bài thi:

Cửa tục Động đào để nét Tiên,
Khai Thần định trí hiệp đưa thuyền.
Cầu Ngân hẳn được khi mời khách,
Kinh Ngọc ắt nên lúc chọn duyên.
Mở nét huỳnh cân tua sửa thế,
Đóng đường âm khí sắp trao nguyên.

Chúc qua năm mới thêm phần huệ,

Học thấu cơ mầu đến đảnh Tiên

Bần Đạo sẽ đem các sự học vấn của mấy em ra Đại Hội Thiên Triều đăng cầu xin thêm ân huệ cho mấy em. Bần Đạo nhượng cơ cho Anh Cả.

Tiếp diễn

Thượng Trung Nhựt,

Qua mừng chung mấy em.

Chung niên qua thấy mấy em mà qua tủi thân cho Cửu Trùng Đài quá lẽ. Thương cho họ thiếu hiểu. Cuối năm, Qua chỉ mong chúc mấy em được rạng thêm danh khí, cầm đuốc huệ giữ mực Chơn Truyền. Qua rất mong sự học hỏi này giúp phần hay cho mấy em đăng tằm phượng dìu dẫn bên phần xác.

Qua xin để một bài thi:

Mừng rạng Chơn Thần giữ trọn công,

Đèn từ soi khắp chiếu non sông.

Sửa đời mong có Chơn Thần tẩm,

Đặng dẫn xác thân đến cõi bông.

Qua xin nhượng cơ cho Thanh Sơn Đạo Sĩ.

Tiếp diễn

Bạch Vân

Đại tiểu! Đại tiểu!

Mừng chư môn đệ cùng các em.

Thi:

Dẫn thế về Tiên có mấy tay,

Mừng thay cửa Đạo Hiệp Thiên Đài.

Đưa cờ dìu chúng qua bờ bãi,

Nắm kiếm độ sanh khỏi sóng tai.
Cứu giống Lạc Hồng còn luyện thế,
Sửa dòng Nam Việt lại tương lai.
Chúc thêm bước tiến qua non Phật,
Chiếm được chiến bào cứu nạn tai.

Có các vị Tiên Nữ muốn nhập cơ.

Bần Đạo kiếu.

Thăng.

Diêu Trì Cung Tiên Nữ

Mừng mấy em,

Văn:

Hoa tươi thắm sắp mừng xuân mới,
Đón chào Tiên đã tới Đào Nguyên.
Sông Ngân sắp sẵn con thuyền,
Chờ ngày đón khách may duyên trở về.
Cắm tú đậy ra bề Tiên giới,
Mở Thần Quang bước tới Đào Nguyên.
Nắm cân giữ lấy Đạo quyền,
Đưa thuyền Bát Nhã độ duyên cõi trần.
Liễu ủ nét đứng gần trúc thạch,
Nhớ nguồn cơn muốn trách thợ trời.
Thương dân Hồng Lạc lưng vơi,
Trường thi đã vắng chợ đời lại đông.
Huệ đưa hương ướp nồng thân để,
Khóc cho người chẳng kể dân Nam.
Chỉ lo một chước dấy tham,
Chẳng tình bạn hữu, chẳng màng nghĩa nhân.
Lễ nhà Nam mười phần chưa bốn,

Bởi Hiệp Thiên có vốn không lời.
Chúc mau tiến kịp cơ trời,
Sửa hồn Việt chùng về mười như xưa.
Khiết tinh ba khá ngừa bóng khuyết,
Giữ cho tròn ấn quyết Hiệp Thiên,
Mở trường đã có Chư Tiên,
Chúc thêm tài đức giữ giếng Đài Cao.

Bát Nương

Chị chào mấy em,

Chị Tam Nương và chị Tứ Nương vắng mặt, nhờ chị kiều lỗi.

Chị xin mừng và chúc một bài thi:

Hoa sen trong trắng có gì hơn,
Ở chốn bùn như chẳng dạ hờn.
Chúc đến Nhâm Thìn thêm trí cả,
Đặng theo Liên Bạch giúp đời chơn.

Chị mừng thấy mấy em được trọn Lễ, mấy em khá gắng thêm.

Chị lui.

(Còn tiếp)

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ ĐẠO CAO ĐÀI

LỜI NÓI ĐẦU

Vài người bạn thân của chúng tôi, mặc dầu có nhiều cảm tình với Đạo Cao Đài, nhưng vẫn thường thắc mắc :

- Tại sao gọi là Đạo Cao Đài ?
- Tam Kỳ Phổ Độ là gì ?
- Tại sao lại thờ Con Mắt ?
- Giáo Chủ của Đạo Cao Đài là ai ?
- Đạo Cao Đài có phải là Đạo Phật hay không ?

Sưu tầm tài liệu để biên soạn những bài tìm hiểu sau đây, chúng tôi hy vọng rằng có thể giải đáp được phần nào những thắc mắc kể trên.

Xin Quý Huynh Tỷ Đệ Muội vui lòng góp ý kiến, chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi điều chỉnh lại.

Trân trọng kính chào và mong chờ sự góp ý của Huynh Tỷ Đệ Muội.

HT. Nguyễn Trung Đạo

TÔN CHỈ ĐẠO CAO ĐÀI

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, là một nền Tân Tôn Giáo đã được Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dùng huyền diệu cơ bút sáng lập tại Việt Nam vào ngày **Rằm tháng Mười năm Bính Dần**, dương lịch 19-11-1926, tại tỉnh Tây Ninh.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài được ghi rõ ở phần đầu của bài Sơ Văn Thượng Tấu, nội dung như sau :

“ Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt ”

Tam Giáo gồm có : Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo.

Ngũ Chi gồm có : Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

Chữ NGUYÊN có nghĩa là gốc, chữ NHỨT có nghĩa là một, nhưng cả hai chữ đều chỉ Đức Thượng Đế, vì Ngài là gốc của các nền tôn giáo, và là một ngôi Thái Cực tuyệt đối.

- *Tam Giáo qui nguyên* là ba nền tôn giáo đều trở về một gốc. Cái gốc đó là chơn lý tuyệt đối hằng hữu, tức là Đức Thượng Đế.

- *Ngũ Chi phục nhứt* là năm nhánh Đạo trở lại thành một. Một đó là Đại Đạo, mà một đó cũng là Thái Cực, tức Đức Thượng Đế.

Nói Tam Giáo qui nguyên là nói trong phạm vi Á Đông, nơi mà ba nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) được mở ra để giáo hóa nhơn sanh trong vùng này.

Nói Ngũ Chi phục nhứt là nói trên toàn thế giới, gồm tất cả các Tôn Giáo trong đó có Tam Giáo.

Tóm lại : *Câu Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt có nghĩa là 3 nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) ở vùng Á Đông và 5 nhánh Đạo (Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn) ở toàn thế giới đều qui về một gốc là Đức Thượng Đế.*

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài cũng đã được Quý vị Tiền Khai nói lên trong **Tờ Khai Đạo** gửi cho Nhà Cầm Quyền Pháp trước ngày làm Lễ Khai Đạo, nội dung tóm lược như sau.

Vốn từ trước, ở Việt Nam có ba Tôn Giáo là *Thích Giáo, Lão Giáo và Khổng Giáo* (tức Phật Giáo, Tiên Giáo và Nho Giáo).

Tiên Nhơn chúng ta sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo tôn chỉ quý báu của các vị Chưởng Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu “ *Gia vô bế hộ, lộ bất thập di* ” chỉ nghĩa là con người thuở ấy an nhàn cho đến ban đêm ngủ không cần đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy của rơi không ai lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cơ sau đây :

1.- Những người tu hành đều phân chia ra nhiều phe, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ tôn chỉ của Tam Giáo đều như một, là làm lạnh lánh dữ và kính thờ Đấng Tạo Hóa,

2.- Lại canh cải mỗi chánh truyền của các Đạo ấy làm cho thất chơn truyền,

3.- Những dư luận phản đối nhau về Tôn Giáo mà ta thấy hằng ngày cũng tại bả vinh hoa và lòng tham lam của nhơn loại mà ra. Nên chi người Việt Nam bấy giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện, tận mỹ ngày xưa.

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người Việt Nam vì căn bản, vì tôn giáo, đã tìm phương thế hiệp Tam Giáo lại làm một (qui nguyên phục nhứt) gọi là Đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May thay cho chúng sanh, Thiên tòng nhơn nguyện, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàn dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ tại cõi Nam nầy. Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại Ân Xá lần thứ ba. Những lời của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy chúng ta đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tôn Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết :

-Luân lý cao thượng của Đức Khổng Tử,

-Đạo đức của Phật Giáo và Tiên Giáo là làm lành, lánh dữ,

thương yêu nhưn loại, cư xử thuận hòa mà lánh cuộc ly loạn giặc giã.

Vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ, cách nay khoảng 2500 năm, ba Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo là :

- Đức Khổng Tử* : Giáo Chủ của Đạo Nho,
- Đức Phật Thích Ca* : Giáo Chủ của Đạo Phật,
- Đức Lão Tử* : Giáo Chủ của Đạo Tiên tức Lão Giáo.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, cách nay khoảng hơn 85 năm, để tránh sự chia rẽ giữa các Tôn Giáo, Đức Thượng Đế hiệp cả 3 Tam Giáo trên lại thành một nền Đại Đạo, lấy tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, do chính Đức Thượng Đế làm Giáo Chủ. Đức Thượng Đế giao cho Đức Phật Mẫu đảm đương công việc này, do vậy mà trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh có câu :

*Hiệp vận chửng nhưt môn đồng mạch,
Qui thiên lương quyết sách vận trù.
Xuân Thu, Phát Chủ, Bát Vu,
Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn.*

Tạm hiểu : Đức Phật Mẫu đem cái thiên tánh tốt đẹp của con người trở về với con người, rồi hiệp các chủng tộc của nhưn loại thành một nhà, cùng chung một tín ngưỡng, một Đạo, không phân biệt quốc gia dân tộc. Lấy biểu hiệu của Tôn Giáo, như *Kinh Xuân Thu* của Đạo Nho, *Cây Phát Chủ* của Đạo Tiên, *Bình Bát Vu* của Đạo Phật, Đức Phật Mẫu hiệp cả ba Tam Giáo lại thành một nền Đại Đạo (tức là Qui Nguyên Tam Giáo) để tìm cho ra chơn pháp.

Do vậy mà Giáo Lý của Đạo Cao Đài là sự tổng hợp có sáng tạo của tinh hoa giáo lý *Tam Giáo* và *Ngũ Chi* đã có từ xưa, hiệp với *Thánh Giáo* ngày nay của Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ lập thành một nền **Tân Giáo Lý**, gồm đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn chánh.

Người ta tìm thấy trong giáo lý của Đạo Cao Đài có một ít giáo lý của các tôn giáo khác, như là :

- *Của Phật Giáo*, thì có : Ngũ Giới cấm, Giới Luật ăn chay, Thuyết Luân Hồi, về hình thức thì có dùng chuông mõ để tụng kinh,...

- *Của Tiên Giáo*, thì có : luyện Tam Bửu Tinh-Khí-Thần, về hình thức thì có dùng cơ bút để thông công với các Đấng Thiêng Liêng,...

- *Của Nho Giáo*, thì có : Tam cương, Ngũ thường, Tam tòng, Tứ đức, thờ cúng Ông Bà, về hình thức thì có Lễ Sĩ để dâng phẩm vật lên các Đấng Thiêng Liêng,...

- *Của Thiên Chúa Giáo*, thì có : tôn thờ Đức Thượng Đế, cách tổ chức Giáo Hội từ trung ương đến địa phương, về hình thức thì có dùng nhạc trong Thánh Đường,...

Ngoài ra, Đức Thượng Đế còn giáng cơ ban cho Đạo Cao Đài một số đặc ân trong Đại Ân Xá Kỳ Ba như là : Giáo Lý về Vũ Trụ Quan và Nhơn Sinh Quan, những Bí Tích về Phép Giải Oan và Phép Độ Hồn, những Bài Kinh Tận Độ Vong Linh, v.v...

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ đứng làm Giáo Chủ Đạo Cao Đài, nhưng Ngài giao quyền chưởng quản Cơ Đạo về mặt vô vi cho ba Đấng Thiêng Liêng gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm, gồm có :

-*Nhứt Trấn Oai Nghiêm là Đức Lý Đại Tiên Trưởng* thay mặt Đức Lão Tử, cầm quyền Tiên Giáo,

-*Nhị Trấn Oai Nghiêm là Đức Phật Bà Quan Âm* thay mặt Đức Phật Thích Ca, cầm quyền Phật Giáo,

-*Tam Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thánh Đế Quân* thay mặt Đức Khổng Tử, cầm quyền Nho Giáo.

Vậy Tam Trấn Oai Nghiêm là Ba Đấng có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Chí Tôn, thay

mặt Ba Đấng Giáo Chủ cầm quyền Tam Giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ.

**Đức Lý Nhứt Trán Oai Nghiêm* thủ cơ truyền Đạo, lập luật pháp nghị định chơn truyền, công thưởng tội trừng, vô tư vô vị, chấp chưởng cơ quan, tạo thời cải thế, đương kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

**Đức Quan Âm Nhị Trán Oai Nghiêm* là vị Bồ Tát nghe biết được tiếng kêu cứu của chúng sanh nơi cõi trần để hiện thân đến cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh. Hầu như nhưn sanh khắp các nước Đông Nam Á đều tin tưởng và ngưỡng vọng nơi sự cứu độ nhiệm mầu của Ngài mỗi khi gặp tai biến trong mọi trường hợp. Ý nghĩa này được thể hiện trong câu thơ sau đây :

Nhứt niệm Quan Âm thùi bảo mạng.

(Bài thi về Tịch Đạo nữ phái)

Tạm hiệu: *Một lần niệm danh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thì được Bồ Tát rủ lòng thương xót bảo vệ mạng sống.*

Trong Quyển Luật Tam Thế có ghi là đêm 10 tháng Giêng Nhâm Thìn (5-2-1952), Bát Nương Diêu Trì Cung giáng cơ có dạy như sau :

“Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo Hóa cho vạn linh, ngoài ra còn có hàng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ Độ mà Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu”.

**Đức Quan Thánh Đế Quân Tam Trán Oai Nghiêm* đại diện cho Nho Tông Chuyển Thế. Ngài thừa mạng linh Đức Ngọc Đế giáng trần vào thời Tam Quốc. Ngài giữ trọn Tam Cang, Trung, Nghĩa, chánh trực, công bình. Đến buổi qui vị Ngài hiển Thánh, nhờ Phổ Tịnh Thiền Sư đến khai linh, nên đăng siêu thăng yết kiến Đức Thượng Đế, mới được đặc hàng phẩm Phật Đà Lam. Nay trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài nắm luật công bình, diệt trừ những kẻ tà tâm phản loạn chơn truyền phân phe lập

phái.

Thờ Tam Trấn Oai Nghiêm còn có ý nghĩa là thờ ba thể tánh: Bi, Trí, Dũng :

- *Đức Quan Âm* tượng trưng thể **Bi** : thương xót.
- *Đức Lý Đại Tiên* tượng trưng thể **Trí** : sáng suốt.
- *Đức Quan Thánh* tượng trưng thể **Dũng**: Ý chí mạnh mẽ.

TÓM LẠI: Tuy Đạo Cao Đài là một Tôn Giáo mới được khai sanh, còn non trẻ so các với nền Tôn Giáo khác, nhưng Đạo Cao Đài có được một Giáo Lý rất cao thâm mà từ trước đến giờ chưa có một Tôn Giáo nào có được, đó là nhờ vào Thánh Giáo của Đức Thượng Đế và sự thống nhất giáo lý của ba Tam Giáo lớn là Nho, Thích, Đạo, nghĩa là Đạo **Nho** của Đức Khổng Tử, Đạo **Tiên** của Đức Lão Tử và Đạo **Phật** của Đức **Thích Ca Mâu Ni**. Sự thống nhất này tưởng chừng như không thể nào dung hòa được, vì từ trước đến giờ các Tôn Giáo thường hay tranh luận sự thấp cao, hơn kém, Tôn Giáo nào cũng cho rằng Đạo mình là hơn, mà không rõ được sự huyền vi ở chỗ các Tôn Giáo đều có chung một nguồn là **Đạo**. Tam Qui Ngũ Giới của **Phật**, Tam Bửu Ngũ Hành của **Tiên**, Tam Cang Ngũ Thường của **Thánh** vẫn qui nhứt về một chữ **Đạo** mà thôi, nên trong kinh Đạo Cao Đài có câu “*Một cội sanh ba nhánh in nhau*”.

GHI CHÚ:

PHẬT :

Tam Qui : *Qui y Phật, Qui y Pháp, Qui y Tăng.*

Ngũ Giới: *Bất: Sát Sanh, Du Đạo, Tà Dâm, Tửu Nhục
Vọng Ngữ.*

TIÊN:

Tam Bửu: *Tinh, Khí, Thần.*

Ngũ Hành: *Kim, Mộc Thủy, Hỏa, Thổ.*

THÁNH:

Tam Cang: *Quân Thân cang, Phụ Tử cang, Phu Thê cang.*

Ngũ Thường: *Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.*

- *Bất Sát Sanh* là Nhân.
- *Bất Du Đạo* là Nghĩa
- *Bất Tà Dâm* là Lễ
- *Bất Tửu Nhục* là Trí.
- *Bất Vọng Ngữ* là Tín.

Ở Việt Nam, từ các thời Đinh, Lê, Lý, Trần đều lấy Tam Giáo Qui Nguyên làm nền tảng Quốc Học. Ngoài đời, nhân dân thờ cúng Tổ Tiên (Đạo Nho), tụng Kinh Phật và tin tưởng luật Nhơn Quả Luân Hồi (Đạo Phật), dùng Cơ Bút để thông công với các Đấng vô hình (Đạo Tiên), một số người tin vào Thầy Bùa Thầy Pháp (một biến thể của Đạo Tiên). Thế thì việc Tam Giáo Qui Nguyên đã có từ thời xưa, nhưng ngày nay Đức Thượng Đế mới lấy đó làm Giáo Lý của Đạo Cao Đài và thêm vào đó những Thánh Giáo thích hợp với thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tam Giáo Qui Nguyên đã được phổ truyền trong nhơn loại, nay Đức Thượng Đế qui nguyên Tam Giáo và phục nhứt Ngũ Chi, là có ý thức tỉnh nhơn loại rằng : Các Tôn Giáo hiện hữu tuy có khác nhau về hình thức, về danh từ, nhưng bên trong thì Tôn Giáo nào cũng thờ Một Đấng Cao Cả, tượng trưng Chúa Tế Càn Khôn Thống Trị vạn vật. Đó cũng là một cách bày tỏ cho nhơn loại hiểu rằng : Cả nhơn loại tuy có khác nhau về màu da, sắc tóc, tiếng nói, song cả loài người đều là con cái của một Đấng Tạo Hóa.

Thiết tưởng cả loài người đều nhìn nhau là con một Cha thì tình tương thân tương ái sẽ được thực hiện. Như vậy lời cầu nguyện hằng ngày của người Tín Đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “*Tứ Nguyện Thiên Hạ Thái Bình*” sẽ không còn là xa vời nữa.

HT. Nguyễn Trung Đạo

Tìm hiểu giáo lý Đạo Phật Bát Chánh Đạo

Bát Chánh Đạo là pháp môn rất thiết yếu, rất thực tế, rất thông dụng cho bất cứ ai, không cứ phải là Phật Tử, trên thế gian này, muốn xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa, muốn sống trong an lạc và hạnh phúc.

Bát chánh đạo giúp con người cải thiện tự thân. Con người do mê mờ nên hành vi bất chánh, ngôn ngữ đảo điên, ý niệm tà vạy, chạy theo dục vọng, sống theo tà đạo, làm việc bất lương. Trái lại, nếu con người biết tu theo bát chánh đạo thì sẽ chuyển hóa được những sự bất chánh nói trên, kiến tạo được một đời sống chân chánh, ích lợi, an lạc và hạnh phúc.

Theo quan điểm của Phật giáo, không cần phải thờ phượng Đức Phật Thích Ca, hay bất cứ vị Phật nào, vị Bồ Tát nào, chỉ cần sống đúng theo tinh thần bát chánh đạo, bất cứ người nào cũng đều được an lạc và hạnh phúc, cao hơn nữa, đều được giác ngộ và giải thoát.

Bằng như ngược lại, lập bàn thờ Phật tại gia, đi chùa lễ bái, mà không sống đúng theo tinh thần bát chánh đạo, dù là Phật tử tại gia hay xuất gia, cũng chẳng có ích lợi gì!

Đó mới thực là chí công vô tư, mới thực là chánh đạo vậy. ¹

Tỳ Kheo Thích Chân Tuệ

1-KÍNH MỜI VIẾNG THĂM

<http://phtq-canada.blogspot.ca/2011/11/bat-chanh-ao-cu-tran-lac-ao-1.html>.

<http://phtq-canada.blogspot.com/2011/11/bat-chanh-ao-cu-tran-lac-ao-1.html>

Trong cuộc đời đau khổ trên thế gian này, khi gặp những việc tai biến, những sự bất trắc, những chuyện bất như ý, con người thường có khuynh hướng cầu nguyện van xin tổ tiên ông bà, thánh thần thiên địa, Ngọc hoàng Thượng đế, Bồ Tát Phật Tổ, từ bi gia hộ, thương xót cứu giúp, tai qua nạn khỏi, cho được bình yên. Nhưng thực ra, chúng ta ai ai cũng hiểu rằng việc cầu nguyện chỉ có tác dụng giúp cho con người được an tâm trong giây phút cầu nguyện đó thôi. Có mấy ai cầu gì được nấy? Cầu xin không được đáp ứng, chẳng lẽ thiên địa không bác ái, Bồ Tát không từ bi? Còn Đức Phật cứu độ chúng sanh bằng cách nào, như thế nào?

Đạo Phật không chỉ dạy cầu nguyện như là cứu kính. Theo quan niệm của Phật giáo, cầu nguyện được xem như những lời chúc lành, những mong muốn thiết tha, với mục đích vị tha bất vị kỷ, vì người không vì mình, một cách phát tâm đại từ bi. Chẳng hạn như chúng ta cầu nguyện cho quốc thái dân an, chúng sanh an lạc. Chúng ta làm được việc tốt gì, có được công đức hay phước báu nào, cũng hồi hướng, cầu nguyện cho tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật đạo. Chẳng hạn như chúng ta cầu nguyện cho cha mẹ được mạnh khỏe bình yên, sống lâu trăm tuổi. Song việc đó có được hay không, còn tùy phước duyên của cha mẹ. Tuy nhiên, việc cầu nguyện như vậy cũng nói lên được lòng hiếu thảo chân thành của chúng ta.

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật có dạy: “Hãy tự thấp đuốc lên mà đi. Thấp lên với Chánh Pháp”. Nghĩa là mọi người hãy tự mình tích cực chuyển hóa thân tâm của mình, bằng cách cố gắng học hiểu giáo lý của đạo Phật, đó là ngọn đuốc Chánh Pháp, soi đường chỉ lối, giúp con người thoát ly phiền não và khổ đau của cuộc đời, khi thực sự đem áp dụng vào đời sống hằng ngày. Đó là cách duy nhất thập phương tam thế chư Phật cứu độ chúng sanh. Người Phật Tử chân chánh cần nên nhớ kỹ điều này.

Theo giáo lý của đạo Phật, con người can đảm nhìn nhận sự thực là: cuộc đời khổ nhiều vui ít, nhưng không tư tưởng tiêu cực, không bi quan yếm thế, không ngán ngẩm chán chường. Trái lại, con người tích cực tìm phương cách để được giác ngộ và giải thoát, không thụ động chấp nhận, không cầu nguyện van xin. Để giúp chúng sanh được sống an vui, xả trừ phiền phức, cắt đứt trói buộc, dẹp tan phiền não, thoát ly đau khổ, trong tam tạng kinh điển, Đức Phật thuyết minh “Bát Chánh Đạo”.

Bát chánh đạo là phương pháp giản dị, thích hợp với đời sống hằng ngày của chúng sanh, nhằm mục đích cải thiện tâm lý, ngôn từ và hành động, giúp đỡ con người bỏ tà đạo theo chánh đạo. Bát chánh đạo giúp chúng sanh hưởng về, tiến đến một đời sống chí diệu cao siêu, hay ít ra cũng xây dựng được đời sống an lạc và hạnh phúc. Vì vậy, “Bát Chánh Đạo” còn được gọi là “Bát Thánh Đạo”.

Bát chánh đạo là con đường đưa chúng sanh đến chỗ giác ngộ và giải thoát, gồm tám điều chân chánh, đó là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

***1.- CHÁNH KIẾN:**

Trước hết, chúng ta nhận thức mọi sự vật hiện hữu, tức là muôn pháp trên thế gian, khắp pháp giới, đều do nhân duyên sinh, không trường tồn và sẽ biến diệt. Đó là “Lý Nhân Quả” và “Lý Vô Thường”, hai chánh kiến quan trọng mọi người cần thấu triệt.

A. - Thế nào là chánh kiến?

- Chánh kiến là kiến thức chân chánh. Nghĩa là con người cần có sự hiểu biết và sự nhận thức sáng suốt và hợp lý. Chánh kiến có ích lợi giúp con người không sống trong mê lầm, điên đảo.

Người có chánh kiến thấy như thế nào thì nhận đúng như thế ấy, không thay đổi trắng đen, không kỳ thị xấu tốt, không phê phán hay dở. Chánh kiến là sự hiểu biết và nhận thức không bị tập quán, thành kiến, dục vọng hay tâm phân biệt, ngăn che và làm sai lạc. Người có chánh kiến hiểu biết tường tận thế nào là chánh tà, chơn ngụy, đại tiểu, thiên viên, nhưng với tâm bình thường, tâm chính trực và tâm bất tùy phân biệt.

a) Lý nhân quả:

Chúng ta ai ai cũng biết: “Gieo nhân nào gặt quả nấy”. Thí dụ như có hạt cam gieo xuống đất, gọi là “nhân”, cộng thêm nước tưới, ánh sáng, phân bón, công chăm sóc, gọi là “trợ duyên”, chúng ta sẽ gặt hái được “quả cam”, sau một thời gian nào đó. Không thể nào gieo hạt cam ngọt lại gặt quả chanh chua được, hay ngược lại. Lý nhân quả còn được gọi là lý nhân duyên.

* Không bao giờ có quả mà không có nhân. Có mây mới có mưa, có lửa mới có khói, gieo gió mới gặt bão, sinh sự thì sự sinh. Không thể có chuyện tự nhiên có cái cây mọc lên, mà không có hạt giống trong đất. Không thể có chuyện tự nhiên chúng tôi chửi mình, mà mình chẳng có làm gì hết, trong kiếp này hay những kiếp trước! Đó là chân lý. Đó là lý nhân quả hay lý nhân duyên. Nhận rõ quả báo của hành vi, ngôn từ và ý niệm của chính mình như vậy, chúng ta sẽ không trách người, trách trời, trách đất gì hết, chỉ biết trách mình, cho nên không còn phiền não và khổ đau nữa. Trái lại, chúng ta tích cực sửa đổi tâm tánh, làm sao cho mỗi ngày một tốt đẹp hơn, để cuộc đời được sáng sủa hơn, gia đình được hạnh phúc hơn.

* Việc này sinh ra do việc kia đã sinh ra. Không có chuyện gì xảy ra, dù lớn hay nhỏ, dù quan trọng hay bình thường, mà không do có chuyện khác xảy ra trước đó. Thí dụ như chúng ta có cái bánh để ăn, nguyên do trước đó có bột, có đường và có công thợ, dĩ nhiên cũng do chúng ta có tiền mua. Thí dụ như:

Cơ thể phát phì nguyên do ăn uống quá độ. Nghèo túng nguyên do làm biếng. Bệnh tật nguyên do thiếu vệ sinh. Con cái không có tình thương đậm đà nguyên do cha mẹ không thường xuyên chăm sóc, gần gũi. Thiên hạ thù ghét nguyên do lời nói khó nghe. Vợ chồng lục đục nguyên do thiếu sự cảm thông, thiếu sự hiểu biết, thiếu sự hòa hợp.

* Muôn sự muôn vật trên thế gian này đều do nhân duyên sinh. Mọi sự mọi việc không do ông trời, không do một đấng tạo hóa đầy quyền năng nào tạo ra cả. Có người cho rằng: chính con người sinh ra thượng đế, bởi vì thượng đế chỉ là sản phẩm do con người tưởng tượng mà thôi. Mỗi đạo giáo, mỗi dân tộc, mỗi thời gian, có mỗi quan niệm khác nhau về thượng đế. Thượng đế, nếu có thực, không thể để cho các người thế gian lợi dụng danh nghĩa và phải là đấng chí công vô tư. Tại sao lại có những chuyện: trời thương người này hơn người kia, cho người này sung sướng hơn người kia, người này sinh ra khỏe mạnh, trong cảnh giàu sang, người kia sinh ra tật nguyên, trong cảnh nghèo khó, dân tộc này giàu sang sung sướng, dân tộc khác nghèo nàn khổ cực?

Theo giáo lý của đạo Phật, sở dĩ người này khác người kia về phương diện này hay phương diện nọ, bởi vì mỗi người tạo tác nghiệp nhân khác nhau, cho nên nhận nghiệp quả khác nhau. Cũng như người làm bánh thì ăn bánh, người nấu chè thì ăn chè. Chính mình làm mình hưởng. Chính mình làm mình chịu. Đó mới thực là chí công vô tư vậy.

b) Lý vô thường:

Chúng ta ai ai cũng biết: “Có sinh ắt có diệt”. Nghĩa là muôn sự muôn vật trên thế gian này đều không tồn tại vĩnh viễn. Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật có dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nghĩa là bất cứ vật nào có hình tướng, nhìn thấy được bằng cặp mắt thường, lớn như quả núi, tòa nhà, nhỏ

như tẩm thân chúng ta, như hạt cải, hạt cát, tất cả đều hư vọng, đều trải qua bốn giai đoạn: “sinh, trụ, dị, diệt”. Mọi vật sinh ra, trụ thế một thời gian ngắn dài, rồi cũng biến dị và cuối cùng cũng bị diệt mất! Thí dụ như: Cây bông hồng từ hạt giống trong đất sinh ra, mọc lên, trổ hoa. Hoa hồng khoe hương sắc, ít ngày sau héo úa, tàn lụi, trở thành phân bón cho bông hồng khác sau này. Cuộc đời cứ như thế tiếp diễn không ngừng, đạo Phật gọi là “sự luân hồi”, cũng như bánh xe quay mãi, quay mãi vậy. Hiểu được như vậy, khi của cải vật chất, xe hơi đồ đạc bị mất mát hư hao, khi con cái lỡ tay đập bể hay làm hư hại vật gì, dù quý giá đến đâu, thậm chí khi người thân đến lúc qua đời, chúng ta sẽ không khổ đau nhiều. Hiểu được như vậy, khi gặp một việc tai biến, một sự bất trắc, một chuyện bất như ý, thậm chí tán gia bại sản, người thân biến thành kẻ thù, chúng ta cũng sẽ không đau khổ nhiều. Chuyện gì rồi cũng sẽ qua, có gì tồn tại mãi mãi đâu mà cố chấp, tranh đua hơn thua, cái mạng sống này còn không giữ được nữa, huống là thứ gì khác trên đời này? Có ai sống mãi không chết? Có ai trẻ mãi không già? Có ai khỏe mãi không đau? Đó là lý vô thường. Có câu: Bèo hợp rồi tan, trăng tròn rồi khuyết. Cuộc đời cứ như thế xoay vần đổi thay, không bao giờ dừng. Thường xuyên quán chiếu, tin sâu “Lý Nhân Quả” và “Lý Vô Thường”, cuộc đời của con người sẽ an lạc và hạnh phúc hơn.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật có dạy:

“Nhân duyên hòa hợp hư vọng hữu sinh.

Nhân duyên ly tán hư vọng hữu diệt”.

Nghĩa là: Muôn sự muôn vật trên thế gian này do nhân duyên hình thành, tạm gọi là sinh. Muôn sự muôn vật do nhân duyên tan rã, tạm gọi là diệt. Thí dụ như: Một chiếc xe mới được hình thành do tất cả các bộ phận, các phụ tùng ráp lại, tạm gọi là sinh. Đến khi xe hư, các phụ tùng, các bộ phận được tháo rời ra, chiếc xe không còn nữa, tạm gọi là diệt.

Thí dụ khác: Tắm thân tứ đại của chúng ta cũng vậy, hình thành do đất, nước, gió, lửa, tạm gọi là sinh. Sống đời một thời gian nào đó, khi hết nhân duyên, thì cát bụi trở về với cát bụi, tạm gọi là chết. Tại sao vậy? Bởi vì khi đó, chính là lúc chúng ta bắt đầu một kiếp khác. Bánh xe luân hồi đang chuyển động đó vậy.

B. - Thế nào là tà kiến?

Ngược lại, tà kiến là sự hiểu biết và nhận thức sai lầm. Theo quan điểm của Phật giáo, cho sự hiện hữu của tự thân và hoàn cảnh đều là tự nhiên, không có quả báo cùng nhiều duyên khác tập hợp, đó là tà kiến và mê tín. Chấp thượng đế tạo vật, phủ nhận nhân quả nghiệp báo, chủ trương định mệnh, phủ nhận kết quả của hành nghiệp, đó là tà kiến và mê tín. Quan niệm thương ghét khác biệt giữa người và người, giữa người và vật, coi thú vật sinh ra để nuôi sống con người, đó là tà kiến và mê tín.

Cố chấp thành kiến, quan niệm phân biệt phải trái, đúng sai cố định, đi tới kết luận, người nào không tin theo tín ngưỡng như mình, đều phải bị trừng trị nghiêm khắc, phải bị đọa địa ngục đời đời, đó là tà kiến và mê tín. Chấp theo thần thoại, đồng bóng bói toán, xem sao giải hạn, định hướng nhà cửa, tin bướng tin cần, tin vô căn cứ, làm bể cái gương, điềm không may mắn, đầu năm quét nhà, tài lộc ra cửa, mừng năm mười bốn hăm ba của dân ta, con số 13 của dân tây, cho là xui xẻo, đó là tà kiến và mê tín. Đốt vàng mã, tiền bạc, xe hơi, nhà lầu, áo quần, hình nhơn bằng giấy, cho người chết xài dưới âm phủ, đó là tà kiến và mê tín. Không may đau bệnh, không khám bác sĩ, không đi bệnh viện, không muốn uống thuốc, không chịu kiêng cử, lại đi xem bói, thỉnh bùa chú giấy, đem về đốt uống, nước tiên nước thánh, nước suối nước sông, chẳng hạn vệ sinh, cũng đem về uống, đó là tà kiến và mê tín.

Nói chung, những điều gì phản khoa học, trái với chân lý, không theo lý trí, chẳng thể xét suy, không thể kiểm chứng, đều được gọi là tà kiến và mê tín. Tà kiến và mê tín thường có nơi những người có lòng cố chấp nặng nề, chấp ngã và chấp pháp, dù người bình dân, hay kẻ học thức, ở ngoài thế gian, cũng như trong đạo. Đức Phật ra đời, thuyết pháp độ sinh, phá màn vô minh, dẹp tan tà kiến, mê tín dị đoan, chỉ nhằm mục đích, khai thị chúng sanh, ngộ nhập trí tuệ bát nhã, trong Kinh Pháp Hoa, gọi là Tri Kiến Phật, để được giác ngộ và giải thoát.

2. - CHÁNH TƯ DUY:

Sách có câu: “Bình an dưới thế cho người thiện tâm”. Người thiện tâm luôn luôn nghĩ tốt, nghĩ đúng, nghĩ thiện, cho nên làm tốt, làm đúng, làm thiện, và nói tốt, nói đúng, nói thiện. Người thiện tâm là người có tâm trí luôn luôn được bình an, thanh thoi, thư thái.

A. - Thế nào là chánh tư duy?

- Chánh tư duy là sự suy nghĩ chân chánh. Nghĩa là con người cần phải nghiêm xét, nghĩ suy, quán chiếu một cách đúng đắn, hợp với chân lý, không trái với lẽ phải, có lợi cho mình và cho người. Chúng ta thường xuyên suy nghĩ đến “giới, định, tuệ” để tu tập giải thoát, suy nghĩ nguyên nhân gây đau khổ cho chúng sanh, để giải thích và khuyến tu, suy nghĩ những hành vi lỗi lầm, những lời nói sai trái và những tâm niệm xấu xa của chính mình để sám hối và cải đổi. Tất cả những điều đó gọi là chánh tư duy. Chư Tổ có dạy: “Phản quan tự kỷ bổn phận sự”. Nghĩa là quay lại chiêm nghiệm, suy xét, quán sát tự tâm chính mình là phận sự của chúng ta. Chánh tư duy có ích lợi giúp con người không sống trong đen tối, không phạm lỗi lầm do mê tín dị đoan.

Ngày xưa, thời Đức Phật còn tại thế, có một người con của vị

quốc sư, tên là Ma Ha Ca Chiên Diên, đến với Đức Phật xin được xuất gia tu hành. Đức Phật hỏi nguyên do nào ông phát tâm như thế. Ông trả lời rằng: Bởi vì ông chiêm ngưỡng 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Đức Phật. Đức Phật bèn nói: Như vậy, sau này khi thân tướng Như Lai già yếu, ông không còn phát tâm nữa sao? Lần thứ hai, ông lại đến xin được xuất gia. Đức Phật lại hỏi nguyên do. Lần này ông đáp: Bởi vì ông tôn trọng pháp âm vi diệu của Đức Phật. Đức Phật bèn nói: Như vậy, sau này khi Như Lai không thuyết pháp, ông không còn phát tâm nữa sao? Lần thứ ba, ông lại đến xin được xuất gia. Đức Phật cũng hỏi nguyên do. Lần này ông đáp: Bởi vì ông kính phục chư tăng tu hành nghiêm túc, cẩn mật. Đức Phật bèn nói: Như vậy, sau này khi tình cờ thấy vị tăng nào tu hành không như ý ông, ông không còn phát tâm nữa sao?

Ba lần xin được xuất gia đều không toại nguyện, dù ông hết lòng tán thán tam bảo bên ngoài: Phật, Pháp, Tăng. Lần sau cùng, ông đến với Đức Phật và bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn, từ lâu con đã nghe Thế Tôn thuyết pháp, con đã suy nghĩ tường tận chín chắn. Sau đó, đem áp dụng cho bản thân, áp dụng trong gia đình, con thấy có ích lợi thiết thực, tâm được khinh an, gia đạo được yên vui. Cho nên con phát tâm xuất gia để tu hành rốt ráo, cho đến giác ngộ và giải thoát, để tự lợi và lợi tha. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn rủ lòng từ bi hứa khả. Lần đó, Đức Phật chấp nhận. Sau này, Đại Đức Ma Ha Ca Chiên Diên trở thành vị đệ tử nghị luận bậc nhất trong tăng đoàn thời Phật

Lời tác bạch của Đại Đức Ma Ha Ca Chiên Diên mang ý nghĩa sâu sắc trong nhà Phật: Ngài đã nghe Đức Phật thuyết giảng giáo lý, đã suy nghĩ một cách chín chắn tường tận, mới đem áp dụng vào đời sống của Ngài và của gia đình. Đó chính là ba bước “văn, tư, tu” để phát triển trí tuệ bát nhã. Văn có nghĩa là nghe, là học hỏi, là nghiên cứu. Tư có nghĩa là tư duy, là suy nghĩ chân chánh. Tu có nghĩa là sửa đổi, là thực hành, là

áp dụng. Còn được gọi là “Tam Tuệ Học” trong Phật giáo. Ba lần đầu, Ngài hướng lòng tôn kính đến tam bảo bên ngoài, nên chưa được chấp nhận

Sau cùng, Ngài biết “phản quan tự kỷ”, hướng về “tam bảo tự tâm”, biết đường hướng tu hành, để phát sanh trí tuệ. Nghĩa là Phật Tử biết hướng về bản tánh sáng suốt của tự tâm gọi là Phật, hướng về pháp môn vi diệu của tự tâm gọi là Pháp, hướng về bản thể thanh tịnh của tự tâm gọi là Tăng. Do đó Ngài được chấp nhận, bởi vì đạo Phật là đạo giác ngộ và giải thoát, con người đến với đạo Phật bằng cửa trí tuệ, chứ không phải bằng niềm tin như các tôn giáo khác. Trong Kinh A Hàm, Đức Phật có dạy: “Tin tưởng Như Lai mà không hiểu Như Lai, tức là phỉ báng Như Lai”. Đó chính là chánh tư duy vậy.

B. - Thế nào là tư duy bất chánh?

Ngược lại, sự suy nghĩ ích kỷ, lợi mình hại người gọi là tư duy bất chánh. Người nào suy nghĩ đến chuyện tà thuật để mê hoặc lòng người, suy nghĩ đến những phương cách sâu độc để hại người hại vật, suy nghĩ đến mưu cơ để trả thù báo oán, suy nghĩ đến tài sắc danh vọng, đều gọi là tư duy bất chánh. Người nào luôn luôn suy nghĩ đến chuyện lợi mình hại người như vậy, chắc chắn cuộc sống không bình an, luôn luôn bất ổn, hại người nên sợ người hại, gạt người nên sợ người gạt.

3. - CHÁNH NGŨ:

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật có dạy: “Không nên nói lời vô nghĩa. Phải giữ gìn lời nói. Lời nói phải chân thật, đúng lúc, hợp Chánh Pháp, ích lợi cho mình cho người”. Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật có dạy: “Dù nói hàng ngàn lời vô ích, không bằng chỉ nói một lời đúng Chánh Pháp, có ích lợi làm cho tâm người nghe được an tịnh”.

A. - Thế nào là chánh ngữ?

- Chánh ngữ là lời nói chân chánh. Nghĩa là con người nên nói lời thật thà lương thiện, công bình ngay thẳng, có ích lợi chánh đáng. Chánh ngữ là lời nói thành thật và sáng suốt; lời nói ngay thẳng hợp lý, hòa nhã, rõ ràng và giản dị; lời nói ích lợi, dung hòa, khuyến tấn và duy nhất. Chánh ngữ là lời nói hợp Chánh Pháp, có ích lợi, đem lại hòa bình, yên vui cho mọi người mọi nơi. Người giữ gìn chánh ngữ là người dè dặt khẩu nghiệp, cẩn trọng lời nói, không bao giờ nói sai sự thực, không thiên vị, không xuyên tạc, không vu oan giá họa, không hăm he hù dọa.

Cổ nhân có dạy: “Hãy uốn lưỡi bảy lần trước khi nói”. Uốn lưỡi đến bảy lần thì khỏi nói luôn. Lúc đó gọi là ngộ đạo, bởi vì: “Đạo bản vô ngôn thuyết”, bởi vì: “Ngữ ngôn đạo đoạn”. Nghĩa là đạo lý cao siêu, vốn không thể nói, không có lời nào diễn đạt được. Khi còn nói lên được, đó chỉ là phương tiện hướng dẫn mà thôi. Cho nên muốn kiến đạo, đừng chấp lời nói, đừng chấp văn tự. Thí dụ như có người dùng ngón tay để chỉ mặt trăng cho người khác thấy. Ngón tay chỉ là phương tiện. Mặt trăng mới là mục đích cứu kính. Thấy được mặt trăng gọi là thấy đạo, kiến đạo. Cho nên muốn thấy mặt trăng, đừng chấp ngón tay thế này thế nọ.

Tục ngữ có câu: “Lời nói không mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Trong xã hội hay gia đình, nếu mọi người đều thực hành hai câu trên, xã hội sẽ an vui, gia đình sẽ hạnh phúc. Vợ chồng con cái trên thuận dưới hòa, cộng đồng trên kính dưới nhường, cuộc đời tươi đẹp biết là bao nhiêu. Một lời nói nói ra làm cho người nghe hoan hỷ, nụ cười tươi tắn, tâm trí khinh an, đó gọi là chánh ngữ vậy.

B. - Thế nào là tà ngữ?

- Ngược lại, lời nói bất chánh hay tà ngữ là lời nói không chánh đáng, phi lý, tổn hại đến đời sống cùng danh dự của người.

Một lời nói ra có khi làm người nghe phải xúc dầu cù là, nhưc óc nhói tim, có khi ngất xỉu tắt thở luôn, đó là lời nói sâu độc, hiểm ác, đay nghiến, nguyên rửa, nhiếc mắng, thô tục. Một lời nói ra có khi làm tan vỡ hạnh phúc gia đình người khác, đó là lời nói đặt điều thêm bớt, thay trắng đổi đen, nước lã khuấy nên hồ, lộng giả thành chơn, có nói không, không nói có.

Một lời nói ra có khi làm người khác mang họa vào thân, đó là lời nói vu khống cáo gian, vu oan giá họa cho người. Một lời nói ra có khi làm người khác lầm lẫn, đó là lời nói không đúng sự thực, không ngay thẳng, thiên vị, dua nịnh, xuyên tạc, ngụy biện, trau chuốt, với mục đích thủ lợi. Một lời nói ra có khi làm người khác xung đột oán thù, thừa gởi kiện tụng, đó là lời nói đối trá, gây chia rẽ, đâm bị thóc chọc bị gạo, có di hại cho mọi người và muôn vật. Những người có nhiều tự ái, thường khó lòng nhịn được khi nghe những lời nói trái ý, không thuận theo ý mình, thường hay tranh cãi bằng mồm hoặc bằng thư rời.

Có những lời nói vô nghĩa, nhưng cũng có thể làm cho người khác bức mình, tức giận, bất an. Chẳng hạn như có người nói mình ngu như con bò mà bày đặt dạy đời. Lời nói đó thực ra vô nghĩa lý, bởi vì mình không ngu, mình không phải là con bò, cho nên không cần phải quan tâm đến những lời nói như vậy. Trong Pháp Tứ Y, Đức Phật có dạy: “Y nghĩa bất y ngữ”. Nghĩa là chúng ta chỉ nên quan tâm đến ý nghĩa, không nên chấp vào lời nói. Được như vậy, chúng ta bớt nhiều phiền não trên thế gian này.

4. - CHÁNH NGHIỆP:

Con người thường có ba nghiệp, đó là: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Ở đây, chúng ta chỉ bàn về thân nghiệp. Còn khẩu nghiệp thuộc phần chánh ngữ và ý nghiệp thuộc phần chánh niệm.

A. - Thế nào là chánh nghiệp?

- Chánh nghiệp là nghề nghiệp và hành động chân chánh. Nghĩa là con người nên chọn nghề nghiệp chân chánh, hành động một cách ngay thật, có ích lợi chánh đáng cho mình và cho người. Chánh nghiệp có ích lợi giúp con người mang lại bình an, hạnh phúc cho chính mình và cho mọi người xung quanh.

Người giữ gìn chánh nghiệp là người dè dặt thân nghiệp, luôn luôn thận trọng, giữ gìn mọi hành động, cử chỉ, cách cư xử của mình, để không làm thương tổn đến quyền lợi, nghề nghiệp, địa vị, danh giá, hạnh phúc và tánh mạng của mọi người. Người giữ gìn chánh nghiệp là người hành động theo lẽ phải, biết tôn trọng quyền sống và hạnh phúc của mọi người và muôn vật, tôn trọng nghề nghiệp, không xâm phạm tài sản của mọi người, không trác táng, tận tâm với chức nghiệp, biết hy sinh để giải thoát khổ đau cho mọi người.

Người giữ gìn chánh nghiệp là người giữ gìn tam nghiệp được thanh tịnh. Kinh sách có câu: “Tam nghiệp hằng thanh tịnh. Đồng Phật vãng tây phương”. Nghĩa là nếu biết giữ gìn tam nghiệp luôn luôn được thanh tịnh, chúng ta cùng với chư Phật, hiện đời sống trong cảnh giới niết bàn, tự tại giải thoát, không phiền não, chẳng khổ đau, không sợ địa ngục, chẳng cầu niết bàn.

B. - Thế nào là tà nghiệp?

- Ngược lại, tà nghiệp tức là hành vi hay động tác không chánh đáng, phi lý bất lương, tổn hại mọi người. Đó là các hành vi sát hại bạo tàn, giết người hại vật coi như trò giải trí, thú vui tiêu khiển, vui thích trên sự đau đớn của con người và của con thú, trộm cắp của cải, chiếm đoạt tài sản, xúi giục kiện thưa, thưa kiện kiếm tiền, ăn chơi trụy lạc, xa hoa trác táng, khuyến khích người khác xa hoa trác táng, thượng đội hạ đạp, giẫm lên người khác để tiến thân, bất chấp thủ đoạn, sáng tác thơ rơi, đe dọa

mạng sống, nặc danh khủng bố, tinh thần người khác.

5. - CHÁNH MẠNG:

Có một vị thiên sư khi tuổi đã cao, vẫn cứ ngày ngày làm lụng như mọi người khác, các đệ tử thấy vậy bèn đem giấu các dụng cụ làm việc của thầy. Ngày đó, vị thiên sư không làm việc được, nên chẳng chịu ăn uống, và dạy rằng: “Một ngày không làm là một ngày không ăn”.

A. - Thế nào là chánh mạng?

- Chánh mạng là mạng sống chân chánh. Nghĩa là con người cần sinh sống một cách chánh đáng, có đời sống lương thiện, ngay thật, trong sạch, không bạo tàn, không hèn mạt. Chánh mạng có ích lợi giúp con người có cuộc sống bình đẳng, tương kính, không bị rẻ khinh. Người giữ gìn chánh mạng là người sống một cuộc đời có ý nghĩa, lợi mình, lợi người, không ăn bám ai, cũng chẳng ăn không ngồi rồi. Người theo đúng chánh mạng là người sinh sống theo lẽ phải, biết tôn trọng quyền sống và hạnh phúc của mọi người, tôn trọng nghề nghiệp, không xâm phạm tài sản, tận lực làm việc, không tổn hại mọi người và muôn vật, sinh sống với tài năng chân chánh, không giả dối lừa gạt mọi người, sinh sống thanh cao không luồn cúi, không thương đội hạ đạp, sinh sống theo chánh giáo, không mê tín dị đoan.

B.- Thế nào là tà mạng?

- Ngược lại, tà mạng là sinh sống bất lương, gian tham, không chánh đáng, phi lý, phạm pháp, có tổn hại trực tiếp hay gián tiếp đến mọi người, làm tổn hại chúng sanh, giết thú lột da, cưa ngà xẻ thịt, moi óc bẻ sừng, vật lông làm đồ trang sức, may áo may quần, cúng trăng cúng sao, tiên đoán vận mệnh, xem quẻ bói xăm, coi tuổi tình duyên, tương lai gia đạo, ăn gian nói dối, lường gạt mọi người, giao dịch gạt gẫm, sáng chế vũ khí, giết

người hại vật, chế đồ giả mạo. Quan niệm một ngày ăn cướp bằng ba năm làm, sống theo lối nước đục thả câu, ngư ông hưởng lợi, đó là tà mạng.

6. - CHÁNH TINH TẤN:

Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật có dạy: “Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì khó. Ví như nước chảy mãi, đá cũng phải mòn”. Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật có dạy: “Người học đạo phải nên kiên tâm, trì chí, tinh tấn, dũng mãnh, không sợ cảnh khổ trước mắt, phá diệt tà tâm, đạt thành đạo quả”.

A.- Thế nào là chánh tinh tấn?

- Chánh tinh tấn là sự siêng năng chân chánh. Nghĩa là con người siêng năng làm những việc có ích lợi cho mình và cho người. Chánh tinh tấn có ích lợi giúp con người cải tạo thân tâm ngày một thanh tịnh, tốt đẹp hơn, cuộc đời có ý nghĩa hơn. Người theo đúng chánh tinh tấn bao giờ cũng phản quan tự kỷ, quay lại xét mình, siêng năng chuyển hóa tâm trí, cải đổi tánh tình.

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật có dạy: “Chư ác mạc tác. Sách có câu: “Có công mài sắt có ngày nên kim”, nói lên sự kiên tâm bền chí, nhẫn nại phi thường, trải qua thời gian năm tháng, không sờn lòng, không khuất phục, để đạt cho bằng đờ. Chúng thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý. Thị chư Phật giáo”. Nghĩa là: Không bao giờ nên làm các điều ác, các điều bất thiện, dù là nhỏ nhặt. Luôn luôn tinh tấn làm tất cả các điều thiện, dù là điều thiện rất nhỏ. Tự thanh tịnh tâm ý của chính mình. Đó là lời dạy của thập phương tam thế chư Phật. Người theo đúng chánh tinh tấn bao giờ cũng siêng năng sám hối, trừ bỏ những lỗi lầm tội ác đã sinh, siêng năng tu tập các pháp lành, ngăn ngừa tội ác chưa sinh, siêng năng làm việc thiện để tạo thêm phước, phát triển việc lành, siêng năng tu tâm dưỡng

tánh, việc thiện chưa sinh làm cho phát sinh, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng vậy, không hề đổi thay, không chút chán chường. c mục đích cao cả của mình. Người tu theo hạnh tinh tấn của Bồ Tát Đại Thế Chí, làm các việc thiện, cứu người giúp đời, không biết mệt mỏi, không hề nản lòng, không màng tính toán, không chút so đo, không chịu ngừng nghỉ, mặc dù đang gặp nghịch cảnh, đang mắc khổ nạn, đang gặp oán thù, mặc dù có gặp người lấy oán báo ân, cũng vẫn bình thản. Đó là chánh tinh tấn vậy.

B.- Thế nào là tinh tấn bất chánh? -

Ngược lại, có rất nhiều người siêng năng làm những việc bất chánh. Đó là những người chuyên sát nhơn hại vật, gian xảo trộm cắp. Có những người siêng năng trong các việc dối trá hiểm độc, sáng tác thơ rơi, đua nịnh xuyên tạc, rượu chè cờ bạc, xa hoa phung phí, phỉ báng mọi người. Cũng có những người siêng năng bối lông tìm vết, vạch lá tìm sâu, soi mói đời tư, viết thư nặc danh, ngụy tạo chứng cứ, thưa gởi kiện tụng, làm khổ chúng sanh.

7. - CHÁNH NIỆM:

Trong Kinh Đại Tập, Đức Phật có dạy: “Nếu thường xuyên giữ được chánh niệm, tâm không loạn động, dứt trừ được phiền não, thì chẳng bao lâu đắc thành quả vô thượng bồ đề”. Trong Kinh A Hàm, Đức Phật có dạy: “Không hạnh phúc nào có thể so sánh với sự yên tĩnh của tâm trí”.

A. - Thế nào là chánh niệm?

- Chánh niệm là sự nhớ nghĩ chân chánh. Nghĩa là con người có những ý niệm chánh đáng, những đạo lý giác ngộ và giải thoát. Chánh niệm có ích lợi giúp con người sống trong an ổn, yên vui, không tạp niệm, ngày ăn ngon, tối ngủ yên. Người giữ gìn chánh niệm là người dè dặt với ý nghiệp, luôn luôn nhớ

ngĩ tứ trọng ân: ân cha mẹ, ân thầy tổ, ân đất nước, ân mọi người, nhớ ngĩ lỗi lầm để sửa đổi. Người giữ gìn chánh niệm là người sống trong cảnh giới an lạc và hạnh phúc. Để giúp giữ gìn chánh niệm, Đức Phật có dạy bốn phương pháp tập trung tư tưởng như sau: quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Các pháp quán tưởng này được gọi là “Tứ niệm xứ”. Tứ nghĩa là bốn. Niệm nghĩa là thường nhớ ngĩ. Xứ nghĩa là nơi chốn. a)

Quán thân bất tịnh: Nghĩa là quán tưởng thân mình là tập hợp những thứ bất tịnh, không trong sạch, nhơ nhớp, được bọc ngoài bởi lớp da cũng chẳng mấy gì sạch sẽ cho lắm. Khi mạnh khỏe thì còn tạm tạm. Khi ốm đau, tai nạn, bệnh hoạn, già nua, thân mình nhơ nhớp, máu mủ tanh hôi, ghẻ chốc gớm ghê, da dễ nhăn nhúm, đến lúc tắt thở, sinh chương hôi thúi, không ai chịu nổi! Món ăn dù ngon, đưa vô miệng rồi, lở rớt ra ngoài, không dám ăn lại!

b) Quán thọ thị khổ: Nghĩa là quán tưởng sự cảm thọ, thọ nhận là khổ. Do tâm tham lam, con người thọ nhận đủ thứ vật chất của cải để vinh thân phì gia, không cần biết của thọ nhận chính hay tà, bo bo giữ gìn, đến lúc chết, sinh lòng tiếc của, nhắm mắt không yên. Do tâm sân hận, con người thọ nhận đủ thứ lời nói khó nghe, dù vô nghĩa, để bực dọc, tức tối, bất an, sinh lòng thù oán. Do tâm si mê, con người thọ nhận những tư tưởng mười năm báo thù không muộn, do điều gì bất như ý, chạm chút tự ái, cũng hăm he thưa kiện, nhứt định trả thù, để rồi gây ra biết bao nhiêu đau khổ cho người, dù thân hay thù. Nói vắn tắt là: Thọ nhiều thì khổ nhiều, chấp nhiều thì mệt nhiều. Buông xả thì thanh thản, tha thứ thì thư thái. Chuyện rất đơn giản, thực hành không dễ dàng, nhưng không phải bất khả.

c) Quán tâm vô thường: Nghĩa là quán tưởng cái tâm nhỏ hẹp của mình luôn luôn thay đổi, mới ngĩ thế này liền ngĩ thế khác, lúc thương yêu đấm đui lúc thù hận ngập tràn, lúc thân

lúc thù, lúc vui lúc buồn, lúc thương lúc ghét, lúc hiền thiện lúc gian tà. Tâm của chúng ta luôn luôn dính với cảnh trần bên ngoài, kinh sách gọi là tâm phan duyên. Cảnh trần bên ngoài thuận ý, vừa tai thì vui thích. Cảnh trần bên ngoài nghịch ý, chói tai thì tức tối. Nếu chỉ chạy theo sự sai khiến của cái tâm vô thường như vậy, con người tạo tác không biết bao nhiêu nghiệp chướng, cho nên trôi lăn, trầm luân trong sinh tử không biết bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp!

Trong kinh sách có câu: “Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên”. Nghĩa là khi nào tâm của chúng ta không còn dính với cảnh trần nữa, thản nhiên trước sự thịnh suy, thăng trầm của đời sống, bình thản trước những lời khen tiếng chê, vượt qua được sóng gió của cuộc đời, tức nhiên tâm của chúng ta sẽ được khinh an, tự tại, niết bàn và thiên định rồi đó vậy.

d) Quán pháp vô ngã: Nghĩa là quán tưởng các pháp trên thế gian này đều không có bản thể nhất định, gọi là vô ngã. Các pháp, là tất cả sự vật vật trên cuộc đời, không có cái gì cố định. Tất cả chỉ là một dòng chuyển biến không ngừng. Con người thấy đó mất đó. Chuyện gì rồi cũng đổi thay, rồi cũng qua mau. Đừng phí sức, đừng bận tâm với các pháp của thế gian. Chẳng hạn như có câu: “Hết cơn bão cực tới hồi thời lai”, hoặc “Sau cơn mưa trời lại sáng”.

Trong Kinh A Hàm, Đức Phật có dạy: “Chư pháp tùng nhân duyên sanh. Chư pháp tùng nhân duyên diệt”. Nghĩa là muôn sự muôn vật trên đời tùy theo nhân duyên mà sinh ra, cũng tùy theo nhân duyên mà diệt đi. Không có cái gì, vật gì có thực tướng, không có cái gì, vật gì tồn tại vĩnh viễn. Người ta chửi mình do mình gây nghiệp bất thiện cảm với người. Người ta chửi mãi mỗi miệng thì cũng ngưng thôi, tức giận làm chi cho mệt! Đừng đưa cái bản ngã của mình, tức là cái tôi, cái ta, tây phương gọi là “EGO”, ra hứng những ngọn lửa của thế gian, thì mình đâu có bị đốt cháy, đâu có bị nhiệt nã, đâu có bị khổ

tâm, đâu có bị ngày ăn không ngon, tối ngủ chẳng yên. Ngọn lửa không thể đốt hư không được, sẽ tự dập tắt thôi. Vô ngã đơn giản là như vậy đó!

B. - Thế nào là tà niệm, tạp niệm, vọng niệm? -

Ngược lại, tà niệm là những ý niệm không chánh đáng, vọng niệm là những ý niệm hư dối, tạp niệm là những ý niệm lung tung linh tinh lang tang. Những người luôn luôn nhớ nghĩ lỗi người để phê bình chỉ trích, nhớ nghĩ oán thù để phục hận trả thù, nhớ nghĩ ngũ dục: tiền tài, nhan sắc, danh vọng, ẩm thực, thù miên, luôn nhớ nghĩ đến những thành tích xấu xa, gian xảo, để tự hào tự đắc, đó gọi là tà niệm, tạp niệm hay vọng niệm.

Chư Tổ có dạy: “Nội cần khắc niệm chi công. Ngoại hoằng bất tranh chi đức”. Nghĩa là: Bên trong, chúng ta cố gắng khắc phục tâm niệm lăng xăng lộn xộn, giữ gìn chánh niệm, chần giữ ý nghiệp, đó mới là công phu tu tập đúng Chánh Pháp. Bên ngoài, chúng ta giữ gìn chánh ngữ, canh chừng khẩu nghiệp, không tranh cãi, không hơn thua, đó là đức độ của người tu theo đạo Phật. Cho dù có bị phỉ báng, có gặp nghịch cảnh, cũng vẫn bình tĩnh thản nhiên, ngoài mặt cũng như trong lòng, không khởi lên bất cứ tâm niệm gì cả.

8. - CHÁNH ĐỊNH:

Muốn được cuộc sống an lạc và hạnh phúc, chúng ta phải khắc phục tâm ý của chính mình. Khắc phục tâm ý và an trụ tâm ý là mục đích chính yếu của người tu theo đạo Phật. Chế ngự được, khắc phục được tâm viên ý mã, tức là tâm như con vượn, ý như con ngựa nhảy nhót lung tung, chúng ta mới đạt được chánh định, đó là cảnh giới niết bàn, an nhiên tự tại, không khổ đau, chẳng phiền não.

A. - Thế nào là chánh định?

- Chánh định là sự thiền định chân chánh. Nghĩa là con người tập trung tư tưởng vào một vấn đề chánh đáng, đúng với chân lý, hợp lẽ phải. Người đạt được chánh định là người bình tĩnh, thản nhiên trước bất phong của cuộc đời. Chánh định có ích lợi giúp con người phát triển trí tuệ, mau tiến đến giác ngộ và giải thoát. Tâm trí của con người thường xuyên lăng xăng lộn xộn, nhớ nghĩ lung tung, linh tinh lang tang, không có dừng nghỉ, từ đông sang tây, từ cổ chí kim, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ, từ thế giới năm châu đến phụ nữ nhi đồng, từ quốc gia đại sự đến hàng cùng ngõ hẹp, hết chuyện gia đình đến chuyện hàng xóm, chuyện xưa chuyện nay, thương ghét tốt xấu, thị phi phải quấy. Tất cả những chuyện như vậy làm cho tâm của chúng ta luôn luôn loạn động. Tâm loạn động thì trí bất an. Ngày ăn không ngon, tối ngủ chẳng yên. Để giúp con người đạt được chánh định, Đức Phật dạy các pháp quán tưởng sau đây:

a) Quán số tức: Nghĩa là quán tưởng bằng cách đếm hơi thở ra hơi thở vào, để đối trị tâm loạn động. Đến khi thuần thục, chỉ cần theo dõi hơi thở, không cần đếm số như lúc mới bắt đầu, đó gọi là tùy tức quán. Sách có câu: “Thở vào tâm tĩnh lặng. Thở ra miệng mỉm cười”.

b) Quán bất tịnh: Nghĩa là quán tưởng thân mình là một tập hợp những thứ bất tịnh, không có gì đáng quan trọng, khi chết thân mình chỉ còn là một cái thây ma không ai dám đến gần, kể cả những người thân thiết nhất trên đời, để đối trị tâm tham dục.

c) Quán từ bi: Nghĩa là quán tưởng mọi người đều bình đẳng, đều có Phật tánh như nhau, đều đáng thương như nhau, thương người như thể thương thân, để diệt trừ tâm sân hận, thù hằn, oán hờn, ganh ghét, ích kỷ, đố kỵ. Không thể chỉ vì một chút tự ái nhỏ nhặt, một chút mặt mũi, danh dự nào đó, có thể tạo nghiệp oán thù, kiện tụng thưa gởi. Cổ nhân có dạy: “Chuyện gì mình không muốn người khác làm cho mình, thì mình đừng

làm cho người khác”, cho dù với mục đích trả thù, trừng trị kẻ khác, vì bất cứ lý do gì!

d) Quán nhân duyên: Nghĩa là quán tưởng tất cả muôn pháp đều do nhân duyên sinh ra, cho nên giả hợp, không bền vững, không tồn tại vĩnh viễn, để đoạn trừ si mê, chấp ngã và chấp pháp. Muốn thực hành pháp quán này, cần thấu triệt và tin sâu “Lý Nhân Quả” hay “Lý Nhân Duyên”.

e) Quán giới phân biệt: Nghĩa là quán tưởng lục căn tiếp xúc với lục trần sinh ra lục thức, tất cả đều giả tạm, không thực. Lục căn, là sáu cơ quan của thân, đó là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tiếp xúc với lục trần, là sáu cảnh trên trần đời, bao gồm: sắc tướng, âm thanh, mùi hương, mùi vị, cảm xúc, ký ức. Sự tiếp xúc đó gây nên những cảm giác, những ấn tượng, gọi là lục thức. Trong kinh sách, lục căn, lục thức và lục trần gọi chung là thập bát giới.

Thí dụ như mắt trông thấy sắc là viên kim cương, bèn sinh lòng ham thích. Sự ham thích đó chỉ giả tạm, không nên theo. Bây giờ thấy thích, về sau có thể không còn thích nữa. Nhưng nếu theo nó, thì chúng ta phải lo tranh giành, lo kiếm tiền, làm việc quần quật, đầu tắt mặt tối, từ sáng sớm đến khuya lơ, để mua sắm cho bằng được, cho nên cực khổ tẩm thân, mệt nhọc trí óc. Thí dụ như tai nghe thấy tiếng khen thì khoái chí, thích ý, tối ngủ không được, cứ nhớ tới hoài. Nếu tai nghe thấy tiếng chê tiếng chửi, thì đâm ra bực dọc tức tối, càng khó ngủ hơn, cho nên tẩm thân cực khổ trăm bề. Trong kinh sách, có bài kệ như sau:

Mắt trông thấy sắc rồi thôi, (không dính, thôi được thì tốt) Tai nghe thấy tiếng nghe rồi thì không. (không mắc, lơ được thì hay) Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng, (bình thản, tâm được khinh an) Nhẹ nhàng ta bước khỏi vòng trầm luân. (giải thoát, khỏi phiền não và khổ đau)

B. - Thế nào là tà định hay tà thiên?

- Ngược lại, tà định hay tà thiên là sự bình tĩnh trong việc làm tổn hại đến mọi người, lạnh lùng tàn nhẫn khi thấy người khổ khổ đờn đau, không chút xót thương, không hề tình cảm. Những người tu tập thiền định để luyện trường sanh bất tử, thiền định để đối gạt người, đều không phải là chánh định.

*

* *

Tóm lại, Bát Chánh Đạo là pháp môn rất thiết yếu, rất thực tế, rất thông dụng cho bất cứ ai, không cứ phải là Phật Tử, trên thế gian này, muốn xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa, muốn sống trong an lạc và hạnh phúc. Bát chánh đạo giúp con người cải thiện tự thân. Con người do mê mờ nên hành vi bất chánh, ngôn ngữ đảo điên, ý niệm tà vạy, chạy theo dục vọng, sống theo tà đạo, làm việc bất lương. Trái lại, nếu con người biết tu theo bát chánh đạo thì sẽ chuyển hóa được những sự bất chánh nói trên, kiến tạo được một đời sống chân chánh, ích lợi, an lạc và hạnh phúc.

Bát chánh đạo giúp con người cải tạo hoàn cảnh. Hoàn cảnh là phản ánh của tự tâm. Tự tâm bình thản thì hoàn cảnh an vui. Tự tâm rối loạn thì hoàn cảnh bất an. Trong kinh sách, tự tâm gọi là chánh báo, hoàn cảnh gọi là y báo. Chánh báo thế nào thì y báo thế ấy. Người có tâm lương thiện thì sống trong cảnh hiền lành. Người có tâm gian ác thì luôn luôn sống trong cảnh âu lo căng thẳng, thấp thỏm phập phồng. Trên thế gian này, sở dĩ có những hoàn cảnh khổ đau, bởi vì con người không biết sống theo bát chánh đạo. Nếu mọi người đều biết sống theo bát chánh đạo, thì thế gian này chính là thiên đàng, là cực lạc. Đừng đứng núi này trông qua núi nọ. Như vậy chỉ khổ thân và khổ tâm mà thôi. Tùy theo chỗ ở thường an lạc.

Sách có câu:

Tâm buồn cảnh được vui sao
Tâm an dù cảnh ngộ nào cũng an.

Chư Tổ có dạy:

“Tu mà không học là tu mù.
Học mà không tu là đày sách”.

Nghĩa là người phát tâm thực hành việc tu sửa thân tâm mình, mà không chịu học giáo lý, không tìm hiểu Chánh Pháp, ai nói gì cũng nghe, ai bảo gì cũng tin, đúng là mù quáng. Còn người chỉ biết lo nghiên cứu, học rộng hiểu nhiều, không lo tu tâm dưỡng tánh, không chịu quán sát tự tâm, chỉ lo phê bình chỉ trích người khác, đúng là cái tử, cái đày, hay cái bị đưng sách mà thôi, chẳng ích lợi gì cả. Thí dụ như có người suốt ngày đếm tiền ở nhà băng của chủ, có người suốt ngày chặn trâu ngoài đồng cho chủ, chiều về đến nhà, tiền không có, trâu cũng không!

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật có dạy:

“Tuy có học rộng hiểu nhiều mà không tu hành, cũng đồng như người không học không hiểu. Chẳng khác nào người nói ăn mà không ăn, trọn không thể nào no được”.

Theo quan điểm của Phật giáo, không cần phải thờ phượng Đức Phật Thích Ca, hay bất cứ vị Phật nào, vị Bồ Tát nào, chỉ cần sống đúng theo tinh thần bát chánh đạo, bất cứ người nào cũng đều được an lạc và hạnh phúc, cao hơn nữa, đều được giác ngộ và giải thoát. Bằng như ngược lại, lập bàn thờ Phật tại gia, đi chùa lễ lạy, mà không sống đúng theo tinh thần bát chánh đạo, dù là Phật tử tại gia hay xuất gia, cũng chẳng có ích lợi gì! Đó mới thực là chí công vô tư, mới thực là chánh đạo vậy.

Tỳ Khưu Thích Chân Tuệ

TÌM HIỂU

Ai Cập huyền bí - Giải mã kim tự tháp và lăng mộ.

Nền văn minh Ai Cập cổ đại với những câu chuyện kỳ bí luôn là “thỏi nam châm” có sức hút mãnh liệt với con người...

Có thể nói, kim tự tháp là một trong những công trình vĩ đại mà đến nay, khoa học hiện đại vẫn chưa lý giải hết được quá trình xây dựng nó. Đó là chưa kể đến những truyền thuyết xung quanh lăng mộ của các Pha-ra-ông bí ẩn luôn gắn liền với các kim tự tháp.



Để giải mã được một phần những bí ẩn của nền văn minh Ai Cập cổ, chúng mình sẽ “đột nhập” kim tự tháp thử một phen nhé!

Kim tự tháp là lăng mộ của các Pha-ra-ông được cho là nơi chôn giấu của cải, vật dụng khi còn sống của Pha-ra-ông.

Đối với những tên trộm sa mạc, nơi đây chẳng khác gì mỏ vàng. Vì vậy, để bảo vệ sự yên bình cho Pha-ra-ông cũng như an toàn cho số của cải chôn theo, dưới thời vua Tutankhamun, các Pha-ra-ông thường được chôn sâu dưới lòng đất.

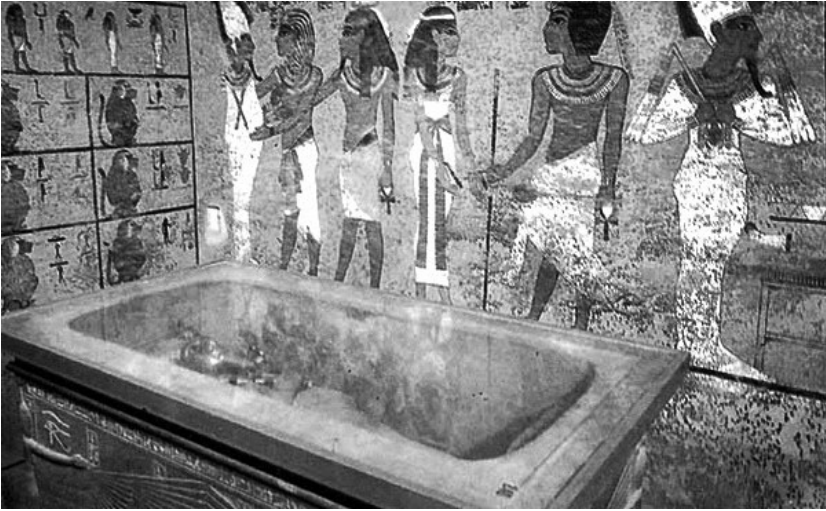
Người Ai Cập cổ có niềm tin mạnh mẽ về cuộc sống vĩnh hằng sau khi chết. Thậm chí, họ còn cho rằng, đó mới là lúc bắt đầu cuộc sống thực sự của một con người. Vì vậy, các lăng mộ thường được chôn theo mọi thứ của Pha-ra-ông lúc còn sống, để ngài có thể tiếp tục sống cuộc sống mới ở kiếp sau. Không kể vàng bạc, trang sức..., họ đem chôn mọi vật dụng dùng hàng ngày của ngài, thậm chí là cả một cái... bò! Có thể, chú mèo của Pha-ra-ông cũng sẽ được ướp xác để tiếp tục bầu bạn với chủ nhân của mình dưới suối vàng.



**Hầm mộ của nhà vua luôn là kho tàng
đối với bọn đào mộ trộm.**

Các Pha-ra-ông còn được chôn cùng nhiều hình nộm đầy tớ trong lăng mộ của mình. Các quan tư tế cho rằng, các hình nộm

này sẽ phục vụ Pha-ra-ông ở kiếp sau. Nhưng riêng những vị Pha-ra-ông chết trẻ, họ sẽ được chôn cùng người sống. Đó là những người đầy tớ bị “đánh vào đầu” để “đi theo nhà vua”. Người Ai Cập cổ cho rằng đó là minh chứng của sự trung thành.



Kỹ thức (technology) hiện đại đã mô phỏng được khuôn mặt vua Tut dựa trên xác ướp của ngài.

Một số người tin rằng, vị Pha-ra-ông trẻ Tutankhamun đã bị sát hại bởi chính bác ruột của mình - Ay - người mà sau này đã lên ngôi vàng thay ngài. Nhưng thực tế thì không phải vậy. Các nhà khoa học đã phát hiện ra nhiều thương tổn đáng sợ sau gáy của xác ướp Pha-ra-ông Tut (tên gọi khác của Tutankhamun). Họ đặt ra giả thuyết có khả năng ngài đã gặp tai nạn trong một chuyến đi săn.

Nhưng đến năm 2005, với kỹ-thức (technology) chụp X-Quang CT hiện đại, đội nghiên cứu đã phát hiện ra ngài từng bị gãy chân, và đây chính là nguyên nhân dẫn đến cái chết đầy tranh cãi của vị Pha-ra-ông trẻ tuổi.

Thông thường, một người khó lòng “từ già cỗi đời” chỉ vì chiếc chân gãy của mình, nhưng dưới “bàn tay” của bệnh sốt rét, đây sẽ là một câu chuyện khác. Theo kết quả xét nghiệm ADN từ mẫu các xác ướp có trong lăng mộ, Pha-ra-ông Tut đã nhiễm vi-rút sốt rét và khiến chuyện gãy chân của ngài trở thành mối hiểm họa thực sự, có ảnh hưởng trực tiếp đến mạng sống.



Chiếc mặt nạ bằng vàng nặng 11 kg nổi tiếng của vị Pha-ra-ông trẻ tuổi.



Ngay cả quan tài của Pha-ra-ông cũng được làm bằng vàng. Quả thực đây là một kiệt tác nghệ thuật được chạm trổ rất tinh xảo.

Vào những năm 1800, nhiều người tin rằng, các kim tự tháp chứa đựng một sức mạnh vô hình nào đó khi nó có thể bảo quản, gìn giữ xác của Pha-ra-ông nguyên vẹn, hay thậm chí có thể làm sắc lại lưỡi dao đã cùn.

Các kim tự tháp thường được ví như những chiếc máy tính làm từ đá, đài thiên văn thời cổ đại dành cho các nhà thiên văn học và chiêm tinh học. Đứng trên kim tự tháp, người Ai Cập cổ có thể tính tương đối chính xác chu kỳ của một ngôi sao, từ đó suy ra thời gian của các vụ mùa, thời gian hoàn thành các công trình xây dựng lớn...

Đối với người Ai Cập cổ, hình ảnh kim tự tháp còn biểu trưng cho quyền lực tuyệt đối của nhà vua và cũng là cách nhà vua

đến với thần Ra (Thần Mặt Trời - vị thần quan trọng nhất trong tín ngưỡng Ai Cập cổ đại) sau khi qua đời. Điều này giống như việc quan niệm “lên thiên đường” của đạo Thiên Chúa.



**Hình ảnh các nhà khảo học
khi tìm thấy xác ướp Pha-ra-ông TUT**



Các kiến trúc sư của vua Napoleon (Pháp) từng nói rằng, nếu

sử dụng khối lượng đá dùng để xây nên kim tự tháp lớn Giza thì họ có thể xây dựng được một bức tường vòng quanh nước Pháp.

Vua Napoleon đã từng đi vào kim tự tháp Ai Cập. Lúc trở ra, người ta trông thấy sắc mặt ông vô cùng nhợt nhạt, đi đứng cũng không vững. Mặc dù Napoleon từ chối nói về điều này,



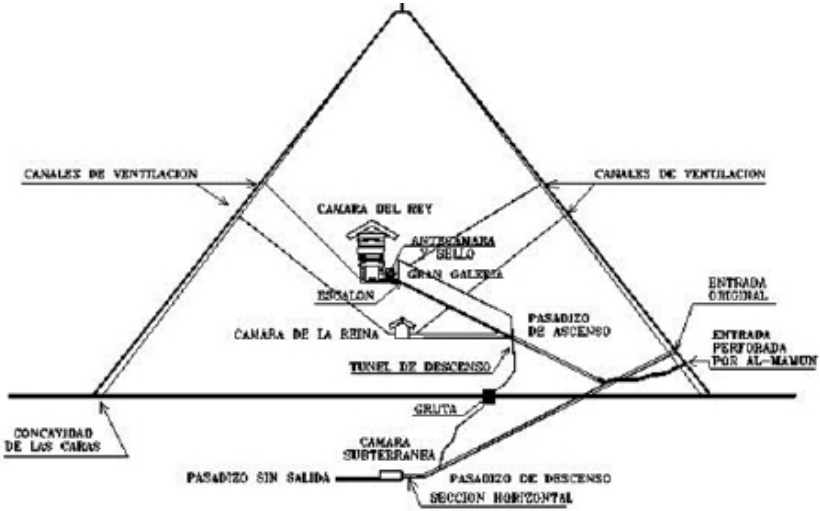
nhưng theo một số người thì có thể ông đã nhìn thấy trước tương lai của mình.



Napoleon từng có chuyến “du hành” vào Kim Tự Tháp

Những người Hy Lạp cổ cho rằng, các kim tự tháp được xây dựng trong khoảng thời gian trên 10 năm, với sự góp sức của 10.000 nô lệ. Tất cả số nô lệ này đều bị đối xử rất tàn tệ. Nhưng thực tế thì không phải vậy. Chúng được xây dựng bởi 25.000

người đàn ông hay thậm chí hơn cả thế. Những người này được đối xử rất tốt. Họ được cung cấp thịt bò và nước uống, và mỗi người chỉ bị buộc phục vụ cho việc xây kim tự tháp trong 5 năm. Đối với một số người, việc tham gia xây kim tự tháp là cả một sự tự hào to lớn.



Bên trong kim tự tháp là dày đặc các cơ quan, mật thất với đường đi lắt léo cùng nhiều chạm bẫy.



Ảnh mô phỏng việc xây dựng kim tự tháp của các nô lệ.

Bí mật lăng mộ cổ

Hầu như tất cả kim tự tháp được phát hiện ở Ai Cập đều từng bị trộm mộ vào trước đó. Đó là lý do vì sao phát hiện về khu mộ đá ngầm của vua Tutankhamun là vô cùng quan trọng. Tại Ai Cập, bên cạnh thời tiết khắc nghiệt thì nạn đào mộ trộm thực sự là mối nguy lớn nhất đối với sự yên nghỉ của các nhà vua.

Lực lượng đào mộ trộm ở đây nhiều đến mức nó từng là một trong những nghề nghiệp hấp dẫn, mang lại nhiều thu nhập nhất cho đám thanh niên. Tuy nhiên, không phải kẻ nào cũng thành công, bởi hầu hết đều phải trả giá rất đắt bằng chính tính mạng của mình. Đám đào mộ trộm sẽ “đi theo Pha-ra-ông” sau một thời gian đột nhập lăng mộ vì nhiễm phải khí độc bên trong.



Một lăng mộ đang được khai quật.

Tương truyền, thời xa xưa, từng có một vị vua của Baghdad đột nhập vào trung tâm của đại kim tự tháp Giza. Ông ta phát hiện

ra quan tài của Pha-ra-ông Cheops nhưng bên trong thì trống không. Lý giải cho điều này, các nhà khảo cổ cho rằng, ông ta đã vào hầm phòng, vì bên trong kim tự tháp là rất nhiều phòng chứa xác ướp giả, tạo thành một mê cung đánh lừa bọn đào mộ trộm.

Với sự nổi tiếng và “chiêu chơi” cho lăng mộ của mình, nơi chôn cất Pha-ra-ông Tutankhamun cũng đã bị trộm “viếng thăm” chỉ vài ngày sau khi “nhập quan”. Những tên trộm này đã để lộ dấu vết khi đánh rơi một túi đầy nhẫn trên đường hầm mà chúng đào vào.

Nhắc đến lăng mộ Tutankhamun, chúng ta không thể bỏ qua Lord Carnarvon, người tài trợ cho việc khai quật lăng mộ năm 1922. Ông đã qua đời một năm sau đó. Khi ông chết, những ngọn đuốc sáng của Cairo đã phụt tắt, con chó của ông chạy vào nhà sửa không ngừng. Nhiều người nói rằng, đó chính là tai họa mà ông ấy phải chịu từ lời nguyền của các vị vua.

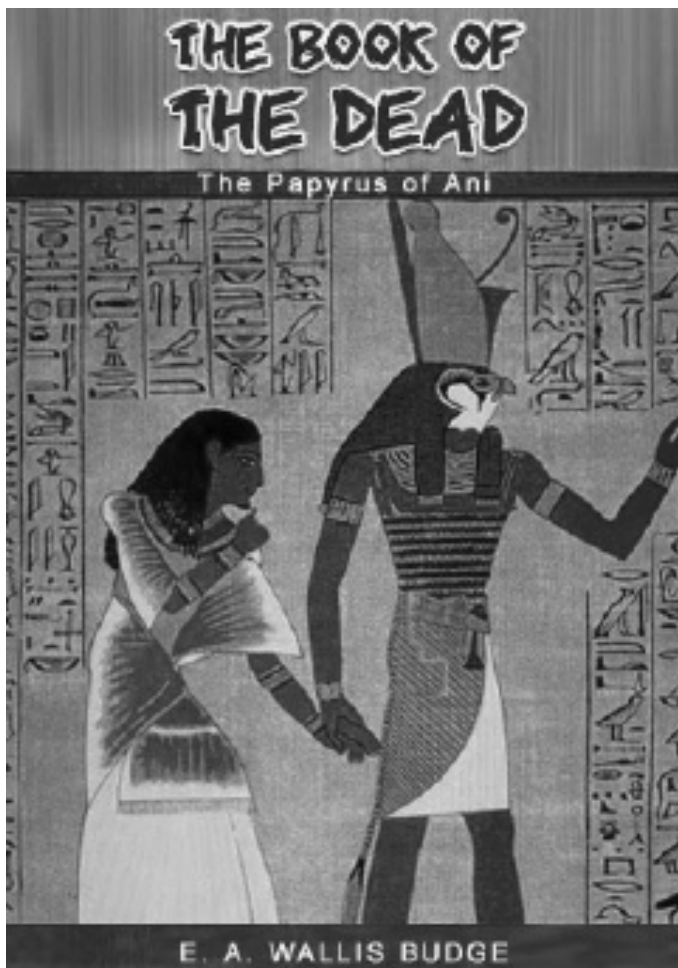


Chân dung Lord Carnarvon.

Ngoài vàng bạc châu báu được chôn theo, các xác ướp còn được chôn cùng với “Cuốn sách của Thần Chết” (The book of

Dead). Đây không hẳn là những lời nguyện ám lên lũ trộm mộ, mà chỉ là sách hướng dẫn làm thế nào có thể sống ở kiếp sau của các Pha-ra-ông.

Như đã đề cập trong kỳ trước, người Ai Cập cổ có niềm tin mạnh mẽ vào cuộc sống ở thế giới bên kia. Thậm chí, họ còn cho rằng, khi một người từ giã thế gian thì mới chính là lúc anh ta bắt đầu cuộc sống thực sự.



Cuốn sách này từng được xuất bản rộng rãi.

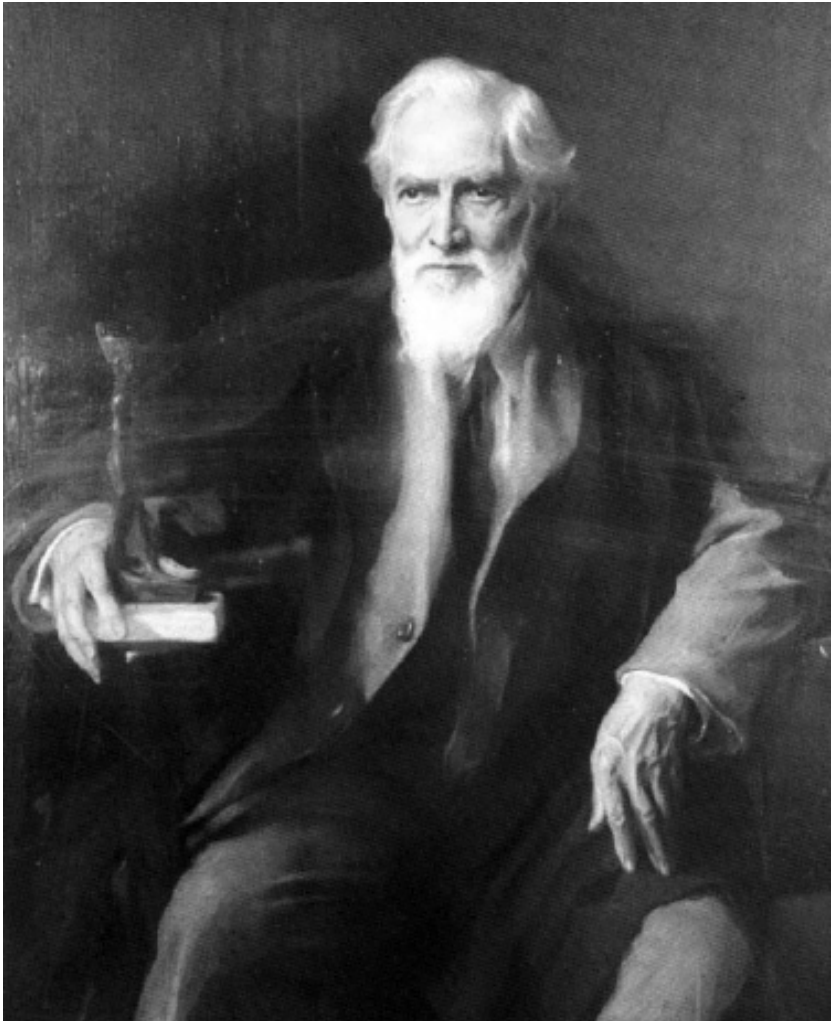


Người chết sẽ phải vượt qua cửa ải trí tuệ của thần Horus.



Khu khai quật lăng mộ vua Djer.

Năm 1901, nhà sử học người Anh, Flinders Petrie đã khám phá ra lăng mộ của Pha-ra-ông Djer (nhà vua của triều đại Ai Cập đầu tiên). Khi đó, ông đã tìm thấy một cánh tay được quấn vải băng để bịt lại lỗ hổng trên bức tường. Hiện tại, các nhà khoa học vẫn chưa xác minh được đó là tay của ai. Nhiều giả thiết cho rằng đó là cái giá phải trả cho một tên trộm mộ.



**Nhà sử học người Anh Flinders Petrie
đã phát hiện ra lăng mộ Pha-ra-ông Djer.**



Lăng mộ của các Pha-ra-ông thường có diện tích rất lớn, vì nó được xem là cung điện của nhà vua ở thế giới bên kia.

Trong những năm 1880, một tên trộm đã bị tóm sau khi bán những món trang sức quý giá của gần 30 xác ướp. Được biết, tên trộm này từng là hướng dẫn viên du lịch đưa khách tham quan các lăng mộ cổ. Do không kiểm chế được lòng tham trước những món trang sức quý giá, hắn quyết định “chuyển nghề” thành một tên trộm.

Việc tàu Titanic chìm từng bị đổ lỗi do lời nguyền từ xác ướp được đặt trên tàu trên đường chuyển tới Mỹ. Câu chuyện này ám ảnh nhiều người trong thời gian dài và sau này, các nhà khoa học đã chứng minh việc đó không hề có thực.



Tàu Titanic

Bí mật các xác ướp

Những xác ướp được đặt trong chiếc lều đặc biệt mang cái tên khá “kêu”: “The Beautiful House” (Tạm dịch: Ngôi nhà xinh đẹp) với ngụ ý, các quan tư tế đang làm một việc nhân đạo, giúp xác ướp bắt đầu một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Sở dĩ, người Ai Cập cổ phải chọn một nơi hẻo lánh như vậy, là để tránh được ánh mắt nhòm ngó của bọn đào mộ khi chuyển xác ướp đến các lăng mộ.

Trước khi tiến hành ướp xác, các quan tư tế sẽ phải loại một số cơ quan của xác ướp đi để giúp công việc bảo quản được tốt hơn. Các cơ quan này sẽ được cất trong các hũ nhỏ khác nhau, chôn theo xác ướp để đảm bảo rằng, xác ướp vẫn đầy đủ mọi cơ quan khi bước sang thế giới bên kia.

Các đôi mắt của xác ướp được thay thế bằng đá đen. Tuy nhiên, dưới thời Ramesses IV, họ đã thay bằng hành. Điều đó

sẽ khiến cho những người thời bấy giờ nhỏ nước mắt khi vào tham quan các lăng mộ, một cách để thể hiện sự thương tiếc đối với người quá cố.

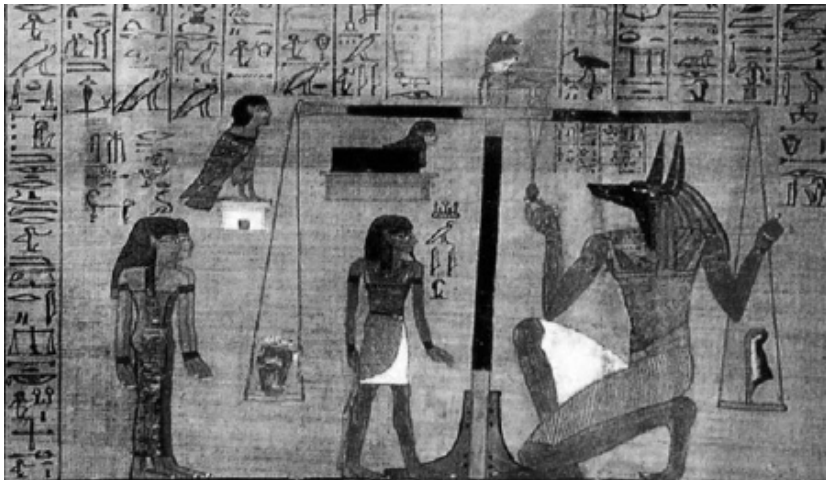


“Ngôi nhà xinh đẹp” của các xác ướp.

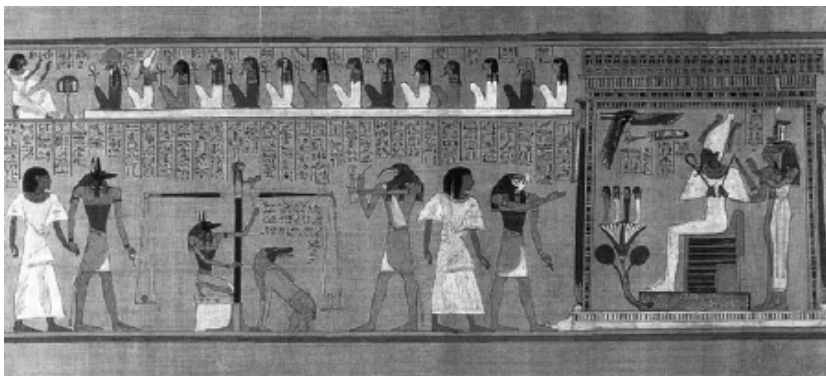


Linh hồn các xác ướp Pha-ra-ông sẽ đi qua Duat - một nơi có những hồ nước sôi, sông lửa và những con rắn phun nọc độc!

Đây chính là địa ngục theo trí tưởng tượng của người Ai Cập. Nếu vượt qua được tất cả và chứng minh cốt cách hoàng tộc trong mình, Pha-ra-ông sẽ được đến với thần Mặt Trời (thần Ra) – lên thiên đàng.



Thần ướp xác Anubis đang cân quả tim (sự thành thật) của người chết với một chiếc lông chim.



Sau khi vượt qua ải “cân tim”, thần Anubis sẽ dẫn người chết đến gặp Diêm Vương.

Vua Charles II (Anh) từng thu nhặt và hứng những lớp bụi rơi ra từ các xác ướp để dùng chúng trên da của mình. Ông tin rằng “những sức mạnh linh thiêng, cao quý nhất” sẽ giúp thanh tẩy cơ thể ông khỏi bụi thế trần tục.



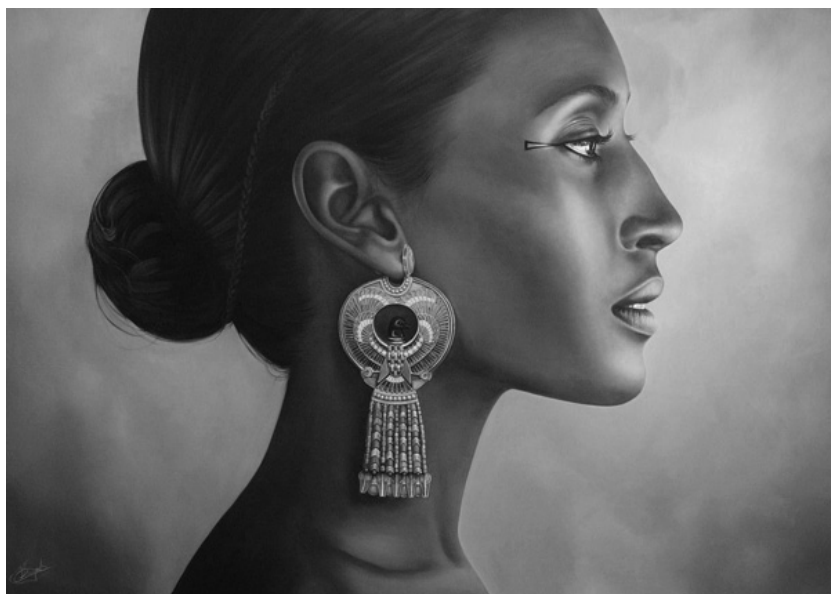
Vua Charles II từng là người rất tin vào sức mạnh của các xác ướp.

Các xác ướp bị đánh cắp rồi được gửi đến Mỹ những năm 1890 đều bị đem nghiền và trộn thành giấy gói. Sau đó, các khách hàng bắt đầu tử vong hàng loạt do dịch tả. Vào thời điểm đó, người ta cho đó là sự trả thù của xác ướp, nhưng thực tế, công nghệ tẩy trùng giấy ở thế kỷ 19 chưa thực sự phát triển nên các vi khuẩn có trong xác ướp đã gây ra căn bệnh này.

Nữ hoàng Ai Cập - những bí ẩn mới được khai quật

Tiếp tục khám phá sự thật xung quanh cuộc đời và sự nghiệp của ba vị nữ hoàng Ai Cập cổ đại: Hatshepsut, Cleopatra và Nefertiti.

1. Nữ hoàng Hatshepsut



Tranh miêu tả Nữ hoàng Hatshepsut theo nét vẽ của họa sĩ ngày nay.

Hatshepsut (hay còn được viết là Hatchepsut trong nhiều tài liệu) là con gái của Pha-ra-ông Thutmosis I và nữ hoàng Ahmose. Theo ghi chép, bà là em gái của Pha-ra-ông Thutmotis II, rồi sau này trở thành vợ vua. Bà trị vì Ai Cập trong khoảng 1479 – 1458 TCN, thuộc vương triều thứ 18 sau khi Pha-ra-ông Thutmosis II băng hà.

Khi còn sống, nhờ tài lãnh đạo có phần xuất sắc hơn nhiều đấng nam vương, nữ hoàng Hapshepsut đã tạo nên một triều đại bình ổn, phát triển mạnh về thương mại và nghệ thuật. Những thành công đó đã tạo điều kiện cho nữ hoàng Hapshepsut bắt tay vào những dự án xây dựng lớn chưa từng có. Trong số đấy, nổi bật nhất có lẽ là đài tưởng niệm tại đền thờ Karnak.



Chân dung Nữ hoàng khi lên ngôi Pha-ra-ông.

Bà còn cho xây dựng và sửa sang lại nhiều đền thờ, trong đó có ngôi đền Deir el - Bahari, “ngôi nhà” của rất nhiều tác phẩm điêu khắc ghi lại chuyện thần thoại, nguồn gốc của nữ hoàng và các biến cố xảy ra khi bà cầm quyền.



Toàn cảnh đền Deir el - Bahari.

Nữ hoàng Hatshepsut được đánh giá là một trong những nữ hoàng quyền lực nhất trong lịch sử thế giới cổ đại. Trong thời gian trị vì, nhờ những đóng góp lớn trong việc cải thiện đời sống nhân dân, nên bà rất được lòng quần chúng.

Sau khi nữ hoàng qua đời, Pha-ra-ông kế nhiệm - Thutmose III - cùng con trai mình đã sai người đập phá lăng mộ của bà, tìm mọi cách nhằm xóa bỏ hình ảnh vị nữ hoàng anh minh khỏi tâm trí người dân sông Nile.



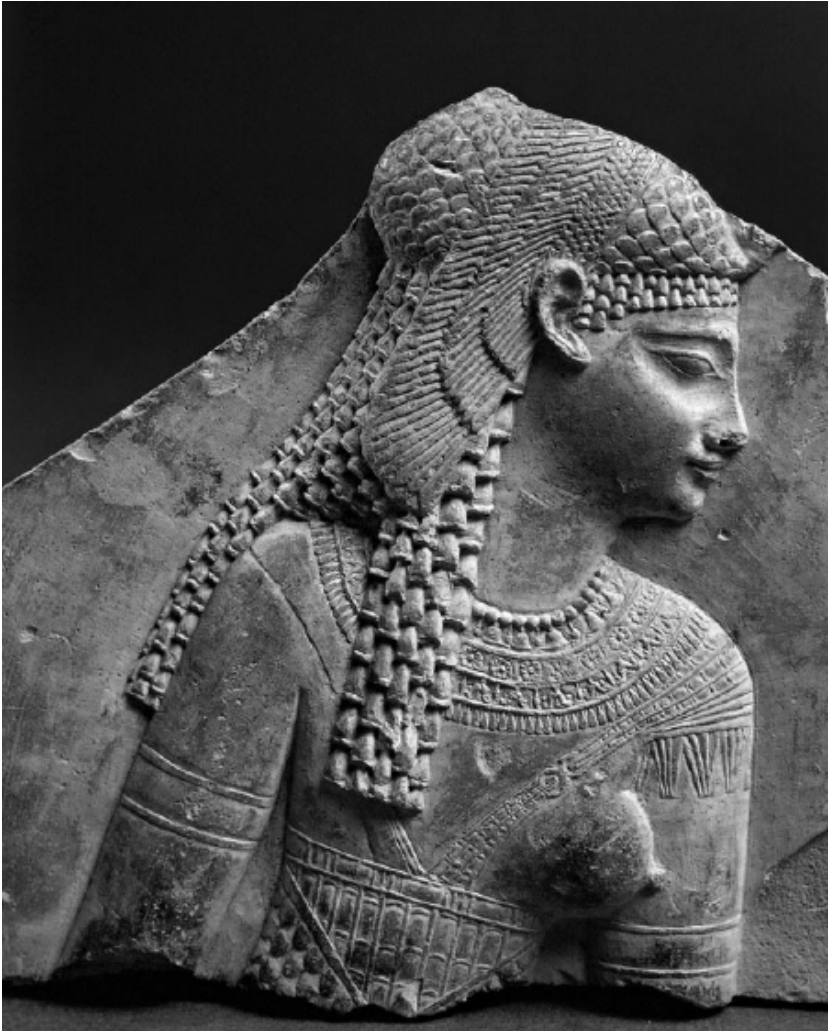
Một góc đền với tượng đá chim ưng.



**Tượng Nhân sư chân dung nữ hoàng
tại Bảo tàng Ai Cập, Cairo.**

2. Nữ hoàng Cleopatra

Mỗi lần nhắc đến các nữ hoàng Ai Cập cổ đại, ta không thể bỏ qua nữ hoàng Cleopatra. Dù có rất nhiều nữ hoàng đã sử dụng cái tên này song nổi tiếng nhất là Cleopatra VII - người lên ngôi cuối cùng của đế chế Ai Cập cổ đại.



Tác phẩm điêu khắc chân dung nữ hoàng trên đá.

Không chỉ được cho là có sắc đẹp “ngiên nước nghiêng thành”, nữ hoàng Cleopatra còn khiến người đời khâm phục vì tài ngoại giao của mình. Tuy vậy, một người phụ nữ như bà khó lòng bảo vệ đất nước toàn vẹn trước sự nhòm ngó của đế chế La Mã hiếu chiến. Để tránh đi đến một cuộc chiến tranh, nữ hoàng Cleopatra đã giả bộ có tình cảm với Gaius Julius Caesar - nhà cầm quân, chính trị gia nổi tiếng của kẻ thù. Sau đó, khi tướng Caesar bị ám sát, bà tiếp tục quan hệ tình cảm với tướng Mark Antony.



Hình ảnh nữ hoàng trên tiền Ai Cập cổ.

Trong suốt thời gian trị vì, nữ hoàng Cleopatra phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, điển hình nhất là sự phản đối kịch liệt mối quan hệ giữa nữ hoàng và tướng Caesar từ phía nhân dân. Dân chúng đã phóng hỏa đốt thư viện Alexandria nhằm tỏ rõ thái độ của mình. Thư viện Alexandria - kho tàng sách của nhân loại -

đã mất 1/2 số tài liệu quý sau vụ hỏa hoạn. Điều này đã khiến nữ hoàng suy sụp trong một thời gian dài.



Tượng đồng miêu tả lại dáng nằm quý phái của nữ hoàng.

Nữ hoàng Cleopatra phiên bản điện ảnh.



Khi Ai Cập thất thủ, nữ hoàng quyết định giữ gìn phẩm giá bằng cách tự sát. Nhiều tài liệu nói bà đã để một chú rắn độc cắn vào cổ, nhưng cũng có nhà nghiên cứu cho rằng bà đã uống thuốc độc. Hiện nay, câu trả lời về nguyên nhân cái chết của nữ hoàng Cleopatra vẫn là một ẩn số.

Mặc dù không có những thành tích “hoành tráng”

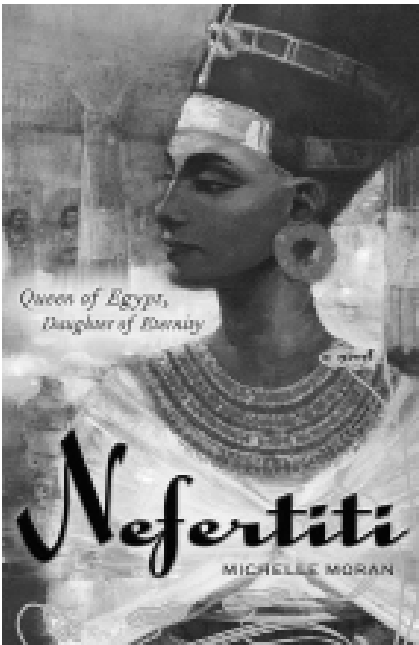
như nữ hoàng Hapshepsut, nhưng các bí quyết làm đẹp của nữ hoàng Cleopatra lại trở thành một trong những liệu pháp tuyệt vời nhất cho phái đẹp, được áp dụng rộng rãi trong các salon spa cao cấp ngày nay. Bên cạnh đó, nữ hoàng còn là nguồn cảm hứng bất tận cho các tác phẩm điện ảnh, kịch nói trên toàn thế giới.

3. Nữ hoàng Nefertiti

Nữ hoàng Nefertiti là vợ cả của Pha-ra-ông Akhenaten, được mệnh danh là “người phụ nữ đẹp nhất mọi thời đại”. Trong thời gian trị vì Ai Cập cùng chồng, nữ hoàng đã thực hiện cuộc cách mạng về tôn giáo khi chỉ thờ duy nhất Thần Mặt trời. Tuy nhiên, điều này đã khiến nhiều người nổi giận, dẫn đến nhiều rắc rối sau này cho vị nữ hoàng.



“Lịch trình làm việc” một ngày của nữ hoàng luôn bắt đầu với điệu nhảy dành cho Thần Mặt trời. Với sắc đẹp của mình, đây là sứ mệnh cao cả được giao cho nữ hoàng Nefertiti. Người ta tin rằng, nếu Thần Mặt trời ngậy ngất trước điệu nhảy đầy tinh tế của nữ hoàng, ngài ắt hẳn sẽ đối xử tử tế với nhân dân Ai Cập.



Ngày nay, bí ẩn về cuộc sống của nữ hoàng Nefertiti vẫn là một chủ đề hấp dẫn đối với các nhà khảo cổ. Họ rất hứng thú với “biểu tượng sắc đẹp” Ai Cập và những phương pháp làm đẹp của bà.

Tương truyền, để “nú chân” Pha-ra-ông Akhenaten, nữ hoàng đã kẻ mắt đậm (một kiểu make-up rất thịnh hành hiện nay), đội bộ tóc giả và tắm bằng nước ướp hương

liệu đặc biệt. Tuy vậy, điều này chỉ hiệu nghiệm trong... 12 năm đầu trị vì của Pha-ra-ông Akhenaten, vì nữ hoàng sinh hạ cho nhà vua tất cả 6 công chúa mà không có hoàng tử nào.

Bí ẩn về nữ hoàng Nefertiti đã thu hút sự chú ý của rất nhiều nhà khoa học.



Quan tài bằng vàng của nữ hoàng.

Khi triều đại Akhenaten suy tàn, quyền lực của nữ hoàng Nefertiti càng trở nên mạnh mẽ hơn khi được phong làm người đồng nhiếp chính. Sau khi Pha-ra-ông Akhenaten qua đời, quyền cai trị Ai Cập hoàn toàn nằm trong tay nữ hoàng. Lúc đó, bà có ý định bù lại những rắc rối về tôn giáo trong khoảng đầu thời gian trị vì của chồng. Nữ hoàng cho phép người dân tiếp tục thờ các vị thần khác ngoài Thần Mặt trời, song sự mâu thuẫn khi đó đã quá lớn, không thể cứu vãn.

Điều này đã lý giải một phần vì sao khi các nhà khảo cổ tìm thấy xác ướp của nữ hoàng, họ chỉ nhận được một cơ thể đầy thương tật và biến dạng với những nhát cắt ở ngực, cổ, tay, chân. Đội nghiên cứu cho rằng đây là một hành động trả thù của những kẻ thờ đa thần.



Tượng nữ hoàng Nefertiti

Hiện nay, bức tượng bán thân nổi tiếng của nữ hoàng Nefertiti tại bảo tàng Berlin, Đức vẫn có sức mạnh thu hút mọi ánh nhìn. Bức tượng tạc một gương mặt khả ái, trên đầu đội chiếc vương miện màu xanh, chiếc cổ thon vươn cao đầy vẻ kiêu hãnh cùng nụ cười bí ẩn trên đôi môi đỏ. Điểm đặc biệt ở bức tượng này là mới chỉ hoàn thành một bên mắt, càng làm nên “vẻ đẹp hoàn hảo một cách bí ẩn” của nữ hoàng.

Nguồn: Internet

VU LAN
Trung Nguơn Cảm tác

Ở thế mới hay thế não nề,
Tiền tài dục chúng thắm lê thê.
Công hầu phú quý bao người mến,
Khánh tướng lợi danh mấy khách chê.
Một kiếp lãng xăng mùi thịt rượu,
Trăm năm xét lại vị môi tê.
Trung nguơn là thảng tu hành thiện,
Đặt bút khuyên đời sớm tỉnh mê.

Thiện Nhựt.

HỌA

Cực khổ đau thương cũng chẳng nề,
Bao người đói lạnh sống lê thê.
Giàu sang thế lực nhờ vợ vét,
Phú quý quyền cao há dám chê?
Mở mắt lơ mơ đời ngẩn ngủi,
Vênh tai nghểnh ngãng quả hơi tê.
Trung nguơn hiếu thảo vui lòng mẹ,
Tỉnh ngộ hồi tâm thoát cõi mê.

Mai Xuân Thanh
29-8-12

TÌNH YÊU THƯƠNG

Tình Trời bao phủ trần ai,
Tình Trời thương khắp vạn loài chẳng phân.
Cha hiền, Mẹ đức tình thâm,
Thương yêu ấp ủ muôn năm trường tồn.

Tình cha nghĩa mẹ ngất non,
Suốt đời vất vả nuôi con chẳng sờn.
Tình chồng nghĩa vợ sắt son,
Trăm năm giữ vẹn keo sơn chẳng rời.
Tình anh nghĩa chị muôn đời,
Bên nhau sống chết, đời đời an vui.

Bà con lối xóm tươi cười,
Cận kề nghĩa kết suốt đời chẳng ngơi.
Bạn bè quen biết bé thơ,
Chẳng quên lúc khổ bơ vợ khốn cùng.

Tình yêu trai gái mặn nồng,
Đôi khi giận dỗi chữ đồng âm u.
Tình yêu biến đổi hận thù,
Càng yêu say đắm, càng mù giết nhau.
Trần gian đổ lệ máu đào,
Vì lòng yêu ái dối lừa gái trai.
Càng yêu thì hận càng dai,
Làm sao thoát đặng tuyền đài ẩn thân.

Tình, tiền, danh vọng, đai cân,
Cuộc đời đau khổ nát tan như bèo.
Sống đưa bèo dạt teo heo,
Lá vàng gió giật trôi theo sóng cuộn.

Ngẫm đi nghĩ lại càng buồn,
Cuộc đời sống tạm sắc không hững hờ!

Tình tiền danh vọng phớt lờ,
Tâm không, an tịnh: bến bờ Ngọc Hư.
Tâm thành tỉnh mộng rán tu,
Thoát vòng luân chuyển ngục tù thế gian.

Tình yêu Thượng Đế dạy răn,
Anh em huynh đệ thế gian một nhà.
Muôn loài vạn vật một Cha,
Phải thương không hổ ruột rà côi Thiêng.
Thương yêu chìa khóa Niết Bàn,
Thương yêu giếng mối trường tồn thế gian.
Cao Đài Thượng Đế kỳ Tam,
Thương yêu hòa ái phương châm độ người.

Bạch Tuyết

MỪNG ĐẠI HỘI

Hải Ngoại, đồng môn, Thánh Thất xây,
Đông vui Đại Hội có ba ngày.
Hàn huyên, góp mặt nên tô điểm,
Trò chuyện bên nhau, cử chọn ngay.
Thế Đạo dày công, tân Quân Nhiệm,
Hội Đồng Đại Diện thất vui thay. . . !
Tam Kỳ Phổ Độ, mừng An Vị,
Thánh Tượng, bình yên, thế giới hay . . . !

Mai Xuân Thanh

HỌA

Đạo nghiệp nước ngoài hợp sức xây,
Lập công, bồi đức việc hằng ngày.
Thời cơ Đại hội bày ra lối,
Dịp tốt luận bàn thực hiện ngay.
Chớ để thời gian trôi mất dạng,
Đừng cho kiếp sống chán buồn thay !
Tam Kỳ ân xá cùng nhau hưởng,
Truyền bá tin vui vạn chủng hay.

Bách Thanh

HỌA

Đại Đạo hoàng khai gắng hợp xây,
Chào mừng Đại Hội trọn ba ngày.
Thời cơ hợp mặt cùng chung lối,
Thời điểm chọn người cử nhiệm ngay.
Thế Đạo dựng xây tân Quân Nhiệm,
Hội Đồng Đại Diện cử người thay.
Houston Thánh Thất mừng An vị,
Đại Đạo hoàng dương thế giới hay!

Ngọc Nương

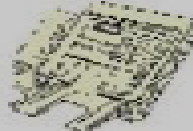
Đính chánh: Trong TSTD số 56, trang 75, câu thơ:

Tín đồ côi cút dạ buồn toi.

Xin sửa lại là:

Tín đồ côi cút dạ buồn tôi.

Thành thật cáo lỗi cùng HT. Võ Thị Bạch Tuyết và bạn đọc.



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121-1716

1- HT. Nguyễn Ngọc Dũ Phone : (408) 238-6547

Email: dutani@comcast.net.

2- HT. Nguyễn Văn Cầu, Email: caunguyencd@gmail.com

3- HT. Bùi Văn Nho, Email: caoninh12@yahoo.com

II- Ban Thế Đạo Bắc California:

HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 926-9186.

Email: tn_ndk@yahoo.com

III- Ban Thế Đạo Nam California:

HT. Bùi Văn Nho, Phone: (951) 710-7766

Email: caoninh12@yahoo.com

IV- Ban Thế Đạo Texas:

HT. Trịnh Quốc Thế, Phone: (281) 489-1770

Email: theqtrinh@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT. Bùi Đông Phương, Phone: 61-2-8798-0276

VI- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại WA & OR:

HTDP. Trần Trung Dung, Phone: (253) 709-6427

Email: tranyoung7@yahoo.com

VII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại LA:

HT. Trần Huyền Quang, Phone: (504) 347-9326

VIII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP. Nguyễn Chí Hiền, Phone: 33-1-4852-6017.

IX- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Ontario, Canada

HT Nguyễn Tấn Phát, Phone: 519-743-8996.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Bát thập bát niên
Tòa Thánh Tây Ninh



THIỆP MỜI

- * Lễ An Vị Thánh Tượng Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.
- * Đại Hội kỳ 7 Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
- * Đại Hội kỳ 2 Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.

Từ ngày 30-8-2013 đến ngày 1-9-2013 tại
Thánh Thất Cao Đài Houston Texas
8415 S. Breeze Dr
Houston, TX 77071

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Bát thập bát niên
Tòa Thánh Tây Ninh

THƯ MỜI

Kính gửi:

Quý Chức Sắc, Chức Việc Bàn Trị Sự các Cơ Sở Hành Chánh Đạo tại Hải Ngoại.

Quý vị Hiền Tài / Hiền Tài Dự Phong Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Quý Đồng Đạo và Thân Hữu/

Trân trọng kính mời quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ vui lòng dành thì giờ quý báu đến tham dự:

- 1- Đại Hội kỳ 7 Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
 - 2- Đại hội kỳ 2 Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.
 - 3- Lễ An Vị Thánh Tượng Thánh Thất Cao Đài Houston TX.
- được tổ chức trong 3 ngày: Thứ Sáu, Thứ Bảy 30-31 tháng 8 năm 2013 và Chủ Nhật 1-9-2013 tại:

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas
8415 S. Breeze Dr.
Houston, TX 77071

Sự hiện diện của Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ sẽ là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức và góp phần to lớn vào việc tăng thêm phần long trọng và kết quả mỹ mãn cho Lễ An vị Thánh Tượng và hai Đại Hội.

Trân trọng kính mời

Hoa Kỳ, ngày 15-3-2013

TM. Thánh Thất Cao Đài Houston Texas
Qu. Đầu Tộc: HT. Trịnh Quốc Thế (ký tên và đóng dấu)

TM. Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại
Qu. Chủ Trưởng: HT. Phạm Văn Khảm (ký tên và đóng dấu)

TM. Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Tổng Quản Nhiệm: HT. Nguyễn Ngọc Dũ (ký tên và đóng dấu)

CHƯƠNG TRÌNH

I- Đại Hội kỳ 7 Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Ngày Thứ Sáu 30-8-2013 từ 18.00 PM đến 23.30 PM

- 1- Khai mạc (Nghỉ thức tôn giáo).
- 2- Các Tham Luận và các Đề Nghị . Thảo Luận.
Phương hướng & Chương trình hoạt động năm 2013-2016.

23.30 PM: Tạm ngưng.

Ngày Thứ Bảy 31-8-2013 từ 9.00 AM đến 11, 00 AM

- 1- Các Quyết Định của Đại hội.
- 2- Bầu Tổng Quản Nhiệm và 2 Phó Tổng Quản Nhiệm.
- 3- Phát biểu của Tân Tổng Quản Nhiệm BTĐHN.
- 4- Phát biểu của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.

11.00 AM: Bế Mạc.

II- Đại Hội Kỳ 2 Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.

Ngày Thứ Bảy 31-8-2013 từ 13 .00 PM đến 18.00 PM

- 1- Khai Mạc (Nghỉ thức tôn giáo).
- 2- Tóm Lược Chủ Trương- Đường lối của Cơ Quan.
- 3- Tu chính Nội Qui (nếu có).
- 4- Thảo Luận đạo sự cần thực hiện trong tương lai.
- 5- Bầu tân thành viên Hội Đồng Đại Diện Cơ Quan.
- 6- Phát biểu của tân Qu. Chủ Trưởng.

18 .00 PM: Bế Mạc.

III- Lễ An Vị Thánh Tượng

Ngày Thứ Bảy 31-8-2013 từ 18.00 PM đến 22.00 PM

- 1- Thượng Phước (có múa lân)
- 2- Khai Đàn - Múa Lân chào mừng An vị Thánh Tượng.
- 3- Cúng Đại Đàn.
- 4- Lễ Minh Thệ tân thành viên Hội Đồng Đại Diện Cơ Quan & tân Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
- 5- Lễ nhập môn tân tín đồ.
- 6- Phát biểu Chào mừng & Cảm ơn của Qu. Đầu Tộc Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

22.00 PM: Lễ Thành.

Ngày Chủ Nhật 1-9-2013 từ 9.00 AM đến 14.00 PM

- 1- Tiếp tân - Khai Mạc - Chào cờ - Mặc niệm.
- 2- Diễn văn Khai mạc của Ban Tổ Chức.
- 3- Tường trình diễn tiến việc Xây Cát Thánh Thất.
- 4- Tặng vật khen thưởng - Tạ Ôn.
- 5- Phát biểu cảm tưởng của Đại Diện Cơ Sở Đạo và Quan Khách.
- 6- Đoàn Lân hưởng dẫn Quan Khách vào Chánh Điện đánh lễ Đức Chí Tôn và tham quan Thánh Thất đang xây cất.

12.30 PM: Cơm chay và Văn Nghệ.

14.00 PM: Lễ Thành.

IV- Ban Tổ Chức Lễ An Vị & Đại Hội.

Mọi thông tin liên quan đến Lễ An Vị Thánh Thất và Đại Hội của Cơ Quan, Đại Hội của Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin vui lòng liên lạc Ban Tổ Chức:

- 1- HT. Trịnh Quốc Thế, điện thoại: (713) 755-0105.
- 2- HT. Phạm Văn Khảm, điện thoại: (714) 548-5701.
- 3- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, điện thoại: (408) 892-8920
- 4- Nguyễn Tường Khôi, điện thoại: (713) 302-3791.
- 5- Trịnh Quốc Toàn, điện thoại: (832) 455-6530.
- 6- Thái Thanh Dương, điện thoại: (281) 935-7861.

V- Yểm trợ

Check hoặc Money Order yểm trợ Lễ An vị, Đại Hội của Cơ quan và Đại hội của Ban Thế Đạo Hải Ngoại, xin vui lòng gửi về địa chỉ sau:

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

PO. Box 711385

Houston, TX 77271- 1385.

Nơi **Pay to the order** xin đề: Cao Đài Temple of Houston TX

Nơi **Memo/ hoặc For**, xin đề: Yểm trợ Lễ An vị & Đại Hội.

Ghi chú: Chương trình chi tiết sẽ được thông báo trong Buổi Lễ An vị Thánh Tượng và trong hai Đại Hội.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Bát thập bát niên

TÒA THÁNH TÂY NINH

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI

TÂM THƯ

Kính Mời Tham dự

Đại Hội Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại lần II

Kính gửi:

Hiền Huynh /Hiền Tỷ đang Điều Hành các Cơ Sở Đạo tại Hải ngoại cùng quý Chức việc Bàn Trị Sự và đồng Đạo.

Kính quý Hiền Huynh, Huynh Tỷ,

Trong hoàn cảnh nền Đạo hải ngoại thiếu vắng sự dìu dắt hướng dẫn của Hội Thánh trong hơn ba thập niên, theo chủ trương hiệp nhất của nhị vị Chức sắc Thiên phong Hiền Huynh Cố Giáo Hữu Thái Cầm Thanh và Thượng Ngọc Thanh, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại đã được thành lập vào tháng 9/2006 với sự phối hợp và hỗ trợ của Châu Đạo California cùng nhiều Cơ sở Đạo và Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhằm hiệp nhất các Cơ sở Đạo tại hải ngoại để cùng nhau giải quyết các tồn tại trên các lãnh vực tu học, hành Đạo, củng cố và truyền bá Đức Tin Cao Đài; gìn giữ Chơn Truyền và thực hiện sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tính đến nay, mặc dù chưa có được nhiều cống hiến nổi bật, nhưng Cơ Quan với sự chung hiệp đã góp phần Bảo thủ Chơn Truyền, thực hiện một số việc như in Kinh sách, chương trình Cùng học giáo lý, thành lập Bản Tin Cao Đài với mạng toàn cầu (bantinaodai.haingoai.org) tạo nhịp cầu tương liên giữa các Cơ sở Đạo với nhau cũng như phổ biến tin tức Đạo sự và tài liệu Đạo cần thiết giúp ích trong việc hành Đạo và tu học.

Đặc biệt, từ ngày thành lập đến nay, Cơ Quan luôn giữ lập trường kiên định là tuyệt đối trung thành với Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh thành lập theo Hiến Chương năm 1965, (trước năm 1975), quyết tâm bảo thủ Chơn Truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, không công nhận Hội Thánh Cao Đài hiện nay trong nước, vì tổ chức này hoàn toàn bị Nhà nước Cộng Sản chi phối đã đi ra ngoài Chánh Pháp Tam Kỳ Phổ Độ. Cơ Quan cũng đã kịp thời lên tiếng cảnh báo cùng Đồng Đạo hải ngoại về âm mưu thực hiện nghị quyết 36 về tôn giáo của Cộng sản Việt Nam, thông qua “Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh”, đã cài đặt và cử cán bộ ra hải ngoại để khuyến dụ Chức sắc, Chức việc và đồng Đạo hải ngoại về từng phục Hội Thánh hiện nay trong nước mà mục đích là làm phân hóa khối Đức Tin Đạo Cao Đài ở hải ngoại để đặt nền Đạo hải ngoại dưới sự chi phối của nhà cầm quyền Cộng Sản vô thần trong nước.

Thưa quý Hiền Huynh Hiền Tỷ,

Trước biến thiên của cơ Đời cũng như trong cửa Đạo, trước tình trạng đen tối của nền Đạo hiện nay trong nước, là những tín đồ Cao Đài may duyên được ra hải ngoại, sớm hưởng không khí Dân chủ Tự do, chúng ta khối con cái Đức Chí Tôn xin chung hiệp ra sức gìn giữ Chơn truyền Tam Kỳ Phổ Độ, vun bồi nền Đạo hải ngoại, góp phần hoàng hóa mối Đạo Trời để cho lời tiên khải “Đạo thành từ ngoài thành vào” sẽ sớm thành hiện thực, để nhưn loại và dân tộc Việt Nam sớm được hưởng sự thanh bình, an lạc.

Trong thời Đạo loạn, là môn đệ chân chính của Đức Cao Đài, chắc hẳn quý Huynh Tỷ cũng mang hoài bão và ước vọng nêu trên và cũng đã trăn trở lo cho Đạo nghiệp, chúng tôi kính mong Chư vị hãy tìm hiểu rõ hơn về hoài bão của nhị vị Chức sắc Thiên Phong; về đường lối, lập trường của Cơ Quan Đại Diện và xin hãy đến với Đại Hội Cơ Quan lần 2 vào ngày 31-8-2013 (dịp lễ Labor Day) tại Thánh Thất Cao Đài Houston Texas .Trong thời gian này cũng là dịp để quý Huynh Tỷ gặp gỡ đồng Đạo, đồng hương, tham dự Đại Hội Ban Thế Đạo và

lễ An Vị Thánh Thất, ghi dấu một giai đoạn phát triển mới của Đạo Cao Đài tại hải ngoại.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn , Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng ban ân lành và hộ trì cho bước đường tu tiến của toàn Đạo nơi hải ngoại.

Kính chào đoàn kết trong tinh thần hiệp nhưt khối Thánh Tâm.
Westminster, ngày 12 tháng 6 năm 2013

TM. CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI

Qu. Chủ Trưởng

(ký tên và đóng dấu)

Hiền Tài Phạm Văn Khảm



**Vòm Bát Quái Đài & plafond dù vừa hoàn tất (7-2013)
Thánh Thất Cao Đài Houston Texas**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Bát Thập Bát Niên
TÒA THÁNH TÂY NINH

.....*

THÁNH THẮT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS

TÂM THƯ - TÂM TÌNH

Kính gửi quý vị Chức Sắc, quý Hiền Tài, quý Chức Việc BTS và
quý Đồng Đạo, Đồng Hương ân nhân

Kính thưa quý Liệt vị,

Sau biến cố ngày 30/04/1975, chúng ta lang thang nơi xứ người,
lòng nặng mang hình ảnh của quê hương thân yêu với bao nỗi
nhớ thương vô bờ bến. Riêng người Tín Hữu Cao Đài lòng ghi
khắc hình ảnh một TÒA THÁNH TÂY NINH uy nghi, một NỘI
Ô THÁNH ĐỊA linh thiêng và một sứ mạng HOÀNG KHAI
ĐẠI ĐẠO và PHỔ ĐỘ CHÚNG SANH nơi Hải Ngoại.

Với tâm tình đó, Đồng Đạo Thành Phố Houston Texas Hoa Kỳ
quyết tâm xây dựng một Thánh Thất theo mẫu số 3 Tòa Thánh
Tây Ninh, được sự yểm trợ tích cực của toàn đạo và đồng hương
ân nhân, cuối cùng một Thánh Thất uy nghi được hình thành và
sẽ được long trọng tổ chức LỄ AN VỊ THÁNH TƯỢNG vào 2
ngày 31/ 08/2013 và 01/09/2013.

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas không những là nơi thờ
phượng khang trang Đức Chí Tôn và các Đấng Từ Bi mà còn là
một công trình VĂN HÓA ĐẠI ĐỒNG không phân biệt màu
da sắc tộc, tôn giáo, đạo đời, kết hợp hài hòa các nền văn hóa
Đông Tây kim cổ, phù hợp với thời kỳ Toàn Cầu Hóa hay thời
kỳ Càn Khôn Dĩ Tận Thức mà Đức Chí Tôn đã giảng dạy qua
Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas sẽ là nơi sinh viên các

trường Đại Học, các giáo sư, các nhà văn hóa đến nghiên cứu, tìm hiểu, phổ biến công trình văn hóa đặc biệt này, từ đó nền Đại Đạo sẽ được phát huy rộng rãi theo đà tiến hóa của nhân loại.

Kính thưa quý ân nhân

Xây cất Thánh Thất trong hoàn cảnh của chúng ta thật là khó, nhưng không khó bằng sự duy trì, bảo quản, tu bổ, phát triển lâu dài sau này. Hơn nữa, vào giờ chót, công trình nào cũng bị khó khăn hơn vì tài chánh bị cạn kiệt lại nảy sinh nhiều chi phí bất ngờ. Dù vậy, chúng tôi luôn tin tưởng với sự phò trợ của các Đấng Thiêng Liêng và sự hỗ trợ nhiệt tình của quý ân nhân, Thánh Thất Houston Texas sẽ được vươn cao ngọn PHƯỚC PHỔ ĐỘ, đáp ứng được kỳ vọng của các Đấng cũng như của toàn thể nhơn sanh. Khẩn thiết kêu gọi sự tiếp tay của quý ân nhân để chúng tôi có thể hoàn tất công trình thiêng liêng này.

Nhân tiện chúng tôi long trọng kính mời quý ân nhân đặc ân dành thì giờ đến dự LỄ AN VỊ THÁNH TƯỢNG bắt đầu từ 6:00 PM ngày 31/08/13 và từ 10:00AM chủ nhật 01/09/13 tại khuôn viên Thánh Thất số 8415 S. Breeze DR, Houston, Texas 77071.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban nhiều hồng ân cho quý vị .

Trân trọng

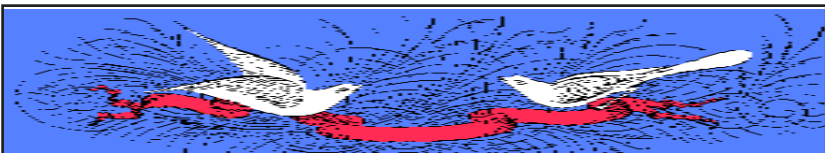
Houston, ngày 01/08/2013

TM. Tộc Đạo và Hội Đồng Quản Trị,

HT TRỊNH QUỐC THẾ

TM. Ban Tạo Tác,

Đông Y SĨ CẢNH THIÊN



CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Huynh HT. Nguyễn Trung Đạo, Qu. Đầu Tộc Thánh Thất San Diego, CA & Hiền Tỷ HT. Lê Ngọc Tuyết cư ngụ tại thành phố San Diego bang California báo tin lễ Vu Quy cho con là:

HTDP Nguyễn Thùy Diễm Thứ Nữ

Sánh duyên cùng:

Giuse - Lê Đạt Joseph Trưởng Nam

Con của Bà Lê Thị Tuyết Mai
cư ngụ tại Huntington Beach, California.

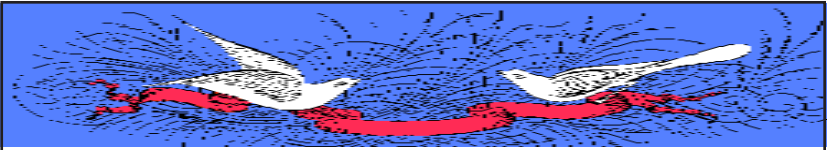
Hôn lễ sẽ được cử hành vào lúc 10.00 AM ngày Thứ bảy 27 tháng 7 năm 2013 (nhằm ngày 20 tháng 6 Quý Ty) tại tư gia tại thành phố San Diego, California.

Chúng tôi xin chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

Trăm Năm Hạnh Phúc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Bắc CA, Ban Thế Đạo Nam CA.
Ban Thế Đạo TX và Ban Thế Đạo Úc Châu.

Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các Bang tại Hoa Kỳ, tại Ontario Canada và tại Pháp.



CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Huynh Lê Thành Nam & Hiền Tỷ Lâm Thu Sơn, Nữ Chánh Trị Sự Hương Đạo San Jose 1 Thánh Thất San Jose, CA báo tin lễ Vu Quy cho con là:

Lê Thanh Hà

Trưởng Nữ

Sánh duyên cùng:

Tou Thongteng Thao

Trưởng Nam

Con của Ông Bà Paoze Thao

Hôn lễ sẽ được cử hành vào lúc 4.30 PM ngày Thứ bảy 29 tháng 6 năm 2013 (nhằm ngày 22 tháng 5 Quý Ty) tại Summitpointe Golf Course thành phố Milpitas, CA.

Chúng tôi xin chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

Trăm Năm Hạnh Phúc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Bắc CA,

Danh Sách Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu
Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại &
Tập San Thế Đạo
(Từ ngày 1-5-2013 đến ngày 31-7-2013)

STT	Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu	USD
I- Yểm Trợ TSTĐ		
01	CTS Hà Thị Nết, Garden Grove, CA	20.00
02	CTS Lê Quang Giai, San Diego, CA	20.00
03	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	30.00
04	CTS Lê Thị Huyền, North York, ON, Canada (100 đôla Canada)	91.48
05	CTS Nguyễn Văn Bé, San Jose, CA	50.00
06	CTS Nguyễn Văn Lợi, Anaheim, CA	20.00
07	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	20.00
08	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	20.00
09	Hà Văn Hưng, Stone Mtn, GA	30.00
10	Hồ Hữu Dũng, Portland, OR	50.00
11	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	20.00
12	HT. Bùi Văn Nho, Riverside, CA	40.00
13	HT Huỳnh Công Khanh, St. Petersburg, FL . . .	50.00
14	HT Lê Ngọc Biết, Houston, TX	50.00
15	HT Lê Ngọc Thọ, Montreal, Canada	40.00
16	HT Mai Văn Tìm, Everett, WA	50.00
17	HT Nguyễn Huỳnh Giàu, San Jose, CA	40.00
18	HT Nguyễn Văn Bực, Stanton, CA	50.00
19	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA	20.00
20	HT Võ Lạc Quan, San Jose, CA	30.00
21	HT Võ T. Bạch Tuyết, Antelope, CA	20.00

22	HTDP Dương Văn Ngừa, San Jose, CA	40.00
23	HTDP Huỳnh Kim Triều, Cypress, TX	50.00
24	HTDP Mai Xuân Thanh, San Jose, CA	20.00
25	HTDP Ngô Thiện Đức, Garden Grove, CA.	40.00
26	HTDP Nguyễn Hồng Ân, Beavercreek, OH.	50.00
27	HTDP Nguyễn Chí Hiền, Thiais, Pháp	137.71
28	HTDP Nguyễn Tấn Vũ, Dulac, LA	100.00
29	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA.	20.00
30	HTDP Sơn Nguyễn & HTDP Trang Trần, TX	30.00
31	HTDP Trần Công Bé, Fort Worth, TX	20.00
32	HTDP Trần Công Minh, Clifton, NJ	20.00
33	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA	50.00
34	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	20.00
35	Huỳnh Phan Hộ, San Jose, CA.	50.00
36	Huỳnh Văn Thì, Sacramento, CA.	20.00
37	Lê Văn Bé, Arlington, TX	50.00
38	Lê Văn Minh, Riverside, CA	50.00
39	Lê Văn Lộc, Anaheim, CA.	20.00
40	Lý Quang Tú, San Jose, CA.	20.00
41	Đặng Kim Toàn, San Jose, CA	20.00
42	Đào Thị Ánh, Houston, TX	20.00
43	Ngô Văn Bi, Houston, TX	200.00
44	Ngọc Châm Thanh, Toronto, ON, Canada (50 đôla Canada)	46.83
45	Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, SJ, CA	200.00
46	Nguyễn Kim Xuyên, Aurora, CO	50.00
47	Nguyễn Ngọc Sương, Lawrenceville, GA.	50.00
48	Nguyễn Thị Kim, San Jose, CA.	20.00
49	Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA	20.00
50	Nguyễn Văn Trung, Kitchener, Canada.	100.00
51	Phạm Thị Nguyệt Nga, Sacramento, CA.	20.00
52	Quả phụ Đặng Quang Dương, Coppell, TX	50.00
53	Tâm Trinh, Dorchester, MA.	30.00

54	Thánh Thất Cao Đài Vancouver, BC, Canada	
55	(150 đôla Canada)	137.22
56	Thomas Tiền Nguyễn, Garden Grove, CA	20.00
57	Tường Nguyễn , DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA	200.00
58	Trần Công Định, Alameda, CA	20.00
59	Trần Đức Nhuận, San Jose, CA	20.00
60	Trần Xuân Phú, Toronto, ON, Canada (60 đôla Canada)	54.88
61	Trương Văn Thì, Seattle, WA.	20.00
62	TSự Lê Sáng Huệ, St. Louis, MO	50.00
63	TSự Mai Văn Liêm, Arlington, TX	20.00
64	TSự Cao Hòa Thuận, San Diego, CA	20.00
65	Võ Nguyễn Trung Cang, San Jose, CA	20.00
66	Võ Văn Xu, Wichita, KS.	20.00

Cộng (1) : US\$ 2998.12

II- Niên Liễm:

01	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	60.00
02	HT Lê Ngọc Thọ, Montreal, Canada.	60.00
03	HT Nguyễn Huỳnh Giàu, San Jose, CA	60.00
04	HTDP Võ Ngọc Diệp, Forth Worth, TX	60.00
05	HT Bùi Văn Nho, Riverside, CA	60.00
06	HTDP Nguyễn Chí Hiền, Thiais, Pháp	60.00
07	HTDP Lý Kim Phụng, Thiais, Pháp.	60.00
08	HTDP Nguyễn Hiền Nhân, Thiais, Pháp.	60.00
09	HTDP Nguyễn Hiền Quân, Vitry-Sur-Seine, Pháp	60.00
10	HTDP Phan Phú Nghiệp, Kennesaw, GA	60.00
11	HT Huỳnh Công Khanh, St.Petersburg, FL	60.00

12 HTDP Nguyễn Thị Huệ, Santa Ana, CA 50.00

Cộng (2): US\$ 710.00

III- Yểm trợ In Kinh Sách

- 01 CTS Châu Huệ Ên, NSW, Úc 100.00
02 CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX 30.00
03 CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA 30.00
04 Hồ Sơn Thành, San Jose, CA 30.00
05 Hồ Văn Thái, San Francisco, CA 30.00
06 Hoàng Văn Viên Pearl City, HI 200.00
07 HT. Bùi Văn Nho, Riverside, CA 100.00
08 HT. Huỳnh Công Khanh, St. Petersburg, CA . . 30.00
09 HT. Nguyễn Thành Nghiệp, NSW, Úc Châu 100.00
10 HT Nguyễn Tấn Tạo &
HTDP Nguyễn Kim Châu, Gretna, LA 50.00
11 HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA 20.00
12 HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA 20.00
13 HT. Võ T. Bạch Tuyết, Antelope, CA 20.00
14 HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA 20.00
15 HTDP Võ Ngọc Diệp, Fort Worth, TX 20.00
16 Đào Thị Ánh, Houston, TX 30.00
17 Đặng Châu, Wichita, KS 40.00
18 Huỳnh Văn Thì, Sacramento, CA 20.00
19 Lê Thị Hồng Ngọc, Qu. Nữ Đầu Tộc
Thánh Thất Sydney, NSW, Úc Châu 50.00
20 Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, SJ, CA . . 200.00
21 Nguyễn Thị Thu Trang, Mississauga, ON
Canada (300 đôla Canada) 282.99
22 Nguyễn Thị Dung, Houston, TX 100.00
23 Nguyễn Văn Trung, Kitchener, Canada 100.00
24 Đoàn Văn Giáp, Lake City, GA 30.00

25	Phạm Văn Hớn, Fargo, ND.	40.00
26	Phạm Thị Minh Hải, Springvale, VIC, Úc. . . .	300.00
27	Phạm Thị Niệm, Noblle Parks, VIC, Úc	50.00
28	Quang Thomas Đỗ, San Antonio, TX	20.00
29	Thánh Thất Houston Texas (Đường Synott, Houston, TX).	200.00
30	Trần Công Định, Alameda, CA	20.00

Cộng (3):... US\$ 2282.99

Tổng cộng tiền thu được gồm có Niên Liễm, Yểm trợ Tập San Thế Đạo và In Kinh Sách (1+2+3) từ ngày 1-5-2013 đến ngày 31-7-2013 là:

Năm ngàn chín trăm chín mươi một đôla mười một xu (US\$ 5,991.11)

San Jose, ngày 31-7-2013

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Chân Dung Đức Qu. Giáo Tông
(Tái bản có sửa chữa)
HT. Trần Văn Rạng

Vào đầu tháng 10-2013, Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ phát hành sách “ Chân Dung Đức Qu. Giáo Tông” của Hiền Tài Trần Văn Rạng.

Trân trọng kính thông báo cùng đồng đạo và thân hữu.

San Jose, 31-7-2013

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Tóm Lược **Hội Tương Tế Cao Đài**

(Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT ngày 25-12-2002)

A-Mục đích, ý nghĩa việc thành lập

*-Thể hiện và vun bồi “tình tương thân tương ái” giữa người tín đồ Cao Đài.

*- Phát huy tinh thần “Từ Bi, Công Bình, Bác Ái” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam giáo.

B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài:

*- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.

*- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.

*-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.

*-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung. Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng

điều là (15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liêm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

F- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài,
14411 Buckner Dr, San Jose, CA 95127

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

*- Nguyễn Sam - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.,

Phone : (408) 759-9339 (Cell)

E-mail: hadinhhuynh2003@yahoo.com

*- Dương Văn Ngừa - Trưởng Ban Điều Hành

14411 Buckner Dr, San Jose, CA. 95127

Phone : (408) 923-1052 (H) & (408) 772-0989 (Cell).

Email: datthong2005@yahoo.com

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :

Thân mẫu của quý HH Mai Công Minh, HTDP Mai Hòa Đường, Mai Trung Nghĩa và Hiền Tỷ Mai Thị Nhân là:

Cụ Bà Quả phụ **Mai Văn Kiêu** (Nhũ danh Phạm Thị Thắng)

Đã qui vị vào ngày 19 tháng 7 năm 2013 (nhằm ngày 12 tháng 6 năm Quý Ty) tại Bàu Đồn, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hưởng thọ 88 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng quý Hiền Huynh Mai Công Minh, HTDP Mai Hòa Đường, Mai Trung Nghĩa, Hiền Tỷ Mai Thị Nhân và tang gia hiếu quyến..

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh Cụ Bà quả phụ Mai Văn Kiêu, nhũ danh Phạm Thị Thắng sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Đồng Cao Đài Giáo Úc Châu.

Thánh Thất Sydney, NSW, Úc Châu.
Trường Việt Ngữ Đạo Đức, NSW, Úc Châu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Úc Châu.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :
Bào huynh của Hiền Huynh Lương Văn Chính là:

Đạo hữu Lương Văn Tư

Đã qui vị vào lúc 2.30 AM ngày 13 tháng 7 năm 2013 (nhằm ngày 6 tháng 6 năm Quý Tỵ) tại thành phố San Mateo, CA.

Hưởng thọ 77 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Lương Văn Chính và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố đạo hữu Lương Văn Tư sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Tộc Đạo Santa Clara,
Ban Quản Tộc Điện Thờ Phật Mẫu
Thánh Thất San Jose - Thánh Thất Sacramento.
Chức Việc BTS & Đồng đạo tại TT & ĐTPM

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Bắc California.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :

Nhạc mẫu của Hiền Huynh Hồ Văn Thôi ngụ tại San Francisco, California là:

Cụ Bà Tạ Thị Y (Pháp danh Ngô Ngọc)

Đã qui vị vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 (nhằm ngày 23 tháng 5 năm Quý Tỵ) tại Đức Quốc.

Hưởng thọ 89 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh và Hiền Tỷ Hồ Văn Thôi cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh Cụ Bà Tạ Thị Y sớm về Miền Cực Lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Bắc California.

Tây Ninh Đồng Hương Hội.
Cựu Sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung



PHÂN ƯU

Chúng tôi thương tiếc nhận được tin buồn :

Em rể của HT. Nguyễn Long Thành, phu quân của
Hiền Tỷ Nguyễn Thị Núi ngụ tại Santa Ana California
là:

Hiền Huynh
Trần Tấn Quảng
Bác sĩ Quân Y

Đã qui vị ngày 27 tháng 6 năm 2013 (nhằm ngày 20
tháng 5 năm Quý Ty) tại thành phố Santa Ana, CA.

Hưởng thọ 82 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Nguyễn
Thị Núi, các cháu Khang, Khôi, Xuân và tang gia
hiếu quyến.

Nguyện cầu Ôn Trên ban bố hồng ân cho hương linh
Hiền Huynh Trần Tấn Quảng sớm Tiêu Diêu Miền
Cực Lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Nam California.

Gia đình HT. Nguyễn Ngọc Dũ



PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn :

Cô của HTDP Dương Thanh Vân, ngụ tại
Montreal, Quebec, Canada là:

Hiền Tỷ Dương Khiêm Tôn

Đã qui vị ngày 15 tháng 5 năm 2013 (nhằm ngày
6 tháng 4 năm Quý Ty) tại thành phố Saigon,
Việt Nam.

Hưởng thọ 87 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh
Dương Thanh Vân và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Ông Trên ban bố hồng ân cho hương
linh Hiền Tỷ Dương Khiêm Tôn sớm trở về cõi
Thiên Đàng Hằng Sống

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải Ngoại



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :

Thứ nam của Hiền Tỷ Lê Thị Đàm và cũng là phu quân của cháu Lưu Hồng Ngọc ngụ tại Clarkstone, bang Georgia là:

Đạo hữu **Hồ Công Danh**

Đã qui vị vào lúc 7.30 PM ngày 13 tháng 5 năm 2013 (nhằm ngày 4 háng 4 năm Quý Ty) tại bệnh viện Kennestone, Tiển bang Georgia, USA

Hưởng dương 44 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Lê Thị Đàm, cháu Lưu Hồng Ngọc và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố đạo hữu Hồ Công Danh sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

BTS Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài GA
Ban Nhạc Lễ, Đồng Nhi thuộc Thánh Thất GA
Đại Đạo Thanh Niên Hội Cao Đài GA
Đồng đạo Cao Đài Thánh Thất GA

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

Cơ Quan Đại Diện
Cao Đài Hải Ngoại

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Bát Thập Thất Niên
TOÀ THÁNH TÂY NINH

Số: 15/Q.CT/VP

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI

Kính gửi:

Quý Chức sắc, Chức việc các Cơ sở Đạo và Đồng Đạo tại Hải Ngoại,

Thưa Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ:

Tiếp lời kêu gọi qua bức TÂM THƯ của Hành Chánh Đạo, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tạo Tác Thánh Thất Houston ngày 18 tháng 5 năm 2012, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại kính gửi đến Hiền Huynh, Hiền Tỷ vài điều chân tình như sau:

1- Về vị trí, Thánh Thất Cao Đài Houston Texas (toạ lạc trên lô đất vuông vức hai mẫu tây) nằm gần trung tâm Thành phố Houston Texas, một thành phố lớn nhất của bang Texas, với dân số trên 2 triệu người mà người Mỹ gốc Việt chiếm gần 2%, trong đó có khá đông tín đồ Cao Đài chỉ sau bang California.

Đây là một Thành phố lớn mạnh về văn hoá, giáo dục, kinh tế và chính trị của Hoa Kỳ, nên trong tương lai, Thánh Thất Houston chắc chắn sẽ là biểu tượng văn hoá đặc sắc nhiệm mầu của Tôn giáo Cao Đài và góp phần làm sáng danh nền văn hoá đa chủng tộc của Hoa Kỳ. Ngoài ra, nơi đây cũng sẽ là nơi rất thuận lợi cho việc phát triển nền Đạo, phổ truyền nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn tại Hải ngoại.

2-Thánh Thất Cao Đài Houston Texas không to lớn về mặt kiến trúc, nhưng là hình ảnh của Tòa Thánh Tây Ninh tại địa phương, là một tiểu Bạch Ngọc Kinh tại thế không những ẩn tàng huyền vi mầu nhiệm dẫn dắt nhơn sanh về hiệp nhất với Đấng Cha Trời..mà còn thể hiện rõ sự cộng hiệp giữa Trời và Người, hoà đồng các nền phong hóa Đông Tây, kim cổ, giữa khoa học và Đạo học... để nhơn loại cùng nhau lập đời Thánh Đức trên Địa Cầu này.



3)- Sự hình thành Ngôi Thánh Thất Cao Đài Houston Texas sẽ góp phần cùng các Ngôi Tiểu Bạch Ngọc Kinh tại thế ở toàn Hải ngoại thể hiện rõ nét cho nhơn sanh thế giới nhìn thấy Đấng Cha Chung của nhơn loại để không còn phân biệt màu da sắc tộc, tôn giáo, văn hoá xã hội ..v.v... cùng nhìn nhau là anh em ruột thịt, chung sống trong cảnh Huynh đệ Đại Đồng an bình hạnh phúc.

Với tầm quan trọng về VỊ TRÍ và SỨ MẠNG của Thánh Thất Houston Texas và như lời dạy của Đức Chí Tôn, Thánh Thất

là “Ngôi Nhà Chung” của nhơn sanh, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại tha thiết kêu gọi Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ hết lòng chung sức cùng Đồng Đạo tại Houston, cùng Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại phát tâm công quả ủng hộ dưới mọi hình thức cho công trình xây dựng Thánh Thất Houston Texas sớm được hoàn thành.

Mọi đóng góp bằng Chi phiếu hoặc Money Order, xin đề: Thánh Thất Cao Đài Houston Texas, thư gửi về địa chỉ: PO. BOX 711385, Houston, Texas 77271-1385 và bỏ vào phong bì có dán tem sẵn.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban ân lành cho Hiền Huynh, Hiền Tỷ và quý quyến được muôn điều may mắn, vạn sự như ý.

Chân thành tri ân và trân trọng kính chào.

California, ngày 12 tháng 6 năm 2012

TM. CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI
Qu. CHỦ TRƯỞNG

(Ấn ký)

Hiền Tài PHẠM VĂN KHẮM

ĐÍNH KÈM:

- Bức TÂM THƯ kêu gọi Công quả của Thánh Thất Houston.
- Bản Sơ đồ thiết kế và hình ảnh.

NƠI NHẬN:

- Tập San Thế Đạo.
- Tập San Qui Nguyên.
- Bản Tin Cao Đài Hải Ngoại.
- Các Trang Mạng www.banthedao.org, www.quinguyen.org, <http://bantin.caodaihaingoai.org/>
- “Kính nhờ phổ biến”
- Lưu.

TIN TỨC TÓM LƯỢC

I-- Tin Ban Thế Đạo Hải Ngoại

1- Đại Hội Hiền Tài kỳ 7 tại Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

Vào ngày 30 và 31 tháng 8 năm 2013, Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ tổ chức Đại hội kỳ 7 tại Thánh Thất Cao Đài Houston Texas để bầu tân Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhiệm kỳ 2013-2016. Đại hội sẽ quy tụ tất cả Hiền Tài và Hiền Tài Dự Phong hiện đang sinh sống tại hải ngoại về tham dự.

Được biết, Ban Thế Đạo Hải Ngoại là một tổ chức Đạo Cao Đài (Tòa Thánh Tây Ninh) hoạt động biệt lập, không thống thuộc Hội Thánh hiện tại tại Tây Ninh và tuân thủ theo hiến chương Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh năm 1965. Và cứ 3 năm một lần Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ tổ chức một Đại hội để bầu tân Ban Quản Nhiệm và hoạch định ra chương trình hoạt động cho 3 năm tới.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã được thành lập từ tháng 12 năm 1995 tại thành phố San Jose, CA và đến nay đã hoạt động được gần 18 năm.

2- Ban Thế Đạo Hải Ngoại thêm 2 tân Hiền Tài Dự Phong

Theo Quyết Định số 11/VP/BTĐHN/2013 ngày 8-7-2013 Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã công nhận thêm 2 vị tân Hiền Tài Dự Phong hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- HTDP Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1954 tại Tây Ninh, hiện ngụ tại Santa Ana, California.

2- HTDP Nguyễn Ngọc Điệp (nữ), sinh năm 1987 tại Thị Xã Tây Ninh, hiện ngụ tại San Jose, California.

Hiện nay số Hiền Tài được Hội Thánh ân phong trước năm

1975 càng ngày càng giảm đi và những vị Hiền Tài Dự Phong đang hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ dần dần thay thế những vị Hiền Tài trong nhiệm vụ mà Hội Thánh trước năm 1975 đã giao cho quy định trong Bản Nội Luật và Qui Điều Ban Thế Đạo.

II- Tin Ban Thế Đạo Bắc California

Bầu Tân Ban Quản Nhiệm Bắc California nhiệm kỳ 2013-2016

Vào ngày 30/06/2013, lúc 09 giờ sáng, Ban Thế Đạo Bắc California đã tổ chức một phiên họp tại Văn Phòng Ban Thế Đạo Bắc California đường Moreno, San Jose, CA để bầu tân Ban Quản Nhiệm nhiệm kỳ 2013-2016 và hoạch định ra phương hướng và chương trình hoạt động cho Ban Thế Đạo Bắc CA trong 3 năm tới.

Phiên họp đã được đặt dưới sự chủ trì của HT. Nguyễn Đăng Khích với sự hiện diện của Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Trước khi tiến hành bầu cử phiên họp đã bầu ra Thư Ký Đoàn và Giám Sát phiên họp như sau:

Thư Ký Đoàn:

HTDP Mai Xuân Thanh và HTDP Nguyễn Sam,

Giám Sát : HT Dương Quốc Dân.

Sau phần giới thiệu thành phần tham dự HT. Nguyễn Đăng Khích đã báo cáo về hoạt động của Ban Thế Đạo Bắc California trong 3 năm qua, nêu lên những ưu & khuyết điểm để cùng thảo luận hầu lấy kinh nghiệm cho hoạt động Ban Thế Đạo trong thời gian tới.

Các Hiền Tài hiện diện cũng đã nêu bật được những cố gắng, những nỗ lực cùng sự đóng góp nhiều công sức, lập được nhiều kết quả của HT Khích kể từ khi Hiền Huynh này đảm nhận vai trò Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Bắc CA.

Đến phần bầu cử, sau khi thảo luận, xem xét kỹ từng trường hợp, cuối cùng phiên họp đã biểu quyết như sau:

Tân Tổng Quản Nhiệm: HT Nguyễn Đăng Khích

Phó Tổng Quản Nhiệm: HTDP Nguyễn Thành Hưng
HTDP Nguyễn Sam.

Thành phần nhân sự khác trong Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Bắc California sẽ được bổ túc sau.

Sau cùng, phiên họp đã thảo luận và đúc kết những đề nghị cho Ban Thế Đạo Hải Ngoại trong kỳ Đại hội 7 sắp tới tại Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

Buổi họp đã được kết thúc vào lúc 12 giờ trưa cùng ngày.

III- Tin Châu Đạo California

Bữa cơm gây quỹ xây dựng Lầu chuông Lầu trống Thánh Thất San Diego, CA

Vào ngày 4-8-2013 tại Hội Trường Châu Đạo California số 14072 đường Chestnut, CA 92683, Châu Đạo sẽ tổ chức một bữa cơm chay gây quỹ xây dựng Lầu chuông Lầu trống cho Thánh Thất San Diego, CA.

Được biết, Tộc Đạo San Diego, CA đã mua một nhà thờ trên khoảnh đất 8000 sqf để làm Thánh Thất Cao Đài với giá US\$ 384,000.00. Tộc Đạo đã vay US\$ 180,000.00 và sẽ phải trả hằng tháng khoảng US\$ 2,000.00 trong 10 năm.

Hiện Tộc Đạo đang sửa chữa lại nhà thờ này thành Thánh Thất Cao Đài theo hình dạng Tòa Thánh Tây Ninh và hiện nay đang đến giai đoạn xây dựng Lầu chuông Lầu trống.

Thánh Thất San Diego ở địa chỉ sau:

Thánh Thất San Diego
3204 Clairemont Mesa Blvd
San Diego, CA 82177

Tường Thuật TRẠI HÈ TIẾN BƯỚC II Quang Thông

Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải Ngoại đã tổ chức xong một khóa huấn luyện trưởng cấp Thiếu, mang tên Trại Hè Tiến Bước II tại thành phố Issaquah, tiểu Bang Washington, cách thành phố Seattle khoảng 20 dặm về hướng Đông.



Trại Hè chính thức diễn ra trong ba ngày 4, 5 và 6 tháng 7 năm 2013, trên một bãi đất khá rộng, chung quanh bao bọc bằng rừng cây xanh tươi và khí hậu ấm áp của vùng Tây Bắc Hoa Kỳ.

Trại Hè nhằm trang bị kiến thức cho hàng huynh trưởng và thiếu niên cùng tham dự. Mục đích trại Huấn Luyện Thiếu Trưởng Tiến Bước II là cung cấp cho Quý Anh Chị Em trong Đại Đạo Thanh Niên Hội những kỹ năng, kiến thức cơ bản và thông dụng trong việc lãnh đạo và điều hành tổ chức trong sinh hoạt đoàn thể.

Các thành viên Đại Đạo Thanh Niên Hội từ một số tiểu bang Hoa Kỳ về tham dự gồm:

*- Nam California có 21 người, trong đó có 7 trưởng được hưởng dẫn bởi trưởng Ngô Thiện Đức và trưởng Võ Hồng Hoa.

*- Bắc California có 26 người, 8 em nhỏ và 18 người lớn. Được hưởng dẫn bởi trưởng Trần Chí Dũng và trưởng Trương Công Lý. Đi chung với phái đoàn còn có CTS Đào Minh Ánh, Thông Sự Nguyễn Thị Tuyết Dung, và HTDP Dương Văn Ngừa. . .

*- Portland, Oregon có 14 người, 4 người lớn và 10 em nhỏ. Được hưởng dẫn bởi trưởng Lê Minh Hoàng kiêm CTS. Thánh Thất Portland.

*- Houston, TX có 21 người đa số là người lớn. Được hưởng dẫn bởi trưởng Nguyễn Túy. Đi chung với phái đoàn còn có HT Trịnh Quốc Thế, HT Nguyễn Ngọc Nương, và HH Hồ Chánh Trực. . .

*- Riêng tại Seattle là đơn vị tổ chức, tham dự gồm 21 em nhỏ, do 3 trưởng hưởng dẫn là trưởng Trương Nguyễn Đăng Khoa, trưởng Trần Trung Dung và trưởng Lâm Nguyên. Về phía người lớn có HT Mai Văn Tim, CTS Nguyễn Văn Sành cùng số đồng Bàn Tri Sự và đồng đạo khoảng 40 vị đến tham dự hỗ trợ tinh thần và giúp phương tiện cho các em khi cần.

*- Ngoài ra còn có trưởng Phạm Huấn đến từ Atlanta, Georgia và 3 trưởng thuộc Liên Đoàn Hướng Đạo Việt Hùng là đơn vị bạn nơi địa phương.

Về phần sinh hoạt:

*- Phái đoàn Nam California đến sớm nhất đã phối hợp với ĐĐTNH Seattle lo dựng lều, trang bị máy phát điện, căng các biểu ngữ cùng các vật dụng cần thiết từ trưa ngày Thứ Năm. Buổi tối các em đã bắt đầu sinh hoạt, đốt lửa trại.



- Vào sáng sớm ngày Thứ Sáu 5 tháng 7, 2013, quan khách đến sớm sẽ thấy các em tập thể dục nhịp nhàng, rồi cùng hát bài Tiến Bước âm thanh vang vọng cả một góc rừng.

“Tiến bước tiến bước lên, Thanh niên Hội Cao Đài.
Anh em ơi cùng đi, xây đắp một ngày mai.
Nào ta quyết, góp công sức cho Đại Đạo.
Kết tâm tư, nguyện tô thắm cho cuộc Đời. . .”

Bài hát âm điệu thật hùng tráng và đầy đạo vị, được biết do trưởng Phạm Tú từ nam California sáng tác đặc biệt dành riêng cho Trại Hè Tiến Bước.



Trại Hè Tiến Bước II (Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải Ngoại)



Trại Hè Tiến Bước II (Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải Ngoại)

- Trước giờ khai mạc có dành 15 phút gọi là giờ Tĩnh Thần, ý nghĩa là khơi một chút niềm tin bắt đầu cho một ngày mới. Hiền Tài Mai Văn Tim được mời trình bày với đề tài “Sự quan trọng của việc làm công quả trong đạo Cao Đài. “

Đến hơn 9 giờ sáng, quan khách đã đến đông đủ, Lễ Khai mạc bắt đầu.

Trước tiên là diễn văn Khai mạc do Khóa Trưởng Ngô Thiện Đức đọc, nói lên tầm quan trọng của việc đào tạo nhân sự mà một tổ chức nào muốn tồn tại và phát triển cũng cần phải quan tâm, thực hiện. . . Kế đó là phần phát biểu của chư chức sắc, chức việc và đồng đạo tham dự. HT Trịnh Quốc Thế đã nói lên lòng ưu ái của Hội Thánh dành lo cho đoàn hậu tấn nên từ hơn 50 năm trước đã cho thành lập Đại Đạo Thanh Niên Hội mà hiền huynh cũng là một thành viên trong Ban Chấp Hành . . .

Kế đó là các vị đại diện hành chánh đạo từ các địa phương lên phát biểu khuyến khích các em rán cố gắng học tập để tiếp nối tiền nhân phụng sự Đại Đạo. . .

Về chương trình suốt trong hơn 2 ngày học tập qua các đề tài như:

- Kỹ thuật Lãnh đạo và chỉ huy.
- Cách điều khiển giờ tĩnh thần.
- Cách tổ chức 1 buổi lửa trại, người quản trò, quản lửa.
- Cách dùng trò chơi để học và vui chơi. Thay vì chỉ ngồi nghe trong lúc học thì rất chán và các em sẽ không tiếp thu được bao nhiêu. Nếu dùng trò chơi và lồng vào những đề tài hoặc những điểm mình muốn truyền đạt thì các em sẽ thích thú hơn và tiếp thu được nhiều hơn.
- An toàn và tâm lý trẻ em.
- Hàng ngũ và cách tập hợp, hiệu còi, cách chào trong Đại Đạo Thanh Niên Hội.
- Thế Nào Là Người Thành Viên Đại Đạo Thanh Niên Hội

(Lịch sử, quyền Lợi, Bồn phận, và Trách Nhiệm) Mục đích chính là dạy cho các em 5 điều tâm nguyện của Đại Đạo Thanh Niên Hội.

- Cách nói chuyện giữa công chúng .
- Làm sao phân biệt giữa cái phải và cái quấy.
- Cách lập chương trình sinh hoạt.
- Cách tổ chức trò chơi lớn.
- Cách nhóm lửa và nấu ăn : đặc biệt trong mục này Ban tổ chức có chuẩn bị đủ chảo, bếp, nồi, dao, kéo, thớt, tô, chén đĩa và thức ăn cho 6 đội thi đua nấu ăn trong vòng 30 phút và sau đó ban giám khảo ăn thử và chấm điểm. Thức ăn gồm có tàu hủ và một số rau quả, các đội tùy nghi nấu món gì cũng được.
- Mãn khóa tất cả trại sinh được nhận bằng chứng chỉ (certificate).
- Tổng cộng có 6 đội và 6 đội này sinh hoạt theo đội và liên tục thi đua trong mọi sinh hoạt và hoàn cảnh trong suốt 2 ngày. Mỗi đội lấy tên 1 loại trái cây. Dưa Hấu, Dâu, Xoài, Thanh Long, Cóc, và Chanh. Ba đội thắng giải và được nhận phần thưởng là Dưa Hấu, Dâu và Chanh.

- Đêm lửa trại tối thứ sáu gồm có:

Tất cả được các trưởng Hướng Đạo hát bài gọi lửa và gọi từng đội vào tham dự

Tất cả hát và nhảy lửa (bài hát nhảy lửa)

Mỗi đội trình diễn 2 tiết mục do mỗi đội tự chế.

Quản trò cho trò chơi và hát xen kẽ với những tiết mục của các đội.

Các trưởng cũng đóng góp 2 tiết mục .

*- Trong đêm lửa trại bế mạc, Ban tổ chức cảm ơn các đoàn thể và cá nhân đã bỏ công sức góp phần sự thành công của trại. Đặt biệt BTC cảm ơn và phát tờ cảm tạ đến Ban Ẩm Thực TT Seattle và nhiều cá nhân khác.

*- Đại diện các địa phương như: CTS Nguyễn Văn Sành

(Seattle), CTS Đào Minh Ánh (San Jose), CTS Lê Minh Hoàng (Portland) . . . lên phát biểu, chúc mừng sự thành công của trại và nhận bằng cảm tạ.

*- Sau buổi bế mạc là phần văn nghệ bỏ túi do các trưởng và các em phụ trách.

*- Sang ngày Chúa Nhật, một số đồng đạo và các em còn ở lại tham dự đàn cúng Ngộ thời nơi Thánh Thất Seattle, trong dịp này Khoá trưởng Ngô Thiện Đức một lần nữa tỏ lời cảm ơn Đồng Đạo Thánh Thất Seattle đã hết mình ủng hộ các em để Trại hè thành công tốt đẹp.

*- Nhìn chung kỳ trại này đã thành công mỹ mãn. Ngoài các kiến thức chuyên môn, các em còn tập sống trong khuôn khổ tinh thần trách nhiệm tập thể, tinh thần tháo vát và làm việc vui chơi đúng giờ giấc quy định, . . .

*- Để kết thúc chúng tôi xin được mượn lời của một em trưởng đã tham dự và phát biểu như sau:

“Trại Tiến Bước II đã thành công mỹ mãn. Các em sau 3 ngày trại được các người lớn ủng hộ hết mình, được ban ẩm thực Thánh Thất Seattle cho ăn no và ngon. Các huynh trưởng hăng hái vui vẻ truyền đạt những kinh nghiệm cho các em. Riêng các em rất thích thú vì được vui chơi, học hỏi, làm quen với các bạn mới đến khi chia tay ai cũng quyến luyến không muốn về. Khi ra về nô nức hẹn gặp lại nhau vào kỳ trại kế.

Điều thành công và quan trọng nhất là sau khi đi trại về các em thích thú và chờ đợi mong được đi tham dự kỳ trại kế. . .”

***Quang Thông tường trình từ Seattle.**

Truyện ngắn
Vợ Hiền
Tràm Cà Mau

1.

Vợ tôi không phải là một người đàn bà có nhan sắc khuynh nước đổ thành. Bởi tôi, vốn tài mạo tầm thường và cũng không có nhiều may mắn bất ngờ để lọt mắt xanh những cô có nhan sắc chim sa cá lặn. Vả lại tôi cũng thường nghe bố tôi tuyên truyền nhồi nhét trong cái đầu từ nhỏ rằng, đẹp đến mấy rồi cũng trở thành méo mó xấu xí, và vợ đẹp là vợ người ta. Vợ tôi cũng không có tài ba xuất chúng, bởi tôi vốn nể sợ và có thành kiến với những người đàn bà tài giỏi, vì họ thường kiêu ngạo và hay thành độc tài vợ trị. Độc tài đảng trị thì có thể bỏ nước chạy ra biển chết, chứ độc tài vợ trị thì không chạy đâu cho thoát cả!

Vợ tôi chỉ là một người đàn bà trung bình trên tất cả mọi mặt. Với một vóc dáng tầm thường bên ngoài, không vêu vào xấu xí khó nhìn. Bên trong nàng mang một tấm lòng hiền hậu, bao dung, biết hành xử khôn ngoan khéo léo, để đem lại cho gia đình hạnh phúc êm ấm lâu bền mà tôi vô cùng biết ơn mỗi khi nghĩ đến.

Trong nhiều năm chung sống, chưa bao giờ nàng nặng lời với tôi, chưa bao giờ có cử chỉ hay ngôn ngữ thiếu lịch sự, cũng chưa lần khóc lóc giận hờn đòi hỏi điều này điều kia, hoặc đặt điều kiện làm khó, hay so đo chuyện nhà với gia đình người khác.

Ngoài tình cảm thấm thiết chia sẻ của vợ chồng, nàng âu yếm như một người tình, khoan dung rộng lượng như một người mẹ và hiểu biết như một người tri kỷ.

2.

Năm tôi hai mươi tám tuổi, mẹ tôi nóng ruột thúc hối ép tôi lập gia đình. Bà đưa cái công thức cổ xưa của mấy ông Tàu bày ra là “tam thập nhi lập”. Tôi cũng chưa đến ba mươi, mẹ tôi cứ gán đạ thêm cho hai tuổi để dễ bề ép uống. Tuổi đó, thích được quen nhiều bạn gái, bạn thoi thì được, nhưng nghe đến chuyện hôn nhân là xanh mặt. Vì qua kinh nghiệm bạn bè, kinh nghiệm giao tiếp trong sở, tôi thấy đa số mấy anh có vợ rồi thì dường như bị khẹp chặt trong cái vòng “chuyên chính” của bà vợ nhà! Cái vòng tuy lỏng lẻo và êm ái, nhưng bằng sắt, rất chặt và siết cứng. Một anh bạn thân, lâu lâu giận vợ, đến nhà tôi ở lại, nằm rũ ra trên giường như đồng mền rách rầu rỉ nói với tôi:

- Tao chỉ mong có được một ngày an bình, sung sướng như mày, một ngày thoi cũng đủ.

Nghe thế thì không sợ sao được? Trong sở tôi có mấy anh bạn bị vợ cào rách mặt và phải lấy cớ là dao cạo râu cắt. Ai cũng biết chuyện gì đã xảy ra, vì mặt mày các anh lảng lẫ, trợn tru, có sợi râu nào đâu mà phải cạo cho dao cắt! Một ông lớn tuổi khác, vợ vào tận sở xé áo và kêu bằng mày tao, còn tố cáo ông mang bằng kỹ sư giả bên Pháp về. Nhan nhản những tấm gương gia đình u ám trước mắt như vậy, thì chỉ có ngu quá hoặc liều mạng mới không sợ mà thoi.

Tôi khát lần mãi không được, phải bển lển theo mẹ, đi ra mắt, và xem mặt nhiều cô con gái các gia đình mà bà quen biết. Tôi theo lời dạy của một anh quân sư quạt mo, cứ mang bộ mặt đưa ma đến nhà người ta và ăn nói nhát gừng cộc lốc, thì không ai muốn gả con gái cho, và các cô thấy vậy thì cũng ớn lạnh mà dạt ra. Thế mà cũng có nhiều nhà khen tôi hiền lành, muốn gả con gái cho. Tôi tìm đủ lý do nói riêng với mẹ để chê bai từ khước. Cô thì chê mặt dài, cô thì chê mũi lớn, cô khác chê mắt

có đuôi, cô thì mồm như có râu. Toàn cả những lý do vu vơ. Mẹ tôi phiền muộn thở dài, vì biết con trai bà cũng chẳng có sự nghiệp gì sáng giá, chẳng có một phong cách đặc biệt nào, mà đòi hỏi quá đáng chẳng?

3.

Không nỡ để mẹ buồn, tôi đem Lam, người bạn gái thân thiết nhất về giới thiệu với mẹ, bà vui vẻ chịu ngay. Bà khen Lam láu lỉnh, bật thiệp và xinh đẹp.

Mẹ tôi đến thăm xá giao nhà Lam hai lần để dò xét gia thế, và quyết liệt chống đối cuộc hôn nhân, lấy lý do là mẹ Lam dữ dằn và có cách cư xử thiếu lễ độ với chồng. Tôi nói:

- Con cưới Lam chứ cưới bà ấy đâu mà mẹ sợ?

Mẹ tôi nhất quyết tin rằng, mẹ hổ thì khó sinh được con cừ. Vì cách đối xử của cha mẹ, ảnh hưởng đến tính tình con cái. Cha mẹ dữ dằn, con cái khó mà hiền lành được, vì ngày ngày học cách ăn nói, cách đối xử, tiêm nhiễm những thói quen của cha mẹ, và đem ra xử sự với đời, mà không biết đó là xấu. Tôi cố bào chữa cho Lam, nhưng mẹ tôi đã nhất quyết, không lay chuyển được. Bà nói:

- Mẹ thương con, mẹ không muốn sau này con khổ vì đời sống gia đình thiếu hạnh phúc. Vì không có gì khổ bằng có vợ dữ dằn, hỗn láo, có thể làm người chồng buồn phiền sinh ra rượu chè, cờ bạc, trai gái hư hỏng. Mẹ thương con, lo cho tương lai con nên mẹ không chịu.

Tôi định nói với mẹ rằng, con trai của mẹ cũng chẳng hiền lành chi, mà chê thiên hạ. Nhưng sợ mẹ buồn nên im lặng. Mẹ của Lam biết được ý kiến của mẹ tôi, nổi tự ái, nói nhiều lời tàn nhẫn, tổn thương đến gia đình tôi, và tuyên bố không bao giờ gả Lam cho tôi.

Khi bị tắc trở, ngăn cấm thì tình yêu càng thêm tha thiết bốc

lửa, và hai đứa tôi càng quyết vượt qua hàng rào ngăn cản của gia đình. Muốn sống cho nhau, và sống chết vì tình yêu.

Một lần chịu ý mẹ, tôi miễn cưỡng đi xem mặt một cô mà mẹ tôi gọi là gia đình phúc hậu đảng hoàng. Tôi chẳng tha thiết gì, chỉ giữ đủ lịch sự tôi thiếu để cho mẹ khỏi mất mặt.

Lần đó Lam biết được, nàng giận dữ sỉ vả tôi:

- Anh là một thằng đểu cáng, xấu xa đê tiện, một kẻ hèn nhát núp váy mẹ, không dám làm gì cả. Anh không xứng đáng với tình yêu của tôi.

Tôi nghe mà bàng hoàng, như bị sét đánh. Hai đứa giận nhau. Tôi chợt nhớ tới lời nhận xét của mẹ, và thấy bà cũng có lý phần nào. Nhưng tim tôi vẫn nát tan xót xa vì chuyện tình đổ vỡ. Ngay sau đó, Lam có người yêu mới là Tuân. Tuân cũng là trong đám bạn bè quen biết lâu dài với tôi, tính tình Tuân hiền lành, chịu đựng, và Tuân đã bền bỉ theo đuổi Lam từ lâu. Nửa năm sau, tôi đi dự đám cưới Tuân, Lam với trái tim vỡ nát, nhưng cũng vui mừng vì Lam lấy được chồng hiền lành và đảng hoàng, có thể bảo đảm đời sống tinh thần vật chất cho gia đình sau này. Tôi thật tình nghĩ rằng, tôi không bằng được Tuân về nhiều mặt. Lam bỏ tôi là phải.

4.

Mẹ tôi làm như lấy vợ cho bà, cứ khóc lóc thúc giục mãi. Tôi tâm sự với một người bạn cũ. Anh cười và nói:

- Hay là cậu thử tìm hiểu Mai, em gái tôi xem sao. Nó cũng sẵn có cảm tình với cậu đó. Mai hiền lành lắm.

Được bạn khuyến khích, tôi bắt đầu tìm hiểu Mai. Nàng không đẹp, không xấu, chăm chỉ, hiền lành. Trước đây, đến nhà bạn chơi, tôi chỉ thấy Mai thấp thoáng đâu đó sau bàn học, hoặc lảng lảng rút lui sau khi cúi đầu chào lễ phép. Dẫn Mai đi chơi, tôi không tìm hiểu được chi nhiều về Mai, vì nàng quá thụ

động, khi nào cũng nhẹ nhàng chịu đựng, ít đưa ý kiến riêng. Khi hỏi ý, nàng thường bảo:

- Dạ, anh cho em đi đâu cũng thích cả, anh vui thì em cũng vui. Tôi đem nhận xét về cái hiền lành của Mai nói với một người bạn. Anh cười hô hố và nói:

- Trời ơi, khi mới quen thì em nào mà không hiền lành như thánh mẫu, dịu dàng như tiên cô. Khi cưới về thì cái đuôi dài thông mới lòi ra, và dữ như chằng tinh. Em nào cũng vậy cả. Tôi hỏi thẳng anh của Mai, anh trả lời:

- Con nhỏ hiền lành, biết nhường nhịn và rất dịu dàng. Cậu có phước lắm mới gặp nó. Không phải vì nó là em gái mà tôi khen đâu.

Mẹ tôi đến thăm gia đình Mai nhiều lần, khen mẹ của Mai phúc hậu, hiền lành, cư xử lịch sự, phải phép với chồng. Bà nghĩ rằng, nhất định Mai cũng học được nề nếp gia đình của mẹ, không nhiều thì ít. Bà thúc tôi làm đám cưới ngay. Tôi xin hoãn một thời gian để tìm hiểu thêm, mẹ không chịu và bảo:

- Lấy vợ thì lấy liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha.

Tôi nói rằng, nếu nghe được lời dèm pha đúng, thì cũng là điều tốt, mình khỏi phải xét đoán lắm người. Mẹ tôi lại giảng cho tôi rằng, chín mươi phần trăm cách cư xử của con cái là do ảnh hưởng sinh hoạt tốt xấu của cha mẹ. Cha mẹ gieo vào đầu con cái thứ tư tưởng nào, thì nó sẽ hành động theo lối đó. Thương mẹ, tôi tạm quên kinh nghiệm ghê gớm trong đời sống gia đình của bạn bè và đồng sự, liêu thân lấy vợ cho mẹ vui lòng. Có một ông bạn bảo rằng, lại thêm một thằng đàn ông ngu muội đi vào vết xe đổ nghìn năm của nhân loại.

5.

Tôi cưới Mai, nàng như cái bóng dịu hiền bên tôi. Tôi thấy mình tan loãng vào tình yêu êm đềm, và chợt nhận ra đời sống

gia đình êm ái, thoải mái và hạnh phúc hơn nhiều lần đời sống độc thân. Không thấy gò bó tù túng trong dây ràng buộc của gia đình như nhiều người thường bảo. Mai lo lắng cho tôi những thứ cần thiết lật vật trong cuộc sống bình thường, bỏ khuyết cho tôi những thiếu sót, dịu dàng an ủi tôi những khi lo buồn. Tôi nói với vợ:

- Anh ngu quá, biết lấy vợ mà sung sướng hạnh phúc như thế này, thì đâu để độc thân đến gần ba mươi tuổi. Ưổng thật.

Những khi chúng tôi có ý kiến trái ngược, Mai dịu dàng phân tích thiệt hơn cho tôi nghe, rồi để cho tôi quyết định. Sau khi quyết định xong, dù có trái ý nàng, Mai cũng vui vẻ cố gắng giúp tôi hoàn thành công việc. Không như các bà khác, những lúc chồng làm trái ý, thì các bà mong cho ông chồng thất bại để chứng tỏ ý kiến của bà là đúng, là hay. Mai thường nói:

- Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn. Nếu ai cũng khăng khăng giữ ý của mình, thì chẳng làm nên được việc gì cả.

Cũng có khi quyết định của tôi sai lầm, đưa đến kết quả không tốt. Những lúc này, Mai thường hết lời dịu dàng an ủi tôi, và cho rằng tôi không có lỗi gì cả, vì ai cũng có thể sai lầm, và Mai cho rằng nàng cũng có phần lỗi, vì chưa tận tình giúp tôi đầy đủ ý kiến để làm quyết định. Từ đó, tôi cảm thấy mình phải lắng nghe ý kiến của vợ nhiều hơn.

Tôi nghĩ, nếu những lúc này mà Mai dằn vặt, nặng nề buộc tội tôi, thì chưa chắc tôi đã thấy mình lầm lỗi. Mai không như một số đàn bà khác, đúng hay sai cũng đổ lỗi cho chồng, và những khi chồng thất bại trong đời, là cái dịp cho các bà chê bai, mai mỉa, nói những lời tàn nhẫn.

Ngoài xã hội, có những lúc tôi vô tình hoặc thiếu may mắn, gây nên những sai lầm với người khác, Mai tự đứng ra, gánh vác hết trách nhiệm thay tôi. Tự ái đàn ông, đâu cho phép tôi để vợ gánh vác trách nhiệm thay mình. Tôi thấy thương và quý vợ

nhiều hơn. Mai bảo:

- Chuyện nhỏ, để em gánh vác giúp, anh để tâm trí làm những việc khác ích lợi hơn.

Tôi trầm nghĩ, tôi thì làm chi có việc lớn mà gánh vác.

6.

Những năm mới lấy nhau, tài chánh gia đình khó khăn, đắp trước bù sau hàng tháng. Áo quần đơn sơ, ăn uống dè xẻn. Thế mà Mai bao giờ cũng vui vẻ, chưa bao giờ nghe Mai than thở hoặc so sánh với các bạn bè khác. Nàng thường nói:

- Chúng ta nghèo vật chất, nhưng giàu hạnh phúc, tinh thần thanh sạch, thế là đủ. Đời sống biết đủ là đủ.

Chính vì Mai không than thở, nên tôi thấy mình có trách nhiệm nhiều hơn về tài chánh gia đình. Buổi chiều về, tôi đi dạy thêm cho các lớp đêm. Ngày nghỉ, tôi mở lớp dạy kèm luyện thi cho từng nhóm nhỏ. Tài chánh gia đình nhờ đó mà dồi dào hơn, có thêm tiền, nhưng Mai không vui, mà chỉ lo cho tôi thiếu sức khỏe sinh bệnh hoạn.

Năm đó, tôi không chịu theo bè cánh với nhóm tham nhũng, chúng đày tôi về một tỉnh nhỏ xa xôi. Tôi buồn phiền lắm. Không đi thì không được, đi thì bỏ hết công chuyện làm ăn riêng tư. Mai khuyên tôi nhẫn nhịn, và gắng tìm vui trong hoàn cảnh mới. Khi chúng tôi về tỉnh nhỏ, Mai thường an ủi và nâng đỡ tinh thần tôi, đặt mua các thứ sách báo tôi thích, để giải trí và quên đi phần nào nỗi buồn nơi tỉnh nhỏ. Mai xin được việc ở một nhà dạy trẻ, để phụ thêm kinh tế gia đình....

Khi chạy vội về Sài Gòn vào năm 1975, chúng tôi mất tất cả, trở thành trắng tay. Tôi lo lắng và muộn phiền lắm, nhưng nhờ thái độ trầm tĩnh và chịu đựng của Mai mà tôi bớt bối rối. Trước ngày miền Nam sụp đổ, chúng tôi bàn nhau là nên ở hay đi. Ý Mai thì nên đi để bảo toàn tính mạng cho gia đình, khi yên ổn

thì quay trở về cũng chẳng mất mát gì. Phần tôi thì vì yêu mến quê hương một cách lãng mạn, quyết ở lại, muốn cùng chia sẻ khổ đau, sống chết cùng quê hương. Chủ nghĩa đối với tôi không quan trọng, tôi nghĩ chính thể nào cũng thế thôi, cũng cùng là người Việt, cùng giòng giống tổ tiên, thì việc gì mà phải bỏ chạy? Tôi đã lầm to. Thảm họa trùm xuống khắp miền Nam. Đau khổ, lao tù, đói lạnh, đè nén, áp bức. Tôi cũng ôm gói đi tù như mọi bạn bè, Trong tù, tôi vô cùng ân hận về quyết định sai lầm, để thân xác mình bị tù đầy, để vợ con bơ vơ, đau khổ, đói rách, không vốn liếng, không tài sản. Ba tháng sau khi tôi đi tù, Mai thấy chồng chưa được thả về, đã xoay sở rất mau. Nàng mua áo quần cũ, cắt ra may thành áo quần trẻ em đem bỏ mối tại các chợ trời hè phố. Đêm nào cũng may đến mười hai giờ khuya. Một mình nuôi chồng tù tội, nuôi con thơ dại, ngược xuôi trong cuộc đời. Những năm tháng nằm tù, có nhiều thì giờ suy nghĩ, tôi mới sâu sắc nhận ra mình mang ơn vợ quá nhiều. Tình cảm nàng dành cho tôi tràn đầy dịu dàng, bao dung, âu yếm và hy sinh. Tôi biết mình là kẻ có phước được vợ hiền....

7.

Khi tôi được ra tù, thể xác tiêu tụy, tinh thần suy nhược, đời sống bất ổn, bị đe dọa thường trực. Hàng tuần bị tên công an khu vực đến thúc giục đuổi đi về vùng kinh tế mới, và nói lời hăm dọa. Tôi nản lòng bàn với Mai để dọn về vùng kinh tế mới cho yên thân. Nàng đã khôn ngoan giải thích rằng, bằng mọi giá phải bám vào thành phố, để sống còn và để bớt bị độc tài áp bức, bớt khổ khổ vì cái u mê của chế độ hành hạ. Nàng thường khuyên tôi:

- Mình hãy xem cuộc đời này như một trò chơi không vui, đừng quá quan tâm đến những gì xảy ra cho mình, cho thiên hạ chung quanh. Những đau khổ mà mình đang chịu đựng cũng là một

thứ thử thách, làm cho mình lớn thêm lên, trưởng thành hơn, và cứ vui với những gì nhỏ nhoi nhất có thể có trong thời gian này. Không xấu xa nào có thể tồn tại mãi mãi được, ánh sáng tương lai sẽ có ngày chiếu rọi trên quê hương.

Mai đã an ủi, khuyên nhủ và dịu dàng dắt tôi đi qua quãng đời đau khổ trong chế độ lạ lùng vô nhân kỳ quái này. Chúng tôi bữa đói bữa no dắt nhau đi trong đời sống mật mù của xã hội chủ nghĩa trá hình.

Khi tôi ngỏ ý tham gia một tổ chức phục quốc chống lại chính quyền cộng sản trong thành phố, thì Mai đồng ý ngay. Nàng nói:

- Chúng ta đã vất vả đầu hàng, chỉ mong được bình yên sống và góp phần xây dựng lại quê hương.

Nhưng kẻ chiến thắng đọa đày nhân dân xuống vực thẳm. Không cho ai yên sống. Chính họ đã buộc chúng ta đứng dậy, cầm lại súng. Việc đáng làm thì phải làm. Nếu ai cũng trốn tránh cả, thì đau khổ này biết bao giờ dứt được? Nhưng phải thận trọng để khỏi phí thân làm việc dã tràng.

Cùng với bạn bè cũ mới, chúng tôi tổ chức mua súng, liên lạc với các nhóm kháng chiến khác. Ra một tờ báo bí mật chuyển tay. Mai đã ngược xuôi giúp đỡ chúng tôi, mang tin tức, chuyển vận hàng hóa. Chúng tôi mơ mộng một ngày ánh sáng tự do chiếu rọi trên quê hương, trở lại đời sống không áp bức kẹp kềm.

Một vài người trong nhóm bất cẩn, tổ chức bị đổ bể, đa số anh em bị bắt. Tôi chạy thoát được với cái áo có nhiều lỗ đạn bắn thủng bên hông. Mai nhờ người nhắn tôi bình tĩnh chờ nàng sắp đặt.

Nàng vay mượn và bán hết đồ đạc trong nhà, đóng tiền cho tôi bí mật vượt biên...Phút cuối chủ thuyền cho vợ con tôi cùng đi với lời hứa trả tiền sau. Tôi cảm ơn Trời Phật đã xui khiến cho

chúng tôi còn có bên nhau trong đời.

Trên biển đói khát Mai nhường phần ăn uống cho con, cho chồng, với lý do là tôi cần sống hơn nàng, tôi có thể làm được nhiều việc ích lợi hơn. Nhưng theo ý tôi, thì chính Mai mới xứng đáng để sống sót vì đời sống nàng có nhiều ý nghĩa, tốt đẹp hơn.

Những ngày khó khăn nặng chấy cực khổ tại trại tỵ nạn, nàng dành lấy hết tất cả việc vất vả như lãnh thức ăn, xách nước, nấu nướng, chăm sóc con cái, để cho tôi có thì giờ tham gia tiếp tay phụ giúp các công tác chung trong trại. Mai dặn tôi tránh xa những nơi có tranh giành, có chút quyền lợi, chỉ kê vai gánh vác những việc có ích chung mà không ai làm. Với khuyến khích và an ủi của vợ, tôi làm được nhiều việc hữu ích cho cộng đồng. Trong lúc đó, một vài anh bạn tôi, tham gia việc cộng đồng mà như làm việc quốc cấm, bị vợ cản nhắc, ngăn cản, mỉa mai rằng việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Nhiều người than vãn về những thiếu thốn, khó khăn, cực khổ trong trại tỵ nạn. Mai thì khi nào cũng vui vẻ, lạc quan, và cho rằng tương lai được sống đời tự do đang rõ ràng trước mắt. Những thiếu thốn khó khăn trong trại tỵ nạn là đương nhiên. Ở đây cũng còn sung sướng hơn những ngày tháng sống với chế độ công sản u ám, bất trắc, chèn ép, sợ hãi. Những khi con tôi chê cơm, Mai nhắc nhở cho chúng những ngày khoai sắn qua bữa, những ngày đói khát trên biển khơi, thì chúng vội vàng ăn ngon lành những chén cơm trong trại tỵ nạn.

8.

Chúng tôi đến Mỹ vào mùa Đông, tuyết phủ ngút ngàn, trắng xóa cả đất trời. Chưa biết có thể làm gì để nuôi sống gia đình trong miền đất mới, nhưng nhờ trợ cấp xã hội trong thời gian đầu, đắp đổi tạm sống qua ngày. Dù không dư giả, tiền trợ cấp

xã hội được Mai chia ra làm ba phần: hai phần ba nuôi sống gia đình với chi tiêu dè xẻn tiện tặn, một phần ba gửi về giúp những bạn bè đang đói khổ khắc khoải trong lao tù, trong các vùng kinh tế mới....

Hai vợ chồng dắt nhau đi tìm việc, và không nản lòng. Tôi tìm được một chân rửa chén bát tại khách sạn Holiday Inn. Mai tìm được một chân làm bánh ngọt Donut. Chúng tôi tự túc được rồi, và từ đó mà tiến lên, tôi tìm được công việc khác trong hãng tiện có đồng lương khá hơn.

Chúng tôi bắt liên lạc với bạn bè xa gần, và ao ước được đóng góp phần nào vào nỗ lực làm với khổ trên quê nhà. Thư của bạn bè hồi âm với lời lẽ bi quan, nhiều người khuyên tạm quên chuyện quê hương đi, mà lo cho đời sống bản thân và gia đình trước đã...

Nhiều đêm Mai thì thầm:

- Chúng ta có yên lòng hưởng hạnh phúc, tự do khi cả quê hương đang chìm đắm trong khổ đau? Chúng ta có quên được bao nhiêu người đang kỳ vọng chúng ta nơi quê nhà? Liệu chúng ta có làm được gì không hay chỉ mãi mê lo cho đời sống riêng tư ? ...

Chưa bao giờ tôi nghe Mai phàn nàn, sanh nạnh với tôi về công việc trong nhà.

Chưa bao giờ nàng lên giọng sai bảo tôi hút bụi, quét nhà, rửa chén bát. Nếu rảnh, thì tôi làm, nếu tôi bận xem những trận thể thao hấp dẫn, thì thôi. Nhiều lúc Mai không cho tôi rửa chén bát, giành lấy mà làm, vì những lúc đó nàng rảnh rang.

Chúng tôi cùng làm việc nhà trong tinh thần chia sẻ, không phải trong trách nhiệm phân chia việc nào chồng làm, việc nào vợ làm. Mai chưa bao giờ tranh hơn thua với chồng. Nàng quan niệm rằng, vợ chồng không cần tranh hơn thua nhau, hơn chồng cũng không được gì mà chỉ tổ tình yêu bị tổn thương.. Chưa bao

giờ Mai lớn tiếng hay khăng khăng quyết đoán việc gì. Khi nào cũng dụi dằng thảo luận và sẵn sàng chờ lúc thuận tiện để thuyết phục thêm. Tôi đã nghe thấy vợ nhiều người bạn, sẵn sàng xẵng tiếng với chồng, mở miệng ra là nói nặng lời, nói điều chua chát khó nghe, và tôi biết mình may mắn có vợ hiền.

Những lúc tôi gặp khó khăn ngoài xã hội, mang bực bội và cái không vui về nhà, Mai thường khuyên tôi rằng:

- Mục tiêu tối thượng của đời người là đi tìm hạnh phúc. Đi làm kiếm tiền cũng chỉ để mua hạnh phúc. Hạnh phúc đích thực của cuộc sống là gia đình vui vẻ, ấm êm và dễ chịu. Không tội chi đem cái khó khăn bực bội của bên ngoài về nhà cho mất vui, mà phí phạm ngày tháng yên ấm của gia đình. Dù giàu sang danh vọng đến mấy, mà gia đình thiếu hạnh phúc thì đời không còn ý nghĩa gì.

Thế là tôi tìm được nguồn vui và yên tĩnh tâm hồn...

9.

Nhiều khi nằm bên nhau, tôi hỏi Mai:

- Sao hơn mười mấy năm sống bên nhau, chưa bao giờ em làm cho anh buồn lòng, chưa bao giờ em làm cho anh phải nổi giận. Em có khi nào buồn giận anh không?

Nàng nói:

- Sách dạy cho em biết rằng, người cho thì được nhiều hạnh phúc hơn người nhận. Không cầu thì sẽ được, không đòi thì sẽ có. Biết vui với cái tương đối mà mình đang có, thì trở thành kẻ sung sướng nhất trong đời. Cho đi tình thương chân thành, thì được nhận lại bằng tình thương. Nhiều người đàn bà đòi hỏi ở chồng quá đáng, ngoài khả năng của chồng. Bao nhiêu cũng không thỏa mãn cả. Họ không nhìn thấy sự hy sinh của người khác, mà chỉ cố bươi móc lỗi lầm của con của chồng để mà

trách móc, giận hờn. Làm thế không có lợi gì cả, mà chỉ là cách phá hoại hạnh phúc gia đình hữu hiệu nhất.

Tôi thành thực mà nói rằng đã học được rất nhiều điều tốt của vợ tôi. Nàng càng dịu dàng, càng thu mình nhỏ lại, thì tôi càng thương yêu trang trải bù đắp cho vợ nhiều hơn. Mỗi khi đi làm về, thấy nét mặt tươi vui hân hoan của vợ, thì bao nhiêu mệt nhọc bực bội trong ngày đều tiêu tan.

Khi tôi phạm phải lỗi lầm, hành động sai quấy, vợ tôi thường an ủi rằng, mình là con người chứ đâu phải là thần thánh chi, mà không có sai lầm. Đừng buồn, cái thiệt hại này cũng là bài học tốt về sau. Những an ủi, khuyến khích tinh thần của vợ, làm cho đời sống tôi nhẹ nhàng, êm ái, thư giãn, không bị dồn ép, không bị áp lực cuộc sống, không có căng thẳng gia đình như nhiều bạn bè khác.

Trên bước đường tha hương, một lần vợ chồng Tuân-Lam ghé thăm chúng tôi. Tuân là bạn cũ, Lam là người xưa. Vợ tôi biết rõ mối tình cũ giữa tôi và Lam, nhưng nàng tin chồng, và rất lịch sự, vồn vã đón tiếp họ hết lòng. Có lẽ Mai cũng biết chuyện xưa của chúng tôi đã nguội lạnh từ lâu, chẳng ai còn tiếc thương chi. Tuân vẫn hiền lành phúc hậu như xưa, nét mặt chịu đựng. Đêm khuya tôi vắng nghe tiếng Lam đay nghiến dần vật chông ở phòng bên cạnh, nói những lời thiếu lễ độ. Về sau, mỗi lần nghĩ đến Lam, lòng tôi phờ phới, vì may mắn, cuộc đời không phải gắn liền với một người đàn bà như Lam. Tôi biết ơn mẹ nhiều hơn. Kinh nghiệm sống của mẹ đã giúp cho cuộc đời tôi có hạnh phúc hơn. Và tôi biết thương yêu, nể trọng vợ hơn nhiều.

10.

Một chị bạn gia đình không được hạnh phúc, hỏi vợ tôi bí quyết để được chồng thương yêu nể nang. Mai cười mà nói:

- Không có bí quyết nào cả. Chỉ có câu chuyện sau đây, tôi thuộc nằm lòng từ thời còn đi học. Chuyện ở trong sách tập đọc của Pháp. Rằng:

- Có một anh nông dân đem bò ra chợ tỉnh bán. Suốt ngày không bán được phải dẫn bò về. Đường xa mệt nhọc, con bò trở chứng không chịu đi. Có người gạ đổi con bò lấy con ngựa hồng tung tăng. Anh tưởng được ngựa sẽ thông thả dong cương ra về, nhưng con ngựa lạ chủ không chịu cho anh cưỡi và cũng trì kéo dằng dai. Một người khác dẫn con heo nái ngoan ngoãn đi qua, gạ đổi heo lấy ngựa, anh đổi liền.

Đường xa mệt nhọc, con heo cũng nằm ì không chịu đi, bí quá, anh đổi heo lấy một con dê nái. Con dê càng cứng đầu khủng khiếp, anh vật lộn với dê phờ phạc.

Đêm đã tối mịt mù, một hành khách đề nghị đổi dê lấy một con gà trống lớn. Vừa đói, vừa khát, vừa mệt, anh ôm con gà vào quán đổi lấy bữa cơm. Thế là một bữa ăn trả giá bằng một con bò. Ăn xong, anh nông phu thông thả ra về, vừa đi vừa ca hát khỏe khoắn.

Khi về đầu làng, có bạn quen hỏi đi đâu mà về khuya thế. Anh kể chuyện đi bán bò, và đổi con gà lấy bữa cơm. Người bạn hết hồn, khuyên anh khoan về nhà, mà bà vợ nổi cơn tam bành lên, không khéo vợ chồng xô xát gây ra án mạng. Anh nông dân bảo rằng, chắc vợ anh cũng thấy việc làm của anh là có lý. Người bạn ức quá, đánh cá một con bò, nếu chị vợ mà không gây gỗ, thì anh nông dân sẽ được một con bò, còn ngược lại, phải mất lại một con bò khác. Người bạn đi theo núp bên ngoài nghe cuộc đối thoại của vợ chồng anh nông dân. Chị vợ hỏi anh, đã ăn gì chưa, đi đường có mệt lắm không, bò bán có được giá không? Anh đáp rằng đã ăn rồi, con bò không bán được mà trên đường về nó không chịu đi nên đã đổi con bò lấy con ngựa rồi. Chị vợ nói rằng, có con ngựa cũng tốt, nó sẽ kéo xe, giúp mình di chuyển mau chóng hơn. Anh chồng cho biết con

ngựa không chịu cho anh cưỡi nên đã đổi lấy con heo nái. Chị vợ cũng tán thành ngay và còn dự trù con heo mùa sau sẽ sinh ra một bầy heo khác, rất có lợi. Anh chồng cho biết thêm, con heo cũng trở chứng không chịu đi nên đổi lấy một con dê cái. Chị vợ tiếp liền, là con dê cũng rất có lợi, từ nay mỗi sáng gia đình sẽ có sữa dê mà uống. Anh chồng lắc đầu và cho biết đã đổi con dê ương ngạnh lấy con gà trống lớn. Chị vợ anh nông phu tiếp rằng, có con gà cũng tốt, mỗi sáng nghe nó gáy cũng vui tai. Anh chồng bảo là buổi sáng ra đi không đem tiền theo, đói quá, đã vào quán đổi con gà lấy bữa cơm.

Nghe xong, chị vợ anh nông phu đến quàng hai tay, ôm vai chồng và nói rằng, anh làm như thế là phải. Lấy của che thân, chứ đừng lấy thân che của. Đi cả ngày mệt nhọc đói khát, không ăn chịu sao nổi. Em đã để sẵn khăn, múc sẵn nước, anh đi tắm cho khỏe.”

Mai kết luận rằng: “Muốn được chồng thương cũng rất dễ, đừng bao giờ tranh hơn thua với chồng, việc gì đã lỡ, thì cho qua luôn, vui vẻ chấp nhận, và dịu dàng, nhường nhịn chồng là yếu tố căn bản để được chồng thương”.

11.

Ngoài song thân ra, người tôi biết ơn nhiều nhất là vợ tôi. Đời sống tôi có ý nghĩa hơn, sung sướng hơn, hạnh phúc hơn nhờ vợ khôn ngoan dịu dàng. Nhiều đêm thức giấc tôi nhẹ hôn lên mắt vợ, thầm so sánh tấm lòng hiền chân của vợ với trái tim của một vị nữ thánh. Phần nàng, thì luôn luôn: “Em chỉ muốn làm cái bóng nhỏ và âm thầm bên đời anh thôi”. Mai chưa hề đọc thánh kinh, nhưng nàng đã biết chọn chỗ ngồi thấp nhất để được nâng lên cao nhất trong lòng chồng con.

Tràm Cà Mau

Amour et Justice
Tình thương & Công Chính
HT. Lê Văn Thêm

(Tiếp theo TSTĐ 55 và 56)

Tình thương này thoát tiên là sự biểu hiện luyến ái giữa nam và nữ, thế nhưng bản chất thật sự và mục đích tối hậu lại là cứu độ quần sinh, độ tận vạn linh, đưa nhân sanh đi đến con đường siêu thắng và giải thoát.

Đây là tình thương vị kỷ mà cũng là vị tha. Phải nói vị kỷ vì đây là trạng thái tình thương phát nguồn từ luyến ái do nhu cầu của sức sống vươn lên (élan vital) như nói theo triết gia Henri Bergson, để nhằm đạt đến mục tiêu không gì khác hơn là bản năng sinh tồn (instinct de conservation) và nối dõi giống dòng (procréation).

Được gọi là vị tha vì tình thương này không phải chủ yếu chỉ nhắm đến sự bình ổn nhu cầu của cơ thể, mà mục đích cao đẹp, cao quý, cao xa, cao cả hơn đó là thăng hoa (transcend) niềm hạnh phúc vô thường thành mối hạnh phúc chân thường, qua sự gắn kết nữ nam để tự giải thoát mình và sau đó là giải thoát cho tất cả chúng sanh, mà trường hợp dễ thấy nhất và người trong cuộc điển hình nhất thì không ai khác hơn là Thái tử Tất Đạt Ta tức Đức Phật Thích Ca và công chúa Gia Du Đà La, do chính Đức Phật Thích Ca sau khi thành Đạo đã kể lại câu chuyện tiền thân mình như sau:

Phật bảo La Hầu La (Rahula) ra ngồi trước mặt Người, rồi Phật kể lại cho tất cả các con bé nghe một câu chuyện tiền thân. Phật nói:

“ Ngày xưa có một chàng trai trẻ tên là Mế Kiệt (Megha)

thông minh, đức hạnh, hiếu thuận và học giỏi. Chàng sống ở miền chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Chàng muốn đi về miền đồng bằng để học hỏi thêm. Không có tiền nhưng chàng cũng can đảm ra đi. Chàng mang theo một cái gậy, một cái nón, một bình đựng nước uống và một chiếc áo choàng.

Trên con đường về kinh đô mỗi ngày chàng ghé lại làm việc cho những nhà nông dân bên đường để được có cơm ăn, và để tiếp tục đi nữa. Có khi chàng còn được trả tiền. Khi đến thủ đô Divapati, chàng đã để dành được năm trăm đồng trong túi áo. Vào đến cửa thành, chàng thấy dân chúng đang mở hội rất vui. Chàng không biết người ta đang mở hội ăn mừng việc gì nên có ý muốn tìm người để hỏi.

Vừa lúc ấy có một cô thiếu nữ xinh đẹp, mặt mày thật sáng sủa đi ngang qua. Cô cầm trong tay một bó sen hàm tiếu. Chàng hỏi cô:

Có việc gì vui mà dân chúng mở hội thế cô?

Thiếu nữ đáp:

Chắc anh không phải là dân địa phương nên anh mới không biết hôm nay dân chúng mở hội gì. Số là hôm nay tại thủ đô Divapati có một bậc giác ngộ xuất hiện tên là Dipankara. Người là bố đấng soi đường cho tất cả chúng sanh. Ngài là con của vua Arcimat, đã đi tu và đã thành đạo. Đạo của Ngài sáng chói cả thế gian. Hôm nay để mừng Ngài, dân chúng tại đây mới mở hội.

Nghe nói có một vị giác ngộ xuất hiện trên thế gian, Mễ Kiệt rất lấy làm sung sướng. Chàng rất muốn được cúng dường Ngài, được tới làm lễ Ngài và học đạo với Ngài. Chàng hỏi thiếu nữ:

- Cô mua 7 bông sen này bao nhiêu tiền thế, thưa cô?

Thiếu nữ đưa mắt nhìn người con trai lễ phép và có dáng dấp thông minh. Nàng trả lời:

-Em chỉ mua có 5 bông thôi. Hai bông kia là của em đem theo.
Em hái hai bông ấy ở ao nhà.

Mẻ Kiệt nói:

- Vậy 5 bông kia cô mua bao nhiêu, thưa cô?

- Em mua hết năm trăm đồng.

Mẻ Kiệt khẩn khoản cầu xin thiếu nữ để lại cho anh ta 5 bông sen ấy để anh có thể có hoa đem cúng Phật Dipankara. Thiếu nữ không chịu, nàng nói:

- Em mua để cúng Phật chớ không phải để bán lại.

Mẻ Kiệt hết lòng khẩn khoản, anh nói:

- Cô cúng dường hai bông cũng được rồi mà. Xin cô vui lòng cho tôi nài lại 5 bông để tôi cũng có dịp được cúng dường bậc giác ngộ với. Thưa cô, được gặp một bậc giác ngộ trên đời là quý hóa lắm. Tôi quyết tâm đi với cô để tới gặp Ngài. Tôi muốn được học hỏi đạo lý do Ngài chỉ dạy. Nếu cô vui lòng nhường cho tôi 5 bông hoa ấy, tôi sẽ nhớ ơn cô suốt đời.

Thiếu nữ nhìn xuống đất không nói.

Mẻ Kiệt lại năn nỉ:

- Nếu cô cho tôi mua lại 5 bông hoa, tôi sẽ làm bất cứ điều gì cô sai bảo để trả ơn cô.

Thiếu nữ không dám ngẩng đầu lên. Hai người im lặng đi bên nhau rất lâu. Cuối cùng cô lên tiếng:

- Anh ơi, không biết vì duyên nợ nào từ những kiếp trước mà khi gặp anh, em đem lòng thương anh liền. Em đã gặp nhiều người con trai, nhưng chưa bao giờ trái tim của em rung động như hồi nãy khi em mới gặp anh. Em muốn tặng không cho anh năm bông sau này để anh cúng đấng giác ngộ, nếu anh hứa với em là trong kiếp này cũng như trong những kiếp khác em được làm vợ của anh, hoài hoài và mãi mãi.

Nàng nói một mạch những điều trên, và nói xong nàng thấy gần như hụt hơi.

Mế Kiệt im lặng một lát rồi nói:

- Cô là người rất dễ mến. Và cô lại là một người rất chân thật. Mới đầu gặp cô, tôi cũng thấy có cảm tình với cô ngay. Nhưng tôi là người có chí tu đạo giải thoát. Cưới vợ thì bị ràng buộc, làm sao sau này tôi có được tự do mỗi khi có dịp ra đi tìm đạo?

Thiếu nữ nói:

- Anh cứ hứa với em đi. Em xin nguyện rằng mỗi khi anh muốn ra đi tìm đạo thì em sẽ không dám tìm cách ngăn cản anh. Trái lại, em sẽ tìm cách giúp cho anh thực hiện được hoàn toàn tâm chí nguyện.

Nghe thiếu nữ nói như thế Mế Kiệt vui vẻ nhận lời.

Hai người tìm tới đức giác ngộ Dipankara. Quần chúng đông đảo đang vây quanh Người.

Thấy sắc diện của vị đạo sĩ Dipankara Mế Kiệt biết ngay đó là một bậc giác ngộ chân thực. Chàng rất sung sướng. Chàng phát nguyện phải tu học cho đến khi đạt tới quả vị giác ngộ cao tột như đức giác ngộ này. Chàng muốn tiến tới gần để dâng lên Dipankara năm bông sen. Nhưng quần chúng vòng trong vòng ngoài đang vây phủ lấy Ngài, chàng không tài nào tiến tới được. Cuối cùng chàng dùng hết sức của hai cánh tay chàng tung 5 bông sen vào cho đấng giác ngộ. Lạ thay cả 5 bông sen đều bay tới và đứng vào trong hai cánh tay Ngài. Mế Kiệt thấy thế mừng rỡ. Chàng biết là lòng thành của chàng đã cảm ứng được đấng toàn giác. Vừa lúc ấy, thiếu nữ trao cho chàng hai bông sen còn lại, ra hiệu cho chàng tung vào tiếp theo. Chàng nhận hai bông hoa và tung lên. Mầu nhiệm thay, cả hai bông hoa này cũng đều rơi đứng vào giữa tay đức giác ngộ Dipankara.

Vừa lúc ấy đấng toàn giác Dipankara lên tiếng gọi người cúng dường hoa sen đến bên cạnh người. Quần chúng hé lối cho Mẹ Kiệt đi vào. Mẹ Kiệt cầm tay thiếu nữ kéo nàng theo. Đến trước mặt Dipankara Mẹ Kiệt và thiếu nữ quỳ xuống. Đức giác ngộ Dipankara nói với Mẹ Kiệt:

“- Ta biết được tâm thành của con. Ta cũng biết rằng con có chí lớn muốn tu học để đạt tới quả vị giải thoát và cứu độ cho các loài chúng sanh. Con hãy an lòng. Ta biết con sẽ trở nên một bậc giác ngộ hoàn toàn trong tương lai.”

Rồi nhìn thiếu nữ quỳ bên Mẹ Kiệt, Ngài nói:

“ Còn con trong kiếp này và trong những kiếp tới, con sẽ là người bạn đường của Mẹ Kiệt. Con hãy nhớ lời nguyện của con, lo tác thành cho chí hướng của chồng mà không tìm cách ngăn cản chồng mỗi khi chồng ra đi tìm đạo.”

Mẹ Kiệt và thiếu nữ rất cảm xúc được nghe lời dạy bảo của bậc toàn giác. Từ đó về sau, cả hai người đều chăm chỉ tu học theo đạo lý giải thoát của đức giác ngộ Dipankara.

Các con nghe không, từ kiếp ấy về sau, trong kiếp nào chàng Mẹ Kiệt và cô thiếu nữ cũng đều gặp nhau và cũng đều trở nên vợ chồng. Và mỗi khi người con trai đến tuổi ra đi tu người con gái lại tìm cách giúp đỡ người con trai. Chẳng bao giờ nàng tìm cách ngăn cản chí nguyện của chàng. Vì vậy, chàng rất biết ơn nàng. Cho đến một kiếp nọ chàng thực hiện được ý nguyện lớn của chàng và trở thành một bậc giác ngộ sáng suốt không khác gì bậc giác ngộ Dipankara kiếp trước.

Các con nên biết tiền của và danh vọng không phải là những vật quý nhất trên đời. Tiền của và danh vọng có thể tiêu tán rất nhanh chóng. Nhưng *sự hiểu biết và lòng thương yêu mới thật sự là những gì quý nhất trên đời*. Có hai thứ ấy thì chắc chắn là con người có hạnh phúc. Chàng Mẹ Kiệt và cô thiếu nữ đã sống hạnh phúc với nhau trong nhiều đời, nhiều kiếp, đó cũng

nhờ hai người có sự hiểu biết và lòng thương yêu. Đã hiểu và đã thương thì không có gì mà ta không thực hiện được trên cõi đời này.

Da Du Đà La (Yasodhara) chấp hai tay trước ngực hướng về phía Phật. Bà rất cảm động về câu chuyện tiền thân này. Bà biết tuy Phật Thích Ca kể chuyện này cho bọn trẻ nghe nhưng Người cũng đã kể chuyện này với Bà. Phật đã nói lời cảm ơn của Phật đối với Bà một cách tế nhị. Bà cảm động đến muốn khóc. Hoàng hậu nhìn Bà. Hoàng hậu cũng hiểu lời Phật như Bà hiểu. Bà đặt một bàn tay lên vai người con dâu rồi Bà lên tiếng nói với lũ trẻ:

- Các con biết chăng, chàng Mễ Kiệt trong tiền kiếp xa xưa đó là ai không? Chính là Phật đây. Trong kiếp này chàng đã trở thành một bậc giác ngộ sáng suốt hoàn toàn. Và các con có biết cô thiếu nữ trong tiền kiếp xa xôi đó là ai không? Đó chính là lệnh bà Da Du Đà La của các con vậy. Nhờ lệnh bà có hiểu biết cho nên lệnh bà đã không ngăn cản Thái Tử Tất Đạt Ta. Thái Tử đã đi tu và đã thành đạo. Các con nên cảm ơn lệnh bà. Bọn trẻ nơi xóm nghèo đã sẵn có lòng quý mến Da Du Đà La từ lâu. Nay nghe hoàng hậu nói, chúng đều hướng về bà chấp hai tay lại trước ngực và cúi chào bà rất kính cẩn. Thấy cảnh tượng ấy Phật rất vui. Người đứng dậy và cùng các đại đức Ca Lưu Đà Di (Kaludayi) và Nagasamala trở về tu viện.”¹

x

x x

Câu chuyện tiền thân của Đức Phật Thích Ca tự kể với các em bé tại xóm nghèo có cây hồng táo, nơi mà trước kia Phật đã

1- Theo gót chân Phật - Đường Xưa Mây Trắng - Thích Nhất Hạnh - NXB Lá Bối- USA- 1999 Trang 222-228, căn cứ vào Tuyển Tập Bách Duyên Kinh (DC 200); Phật Bổn Hạnh Tập Kinh (DC 190); Panamukhavadanaskata; Jataka (kh 10 Sinh Kinh DC 154)- Trang 592.

ngồi thiền lần đầu tiên lúc mới vừa 9 tuổi, cho thấy tình thương vị kỷ có thể trở thành vị tha và có công năng đưa đến giải thoát. Thật vậy, tình thương giữa chàng Mể Kiệt và nàng thiếu nữ vừa mới quen nhau cho thấy đây hoàn toàn là tình thương chân thật giữa đôi nam nữ, một thứ tình yêu đầu tiên được gọi là “tiếng sét ái tình”. Trong trạng thái tình yêu này, nàng thiếu nữ khi vừa mới gặp Mể Kiệt thì đã yêu ngay. Nàng e lệ, rụt rè, im lặng, đi bên nhau rất lâu mà cũng không dám ngẩng đầu lên và cuối cùng thổ thê:

“ Anh ơi, không biết tại vì duyên nợ nào từ những kiếp trước mà khi gặp Anh em đã đem lòng thương anh liền. Em đã gặp nhiều người con trai nhưng chưa bao giờ trái tim của em rung động như hồi nãy khi em mới gặp anh”².

Đây là mối tình, tức tiếng sét ngay lần gặp gỡ ban đầu được gọi là Coup de Foudre (tiếng Pháp) hay là First Love (tiếng Anh). Trạng thái tình yêu này đã được tất cả triết gia cũng như tâm lý gia trên thế giới công nhận, được ghi vào sách giáo khoa triết học và tâm lý học (psychologie) và không phải chỉ một mà có cả 3 trạng thái:

1- Trạng thái thứ nhất là “ Coup de foudre ” tức tiếng sét ái tình, có nghĩa là vừa gặp, vừa thấy vừa trò chuyện nhau lần đầu tiên là đã yêu nhau say đắm ngay.

2- Trạng thái thứ hai 2 được gọi là Standhalization có liên quan đến Thái Tử Tất Đạt Đa và Công chúa Da Du Đà La.

Trạng thái tình thương này được đặt tên là Standhalization căn cứ vào một câu chuyện mà nhà tâm lý học Standhal đã khám phá ra.

Standhal bẻ một cành thông và vô tình liệng xuống một dòng suối nước mặn đang chảy. Cành thông nằm đó lâu ngày với nước muối cứ chảy qua làm cho muối đóng vào tất cả mọi lá

2- Sách đã dẫn - Trang 225.

thông khiến cho cảnh thông bị bao phủ đầy muối trắng xóa và phát quang óng ánh như pha lê khi có tia nắng mặt trời chiếu xuống suốt. Đến lúc này bất cứ ai nhìn thấy nó thì cũng tưởng đó là một cảnh pha lê chứ không thể nào biết được đó là một cảnh thông. Hiện tượng này được Standhal đem đặt tên cho một trạng thái tình thương chân thành khi một người con trai và một người con gái thương nhau và người này xem người kia cũng như người kia xem người này như là “mẫu người lý tưởng”, như một hóa thân, hầu như là “thần tượng” của mình, do những hành động anh hùng hay kiệt xuất hoặc do tài năng siêu việt của người ấy, dù rằng người ấy có sắc diện xấu thế nào đi nữa, nhưng đã là thần tượng thì chẳng khác nào như cảnh thông mà đã biến thành cảnh pha lê vậy.

3- Trạng thái thứ ba là Maturation.

Chữ Maturation ở đây có nghĩa giống như là “chín muồi”.

Đây là loại tình thương có được do hai người thường gần nhau, học chung lớp, ở chung nhà hay cùng một chung cư, một xóm hoặc làm việc chung với nhau nên gặp nhau hằng ngày và lâu ngày thường tiếp xúc nhau, hiểu biết tánh tình nhau rồi hợp ý nhau, vừa ý nhau và thương nhau.

Tình thương này tâm lý học tiếng Pháp gọi là Amour par Maturation tức có tình thương do đó có nhiều cơ hội gần gũi, tiếp xúc, hiểu nhau, cảm thông nhau và thương nhau.

Trong ba loại tình thương này thì tình của Mẹ Kiệt và nàng thiếu nữ được xếp vào loại tình thương thứ nhất tức “tiếng sét ái tình”, một trạng thái tình thương thoát tiên mang màu sắc vị kỷ tức vì mình mà thương.

Còn tình thương giữa Thái Tử Tất Đạt Đa và công chúa Da Du Đà La thì như thế nào? Đối với con đường giải thoát thì có liên quan gì hay có công năng gì không?

Tất Đạt Đa và Da Du Đà La là hai công dân của hai quốc gia

kế cận nhau, chỉ cách nhau bằng một con sông nhỏ Robini dùng làm ranh giới. Tất Đạt Đa thuộc bộ tộc Lakya còn Da Du Đà La thuộc bộ tộc Laliya.

Hai bộ tộc này đã có nhiều đời giao hảo với nhau rất thân mật và trai gái hai bộ tộc hay hai quốc gia này tiếp xúc với nhau rất thường xuyên trong những lễ hội được quốc vương hai nước đồng ý tổ chức chung để chọn nhân tài hay để khuyến khích thanh thiếu niên rèn luyện thân thể.

Nhờ có một lần vua Tịnh Phạn (Sudhodana) thuộc giòng họ Thích Ca muốn khuyến khích những người trai trẻ bồi đắp sức khỏe và trau dồi võ nghệ nên đã đích thân chủ tọa một đại hội thanh thiếu niên. Tất cả những người trẻ trung đều được mời tham dự, nam cũng như nữ. Các thiếu nữ tuy không có biểu diễn võ nghệ nhưng được khuyến khích có mặt đông đảo để cổ vũ các chàng trai.

Trong đại hội này, công chúa Da Du Đà La (Yasodhara) con gái của vua xứ Laliya là Dandapahi và Hoàng hậu Pamita được chỉ định đứng ra điều khiển việc tiếp tân. Công chúa Da Du Đà La là một cô gái có nhan sắc vô cùng diễm lệ, tự nhiên và tươi mát như một đóa hoa xuân. Còn Thái Tử Tất Đạt Đa thì chính nhờ đại hội điền kinh này mà đã làm quen được với công chúa Da Du Đà La.

Tại đại hội này Thái Tử Tất Đạt Đa đã chiếm giải nhất trong các môn thi như bắn cung, đánh kiếm, cỡi ngựa, cử tạ . v.v. . và công chúa Da Du Đà La được đề cử là thiếu nữ đem giải thưởng đến trao tặng cho người thắng cuộc.

Thái Tử Tất Đạt Đa nhờ chiếm được giải quán quân nên cuối cùng được thưởng một con voi trắng và chính công chúa Da Du Đà La và người quản tượng đem voi đến. Đến trước mặt Tất Đạt Đa, công chúa cúi đầu chào và nói những lời khen ngợi:

“ Xin điện hạ nhận thốt voi này, phần thưởng dành cho người

chiếm giải quán quân của đại hội điền kinh. Em xin thành tâm khen ngợi và chúc mừng điện hạ.” Giọng nàng thanh tao, giảng điệu yêu kiều quý phái và cách phục sức của nàng thật vô cùng trang nhã với nụ cười lúc nào cũng nở trên môi như một bông hoa hàm tiếu. Tất Đạt Đa nghiêng mình đáp lễ. Chàng âu yếm nhìn Da Du Đà La và đáp: “ Xin cảm ơn công chúa.”³

X

X X

Lại một lần khác nhằm vào hôm Tất Đạt Đa đến thăm một xóm nghèo ngoại thành tại vùng biên giới giữa hai nước. Chàng ngạc nhiên nhận thấy Da Du Đà La có mặt ở trong xóm cùng một đứa ở, nàng đang chăm sóc cho các trẻ em trong đó. Các em được chăm sóc đều là những trẻ em có bệnh.

Da Du Đà La ăn mặc rất đơn giản, dù vậy sắc đẹp của nàng vẫn sáng chói và tươi mát như một nàng tiên hiện diện giữa đám trẻ nghèo bệnh hoạn đáng thương.

Tất Đạt Đa thấy cảnh tượng ấy rất là cao đẹp. Chàng sửng sốt khi nhìn một người con gái nhà quyền quý cao sang lại chịu thương, chịu khó đi làm những công việc như xúc thuốc, băng bó, tắm rửa, ôm ẵm bọn trẻ đói nghèo.

“ Công nương đã bắt đầu làm việc này từ bao giờ thế? Chàng hỏi và nói “ Thật là quý hóa quá.”

Đang rửa tay cho một em bé gái chừng ba tuổi, Yasodhara ngừng lên nhìn Tất Đạt Đa:

“ Chúng em bắt đầu làm công việc này cũng đã gần hai năm rồi, thưa điện hạ.”

“ Tôi đến xóm này thường lắm. Bọn trẻ con trong xóm đều biết tôi. Tôi nghĩ được làm những công việc này chắc công nương thấy vui trong lòng lắm? ”

Yassodhara mỉm cười không đáp. Nàng cúi xuống tiếp tục rửa

3- Sách đã dẫn, trang 48-49.

mặt ghẻ trên đầu gối của em bé.

Siddhatta nói chuyện với Yosodhara rất lâu. Chàng càng khám phá ra rằng Yosodhara có rất nhiều nhận thức và mơ ước giống chàng. Yosodhara không phải chỉ là một cô gái khuê các chỉ biết vâng theo truyền thống. Nàng biết mình là gái nên chỉ tìm cách biểu lộ cái thấy của mình và thiết lập sự bình an trong tâm hồn mình bằng các công việc từ ái.

Đã có cảm tình sâu đậm sẵn với Yashodhara, Siddhatta càng mến phục công việc nàng làm. Phụ vương chàng có ngổ ý muốn chàng lập gia đình, Yasodhara có thể là người mà chàng chọn lựa . . . Một năm sau, đám cưới của hai người được tổ chức linh đình.

x

x x

Trên đây là một đoạn ghi lại một phần vắn tắt các cuộc gặp gỡ và tiếp chuyện giữa Tất Đạt Đa và Da Du Đà La, trai anh hùng, gái thuyền quyên, đã thắm thiết yêu nhau trước khi thành gia thất.

Câu chuyện tình của hai người thật ra cũng chỉ là một cuộc tình ở thế gian như bao nhiêu mối tình khác. Hai người cũng bắt đầu với sự thường xuyên tiếp xúc rồi cảm thông nhau, rồi yêu nhau (naturation).

Hơn thế nữa hai vị còn xem nhau như hai mẫu con người lý tưởng, hai thần tượng với trai tài thì văn võ song toàn, còn gái sắc thì sao mà tâm hồn cao quý vị tha quá , từ ái và từ bi quá, thế thì làm sao mà chàng trai lại không trầm trồ ngấm nghĩa, cảm phục và yêu thương. (Admiration or Standardization).

Tóm lại, nếu không nói đến tiền căn hay duyên kiếp thì tình yêu giữa Da Du Đà La và Tất Đạt Đa chỉ là một mối tình như bao nhiêu mối tình trần thế khác thế thôi. Đây cũng là một trạng thái tình thương thoát tiên vị kỷ nhưng nó rất dễ trở thành

vị tha nếu con người có đủ hiểu biết và từ tâm.

Chính nhờ có hiểu biết (trí tuệ) và hơn thế nữa do có sẵn từ tâm (từ bi) muốn ban vui và cứu khổ bao nhiêu người khác nên công chúa Da Du Đà La mới đồng ý cho Tất Đạt Đa ra đi tìm Đạo trong khi gia đình còn đang hạnh phúc ấm êm và đưa con duy nhất là La Hầu La (Rahula) vẫn còn trẻ thơ bé bỏng rất cần có một người cha kề cận để chăm sóc trông nom.

Có người đặt câu hỏi là trong đêm Thái Tử Tất Đạt Đa rời nhà ra đi tìm Đạo, lúc đó công chúa Da Du Đà La có hay biết hay không hay chàng ra đi trong khi nàng đang mê ngủ.

Theo sự tích thì nàng đang nằm ngủ trong lúc chàng ra đi, nhưng sự thật là nàng không có ngủ. Nàng đã biết trước đêm ấy chàng sẽ ra đi và nàng đã sắp xếp mọi việc đâu vào đó để chàng an lòng ra đi tìm đạo cứu đời.

Đó là một đêm mà trong hoàng cung có đại hội và dạ tiệc. Khi tiệc sắp tàn hoàng hậu Pamita, mẹ ruột nàng đến thăm nàng và khi ra về thì nàng tiễn hoàng hậu ra tận cửa. Thế rồi nàng vội vã trở vào trong để tìm Sa Nặc. Nàng đã gọi Sa Nặc (Channa) thức dậy trong khi người hầu cận này đang ngủ. Nàng nói nhỏ với Sa Nặc rằng:

“Có thể đêm nay Thái Tử cần đến người. Hãy chuẩn bị cho con Kiên Trắc (Kanthaka) yên cương đầy đủ. Và cũng nên chuẩn bị một con ngựa khác cho chính người.”

Thưa lệnh bà, Thái Tử đi đâu vào giờ này?

Người dừng hỏi. Cứ việc chuẩn bị như lời ta dặn vì Thái Tử sẽ có thể cần đến người trong đêm nay.

Sa Nặc vâng dạ đi vào tàu ngựa. Da Du Đà La đi trở vào trong cung. Nàng sắp đặt sẵn giày nón và áo dạ hành cho Thái tử. Nàng lại đi lấy thêm một chiếc chăn mỏng để đắp thêm cho La Hầu La. Rồi nàng thay áo và lên giường.

Nằm trên giường nàng lắng nghe tiếng nói, tiếng cười và tiếng

nhạc, tiếng ca. Cuối cùng cuộc vui tàn. Có lẽ mọi người đều tìm nơi an nghỉ. Da Du Đà La nằm yên lặng nghe sự yên lặng trở về trong cung cấm. Nàng nằm yên chờ đợi, nhưng lâu lắm nàng không thấy Tất Đạt Đa đi vào.

Trong khi đó, Tất Đạt Đa ngồi một mình thật lâu ngoài vườn. Chàng nhìn lên trời. Trăng sáng vàng vạc. Ngắm sao nhấp nháy, chàng quyết định đêm nay phải rời bỏ hoàng cung. Chàng đi vào, mang giày và mặc áo. Chàng vén rèm nhìn vào phòng ngủ. Cù Di (Gopa Da Du Đà La) nằm trên giường. Chàng buông rèm xuống định bước chân ra. Nhưng chàng dừng lại, vén rèm lên lần nữa để nhìn hai mẹ con một lần cuối. Chàng nhìn thật kỹ như để thu lấy thêm một lần nữa cái hình ảnh quen thuộc và thân yêu ấy.

Cuối cùng, chàng buông rèm, bước ra.”⁴

Kết Luận

Tóm lại, cho dù là do tiền căn hay do duyên kiếp thì trên hiện tượng mối tình giữa Mể Kiệt và nàng thiếu nữ cũng như mối tình giữa Tất Đạt Đa và Da Du Đà La cũng là những mối tình thoạt tiên vị kỷ.

Nàng thiếu nữ nói rõ ràng rằng nàng đã có gặp rất nhiều chàng trai nhưng nàng không thương ai được. Còn khi vừa gặp Mể Kiệt là đã yêu ngay. Đây đúng là tiếng sét ái tình, một trạng thái tình nam nữ ở thế gian được sách giáo khoa trần thế này ghi vào và giảng dạy.

Còn trường hợp của Tất Đạt Đa và Da Du Đà La thì đôi trai tài gái sắc này cũng thương nhau sau khi nhiều lần đã gặp nhau, trò chuyện cùng nhau, sinh hoạt chung nhau rồi cảm kích nhau, quý trọng nhau và xem nhau như những “mẫu người lý tưởng” nếu không nói là “thần tượng”. Đây là trạng thái tình yêu mà triết học hay tâm lý học đặt tên là Maturation hay Standardization.

4- Sách đã dẫn, Trang 73-74.

Hai trạng thái tình thương này cũng được ghi vào sách giáo khoa để giảng dạy. Nói rõ hơn là cả hai mối tình này khi mới bắt đầu tức khởi thủy cũng đều là tình ở thế gian hay tình vị kỷ. Mặc dầu là vị kỷ nhưng rất dễ trở thành vị tha nếu người trong cuộc có đủ hiểu biết và từ tâm.

Chính nhờ có hiểu biết, hay nói rõ hơn là có trí tuệ mà công chúa Da Du Đà La mới nằm im như ngủ để cho chàng ra đi và không cản trở. Và chính nhờ có từ tâm như nàng đã có đủ tâm từ với bao nhiêu lũ trẻ các xóm nghèo nên nàng mới chấp nhận cho chàng ra đi tìm Đạo để cứu khổ chúng sanh, làm cho chúng sanh sớm được giải thoát. Như vậy từ tình thương vị kỷ, nó có thể trở thành vị tha, cũng như với những thế nhân có gia đình, có vợ, chồng vẫn có thể đi đến con đường giải thoát, vẫn có thể trở thành giải thoát.

Vợ chồng, hay có vợ chồng chẳng phải hẳn là một ngăn trở hay một chướng duyên cho việc tu giải thoát. Tu giải thoát được không là tự tâm mình chớ chẳng phải vì có hay không có vợ chồng. Phật đã nói rõ như vậy.⁵

Như vậy việc độc thân, độc hành có thể giúp cho dễ tu, chớ chẳng phải chỉ có độc thân, độc hành thì mới thành Đạo được, còn người có gia đình thì lại không thể đạt được Đạo. Nói rõ hơn, việc có vợ chồng chắc chắn không phải là một ngăn trở cho việc đạt Đạo, cho việc giải thoát. Phật có nói: “ Sự hiểu biết và lòng thương yêu mới thật sự là những gì quý nhất trên đời”⁶. Xin được trình bày rõ hơn ở chương sau khi nói về Đạo Cao Đài.

IV- Tình yêu Vị tha (Từ Bi)

Tình thương vị tha là tình thương vì người mà thương người, chớ chẳng phải thương người chỉ vì mình, vì tự ngã của ta, cho

5- Sách đã dẫn - Trang 226.

6- Sách đã dẫn - Trang 227.

ta.

Tình thương vị tha là lòng thương yêu chúng sanh nói chung, nhưng không có tính chất luyến ái, không do ái dục, cũng có nghĩa là vì thấy chúng sanh đau khổ mà thương, muốn cứu vớt chúng sanh mà thương. Đây là thứ tình thương, ngoài việc giải khổ cho chúng sanh còn muốn đem lại hạnh phúc an vui cho chúng sanh nữa. Nói rõ hơn là vì muốn cho tất cả chúng sanh không khổ đau, chỉ an vui và hạnh phúc nên thương chúng sanh, muốn lo lắng cho chúng sanh không cần có một sự đền đáp nào cả. Tình thương vị tha này, với đạo Cao Đài với đạo Phật được gọi là Tâm Từ hay lòng Từ bi.

Tâm từ hay lòng từ bi được định nghĩa như sau:

1- Từ: “ Từ năng dưỡng nhất thế chúng sanh chi lạc” có nghĩa Từ là lòng thương yêu thường đem vui cho tất cả chúng sanh.

2-Bi: “ Bi năng bạt nhất thế chúng sanh chi khổ” có nghĩa là lòng thương xót thường dứt trừ đau khổ cho tất cả chúng sanh. Để trình bày tâm từ hay lòng từ bi hầu phổ hóa việc tu trì, xin ghi lại đây hai câu chuyện có liên quan đến đức Phật, do chính đức Phật kể lại.

A- Từ bi với con người.

Có một câu chuyện liên quan đến tâm từ bi giữa người và người được luận bàn giữa đức Phật và Ông Phú Lô Na.

Ông Phú Lô Na là một trong mười đệ tử của đức Phật. Ông có biệt tài thuyết pháp nên được gọi là tôn giả thuyết pháp đệ nhất.

Ông Phú Lô Na gốc người ở đảo Sunaparanta ngoài biển khơi, vốn là một thương gia chuyên nghề buôn bán. Ông thường đem hàng hóa từ quê nhà qua đất liền bán và ngược lại.

Một hôm, cùng người em rể nhân một chuyến chở hàng đến thành Xá Vệ, Ông trông thấy có một đoàn Tỳ Kheo đang âm

thăm và trang nghiêm đi khát thực. Ông hỏi thăm và được biết chư vị khát sĩ này là đệ tử của Sa Môn Gotama ở tại Tịnh Xá Kỳ Viên. Ông tìm đến Kỳ Viên Tự và tại đây Ông được đức Phật thuyết pháp cho nghe.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp Ông không còn muốn đi buôn nữa. Ông phát tâm theo Phật tu hành, xin gia nhập tăng đoàn và làm khát sĩ Tỳ Kheo. Ông giao tất cả của cải, tài sản, tiền bạc cho người em rể và vào tịnh.

Nhờ bản chất thông minh lại thêm nhiệt tâm cầu pháp nên Ông tu học rất tinh tấn, do đó mà chẳng bao lâu Ông đã trở thành một Tỳ Kheo xuất sắc, có tài thuyết pháp hơn cả mọi đệ tử khác của Phật. Ông thường đi hoằng hóa Phật pháp ở nhiều nơi tại các vương quốc to lớn như Kosala và Ma Kiệt Đà.

Có một hôm, sau mùa an cư hoàn mãn, ông đến trình xin Phật cho Ông được trở về quê nhà tại đảo Suraparanta để hoằng dương đạo pháp. Phật mới hỏi Ông:

-Tôi nghe nói Surapanta là một hòn đảo vẫn còn rất hoang vu, chưa được mở mang khai phá. Phần lớn người dân trên đảo rất hung dữ và bạo động thường xảy ra luôn, đáng chú ý nhất là họ không chịu nghe thuyết đạo, nói về đạo hay chấp nhận sự truyền đạo, Như vậy không biết Thầy về đó truyền đạo có thuận tiện hay không, có nguy hiểm gì hay không?

Ông Phú Lô Na thưa:

Kính bạch Đức Thế Tôn,

Thật sự như đệ tử được biết thì người dân ở đảo Sunapanrata tâm trí chưa được khai hóa, mở mang. Thật sự họ có hung dữ và bạo động lắm. Nhưng chính vì lý do họ chưa được khai hóa, chính vì lý do họ còn yếu kém nên chúng ta cần phải đến để giúp họ, đem tâm Từ bi đến giúp họ, dạy họ để họ hành xử với nhau không còn hung dữ và bạo động nữa. Con vì gốc ở đó nên rất hiểu họ và con nghĩ rằng con có thể hoằng hoá đạo pháp tại

đó thành công được.

Phật hỏi tiếp:

- Nếu Thầy có ý đến giúp họ, nhưng trong khi Thầy giảng đạo mà họ lại phản đối, và càng phản đối dữ dội đến độ la ó và chửi mắng thì Thầy phải làm sao?.

- Bạch Thế tôn, con sẽ dùng tình thương yêu, tâm từ bi để từ từ cải hóa họ. Con nghĩ rằng con thương yêu họ tận tình thì chắc họ cũng sẽ thương yêu con. Con nghĩ rằng tâm từ hay lòng Từ bi do Phật đã dạy dỗ con thì con cũng có thể truyền đạt cho họ. Như vậy thì mặc dù lúc ban đầu họ có la ó, chửi mắng con nhưng theo con thì cũng chưa có gì quá đáng lắm, vì họ còn chưa chọi đá và đồ dơ vào con.

- Nhưng nếu họ chọi đá gạch và liệng đồ dơ vào Thầy thì Thầy phải làm sao?.

- Bạch Thế Tôn, như thế cũng chưa có gì nguy hiểm cho lắm vì họ chưa lấy gậy đánh đập con.

- Nhưng nếu họ lấy gậy đánh đập Thầy thì sao?

- Bạch Thế Tôn, như vậy là họ vẫn còn hiền, vì họ chưa dùng dao mác bén nhọn để đâm hoặc chém giết con.

- Nhưng lỡ họ chém giết Thầy thì sao.

- Bạch Thế tôn, con sẽ cố gắng vận dụng lòng Từ bi để chuyển hoá họ. Con ráng chịu đựng để thuyết phục họ nghe con nói một lần nữa thôi, vì con tin rằng Từ tâm của con họ sẽ nhận được, làm xiêu lòng họ được. Nhược bằng không, nếu họ có giết con thì như thế là con đã thoát khỏi được cái xác thân hôi thúi tù túng này. ⁷

Bạch Thế Tôn, mặc dù thế nào đi nữa, con nghĩ rằng với tình thương hoàn toàn vị tha chớ không vị kỷ, vì Từ tâm chớ không vì tự ngã, thí dụ có xảy ra điều chi đi nữa, dù con có phải chết dưới đao kiếm của họ đi nữa, con nghĩ rằng con cũng đã chết

7- Theo gót chân Phật - Đường Xưa Mây Trắng - Thích Nhất Hạnh - NXB Lá Bối - USA - 1992, Trang 453-454

cho giáo lý Từ bi, vì lý tưởng Từ bi, vì Từ tâm cứu khổ chúng sanh và đem lại an vui hạnh phúc cho chúng sanh. Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng nếu con chết chỉ vì tâm Từ bi, như vậy thì cái chết của con vẫn có ý nghĩa, và đáng chết để xoay chuyển lòng người, để cứu độ chúng sanh, để hoằng khai đạo pháp.

Bạch Thế Tôn, người trên đời ai cũng phải chết một lần thôi. Nếu phải chết với lý tưởng Từ bi, chết để chuyển hoá con người, làm cho con người chuyển tâm, hiểu Đạo, đến với Đạo và đạt được Đạo thì đây là một cái chết thật đáng chết. Con sẵn sàng chấp nhận chết và không hề sợ chết. Đời là vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Đời là Không, Vô Tướng, Vô Tác như vậy thân này nào có thường hằng mãi được đâu, vậy thì nếu cái chết phải đến, con xin được chết để cứu độ muôn loài vì con biết rằng chỉ có một cái cao cả nhất, một cái đẹp đẽ nhất không bao giờ tàn hoại với thời gian, đó là lòng Từ bi, Tâm giải thoát.

B- Từ bi với loài vật.

Câu chuyện từ bi với loài vật cũng do Đức Phật kể lại.⁸ Một buổi sáng, Phật ôm bình bát ra khỏi cổng tịnh xá Kỳ Viên để đi khất thực. Trên đường đi, qua khỏi cánh đồng nhỏ, cạnh một thửa ruộng lúa xanh rì, Phật thấy có một đám đông trẻ em đang vui đùa, hét hò, la vang inh ỏi.

Phật đi đến gần, nhìn thật kỹ thì thấy chúng đang hành hạ một con cua mà chúng vừa bắt từ dưới ruộng đem lên. Một đứa trong bọn chúng dùng tay trái đè lưng con cua xuống, còn tay mặt thì bẻ càng bên phải. Con cua đau đớn giãy giụa liên hồi. Chúng buông ra và vui cười hỉ hạ. Một đứa khác nhào tới tranh lấy con cua, cũng để xuống và lần này bẻ càng bên trái. Chúng cứ thay phiên nhau bẻ hết hai càng rồi đến một chân, hai chân cho đến khi con cua không còn càng nào và chân nào cả.

8- Kinh Từ Bi tức Kinh Samyutta- Nikaya , trang 1 , 8 và kinh Majjhima - Nikaya trang 131.

Con cua vì quá đau đớn nghoe nguẩy như để than oán, như để van xin, còn bọn trẻ thì lại hò reo hớn hởi. Cuối cùng chúng đem liêng con cua đó xuống ruộng, xong bắt một con cua khác lên rồi cũng tiếp tục hành hạ hết con cua này đến con cua khác, vỗ tay thích thú, hò la mà nào biết là chúng đang hành xử rất dã man loài vật.⁹

Phật tiến sát vào bọn trẻ. Chúng ngẩng lên nhìn, xong cuối xuống và cứ tiếp tục bẻ càng, bẻ chân cua. Chúng quả thật thiếu hẳn từ tâm với loài vật thể mà có lẽ chúng chẳng hề để ý, hay chẳng ý thức được việc chúng làm.

Phật lúc ấy nói với bọn chúng rằng : “ Này các con, nếu các con bị ai bẻ tay bẻ chân, hoặc các con trặc tay hay trặc chân thì các con có đau không? ”.

Bọn trẻ trả lời:

- Bạch Phật có.

- Con cua bị các con bẻ gãy càng, gãy chân cũng đau đớn như thế, các con có biết không?

Bọn trẻ trả lời:

- Bạch Phật có.

- Con cua bị các con bẻ gãy càng, gãy chân cũng đau đớn như thế, các con có biết không?

Bọn trẻ im lặng không trả lời, cuối mặt xuống và không dám nhìn lên, cũng không còn lớn tiếng reo hò, vui đùa như trước nữa. Phật nói tiếp:

Con cua nó cũng muốn sống như các con. Nó cũng có cha mẹ anh chị em như các con. Nếu có ai làm hại cho sự sống của các con thì các con có đồng ý không. Anh em cha mẹ các con có đồng ý không? Chắc chắn là không rồi. Vậy tại sao các con lại làm hại đến sự sống của loài cua. Các con bẻ chân, bẻ càng thì chắc chắn nó sẽ chết. Như vậy các con có hối hận không, tâm

9- Sách đã dẫn - Trang 332.

từ của các con, các con đã để nơi nào?.

Bọn trẻ tỏ vẻ hối hận. Lúc bấy giờ có nhiều người xúm đến xem. Phật muốn nhân cơ hội này dạy cho bọn trẻ cũng như mọi người tâm từ bi đối với loài vật.

- Này các con, với cuộc sống hiện tại ở thế gian, loài người cũng như loài vật ai ai cũng khổ ít hay nhiều. Khổ vì miếng ăn, vì chỗ ở, vì đau ốm bệnh hoạn, vì môi trường sống hoặc vì những hoàn cảnh nghiệt ngã. . v . v . . Vậy tại sao các con lại không nghĩ đến việc cứu giúp cho nhiều người khác khỏi khổ, cứu giúp cho nhiều loài vật khỏi khổ đau.

Loài vật cũng như các con. Chúng cũng muốn có thức ăn, nơi ở. Khi nào đủ thức ăn, ở êm ấm, không bị ai khuấy phá giết hại thì chúng cũng an vui lắm. Tại sao các con không thương yêu chúng mà đem lại sự an lành cho chúng.

Thương người, thương vật, cứu người cũng như vật khỏi khổ đó là tâm từ và tâm bi được gọi là Tâm Từ Bi.

Sau khi nói xong, Phật thấy bọn trẻ thấu hiểu và ân hận về những việc làm tàn hại của chúng đối với loài vật. Phật rủ chúng đem những con cua còn sống thả trở lại ruộng lúa. Bọn chúng vâng lời làm theo sự chỉ dạy của Phật với dáng vẻ và gương mặt rất hân hoan thắm đượm từ tâm.

Kết Luận về Tâm Từ Bi.

Từ là ban vui. Bi là cứu khổ.

Từ Bi hay nói đúng hơn Từ Bi là cứu khổ và ban vui cho tất cả chúng sanh, loài vật cũng như loài người.

Đối với loài vật, bọn trẻ vì tâm từ bi tiềm ẩn nên sau khi nghe Phật dạy về tâm từ đã không còn muốn gây khổ hại cho loài cua, đã muốn tránh khổ đau cho chúng, cứu khổ cho chúng, để chúng được an thân vui sống với thiên nhiên nơi đồng ruộng, nên đã mang chúng đem trả lại cho ruộng đồng. Làm như thế

đúng là bọn trẻ đã làm với từ tâm, với lòng từ bi thương người cũng như vật, đó là làm đúng với Thiên Mệnh chi vị tánh, mà với trẻ con thì đó đúng như câu “Nhơn chi sơ tánh bốn thiện” là vậy.

Còn Ngài Phú Lô Na cũng vậy. Ngài vì muốn cứu khổ cho những người quê mùa lam lũ ở đảo Sunaparanta, những người dân chất phác quê mùa vẫn còn mê lầm, chẳng biết đâu là Chân lý, thế nào là Đạo, chưa biết rằng Trời Phật chẳng ở đâu xa, mà ở ngay trong đáy thẳm tâm hồn mình, chưa thấy rõ ràng giữa lòng vũ trụ biến thiên như cái xác thân thú chất vật hình của mình lại luôn luôn tiềm ẩn Bản chất Bất Biến, đó là Ông Trời mà như Đức Hộ Pháp Cao Đài đã nói.

Họ không biết rõ rằng Trời Phật với con người vốn dĩ không hai, vạn vật với ta là một, tha nhân với ta là một, và ta chỉ cần thu thần định trí, đi trở lại mình, đi sâu vào tâm hồn tâm khảm của mình thì sẽ tìm ra được nguồn gốc cao sang, dòng họ cao cả, bản chất vô biên, chân tướng và định mệnh siêu tuyệt tức là con người cao quý của mình.

Họ chỉ cần làm cái điều mà đạo Phật gọi là “Hồi đầu thị nạn” mà đạo Nho gọi là Dịch , nghịch số dã” hay “Phản thâu nhi thành lạc mạc đại yên” tức hưởng nội hồi thiên, Còn đạo Lão thì bảo “Phản giả Đạo chi động” và cuối cùng đạo Cao Đài với lời nói của Đức Hộ Pháp đó là “Hồi quang phản chiếu” thì họ sẽ được hoàn toàn thay đổi. Họ sẽ thấy rõ và nhận ngay được rằng Trời Phật chẳng cách xa mình. Trời Phật thật sự luôn luôn hiện tiền trong lòng sâu của mình. Trời Phật chính là Bản Thể của mình mà đã từ lâu bị bụi trần hoàn che phủ mất. Trời Phật đây chính là Chơn Tâm Phật Tánh, mà rõ nhất đó là Tâm Từ hay Lòng Từ Bi, đó là đức tánh thứ nhất của bất cứ vị Phật nào, mà khi muốn cho người dân trên đảo Sunaparanta trở về với tâm Phật thì Ngài Phú Lô Na phải thức tỉnh họ trở lại với tâm từ hay Từ Bi là vậy.

Ngài Phú Lô Na chỉ vì Từ Bi mà muốn cứu khổ họ và làm cho họ được an vui, tức ban vui cho họ nên Ngài bằng mọi cách xin đức Phật cho Ngài được trở về quê xưa để khơi dậy từ tâm, lòng từ bi của những người cùng quê hương.

Ngài xin Phật cho Ngài đi hoằng hóa họ, thuyết giáo để đem họ về với đạo Từ Bi, trở về với Từ Tâm, Phật tánh của họ, mà nếu chẳng may họ có giết chết Ngài đi nữa, Ngài cũng vẫn cam lòng.

Về đạo Từ Bi, vì tâm từ hoằng hóa để cứu đời nâng đạo, để cứu khổ và ban vui cho chúng sanh Ngài không hề sợ chết. Đây đúng là một thứ tình thương vô vị lợi, không điều kiện, không cần đáp trả, có thể hy sinh ngay cả thân mạng của mình miễn làm sao chúng sinh an vui và khỏi khổ mà thôi.

Tóm lại, *Từ Bi, từ tâm hay tình thương vị tha khác hẳn tình thương vị kỷ, ích kỷ dựa trên thất tình, lục dục, rõ nhất là chỉ dựa trên tình thương mình, tình thương tự ngã, tất cả chỉ vì cái ngã mà thôi.* Nếu chỉ vì cái ngã của ta mà thương người khác thì đó là tình thương vì ta, vì ngã, đó là tình thương chỉ cho mình. Nhưng một khi rời được ngã, phá được ngã, tức Ngã Không thì tình thương đó là vị tha nhân, tức vì tha nhân mà thương tha nhân.

- *Từ Bi, từ tâm hay tình thương vị tha là tình thương bao la, bình đẳng và sáng suốt, không có tướng ngã, tướng nhân, tức không có phân biệt ta người, mà trái lại ta cũng như người và người cũng như ta, hòa đồng như một không hai và bình đẳng.*

- *Từ Bi, từ tâm hay tình thương vị tha là một thứ tình thương không có điều kiện và không cần sự đền đáp.*

Đây là nguồn gốc của một niềm hạnh phúc chân thường, một niềm an lạc chân thực và là nguồn gốc của muôn hạnh lành.

- *Từ Bi đúng là nguồn gốc của muôn hạnh lành vì những ý nghĩ, lời nói hay hành động tốt đẹp, cao cả đều do lòng từ bi mà ra*

cả. Chính vì từ bi nên Bồ Tát mới bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn tu hành lo định tâm để mở mang trí huệ.

- *Từ Bi cũng thật sự là nguồn gốc của một niềm an lạc vô biên* và đây chính là cơ sở đạo tâm của chư vị Bồ Tát.

- *Từ Bi là đức tánh thứ nhất mà cũng là đức tánh đầu tiên của một vị Phật.* Không có tâm từ bi thì không thể là Phật, không thể thành Phật. Tâm Từ bi là căn bản, là nguồn gốc của mọi bước siêu thăng. Thiếu tâm từ bi, thiếu tình thương vị tha, thiếu tâm hướng thiện, con người dù có tu như thế nào, dù suốt ngày đêm có tụng kinh gõ mõ đi nữa thì cũng chẳng đi đến đâu cả trên con đường giải thoát, chẳng thể siêu thăng thì còn nói gì giải thoát được. Đây là lý do của sự hiện hữu hai câu kinh rất cần ghi nhớ, đó là:

“ Trong Tam giáo có lời khuyến dạy,
Gốc bởi lòng làm phải làm lành.”

Làm lành, nói lành, nghĩ lành là để cứu khổ chúng sanh, đó là tâm bi (bi là cứu khổ). Và cứu khổ chúng sanh là do có tình thương đối với chúng sanh muốn cho chúng sanh được an vui, đó là tâm từ (từ là ban vui).

Kết Luận: Trong Từ bi không có sự phân biệt ta và không ta, của ta và không của ta . Vì không có phân biệt nên cũng không hề có vướng mắc (attachment). Do không còn vướng mắc nên *Từ bi chính là cội nguồn của giải thoát vậy.*

(Còn tiếp)

NGÀI HUYỀN TRANG

Thích Thiện Siêu

(Tiếp theo TSTD 56)

Qua một miền rừng núi hiểm trở nổi tiếng là có nhiều mỏ bạc, Huyền Trang tới A Ki Ni (này là Yên Chi tỉnh Tân Cương), một nơi nghỉ ngơi của các đoàn thương nhân tá túc một đêm rồi tới Khố Xa (tức nước Khất Chi, Tân Cương) rồi tới Bạc Lục Ca (tức Ôn Túc, Tân Cương). Miền này rất trù phú. Vì lúc đó tuyết phủ đầy dãy Thiên Sơn không thể tiếp tục hành trình ngay được, Ông phải ở lại đó hai tháng và có dịp nhận xét, ghi chép phong tục cùng văn minh của Khố Xa, lưu lại những tài liệu rất quý cho các nhà khảo cổ sau này; Vương quốc đó rộng khoảng ngàn dặm từ Đông qua Tây và sáu trăm dặm từ Nam chí Bắc. Chu vi kinh đô được 17, 18 dặm. Đất trồng kê đỏ, lúa mạch, nho, lựu, lê, mận, đào. Có mỏ vàng, đồng, sắt, chì, thiếc. Khí hậu ẩm áp, dân thuần lương. Văn tự phỏng theo của Ấn Độ. Âm nhạc tiến xa hơn các nước láng giềng nhiều. Chính nhờ Khố Xa mà đạo Phật truyền qua Trung Hoa. Vì nằm trên đường chở lụa từ La Mã qua Trung Hoa, nên Khố Xa buôn bán rất thịnh, hạng phú gia bận những đồ gấm vóc rực rỡ.

Tại đó, ông gặp một nhà tu hành, học thức uyên bác, là Mộc Xoa Cúc Đa, đã qua Ấn Độ nghiên cứu kinh điển trên hai chục năm. Nhờ sự gặp gỡ đó, ông biết thêm được nhiều về đạo Phật và Ấn Độ, nhưng đôi khi cuộc thảo luận về Phật pháp có giọng hơi gay gắt vì Mộc Xoa Cúc Đa theo Tiểu thừa như hầu hết các Hòa thượng Trung bộ Á Châu, còn ông thì thiên về Đại thừa. Rốt cuộc, Mộc Xoa Cúc Đa phải nhận rằng ngay tại Ấn Độ cũng có rất ít học giả như ông.

Khi tuyết bắt đầu tan, ông lại tiếp tục hành trình, tới Ô Hắc Quốc rồi leo núi Thông Lãnh cao 7.200 thước trong dãy Thiên Sơn. Ông tả núi đó rất kĩ: “Nó rất nguy hiểm, ngọn đung trời. Từ hồi khai thiên lập địa, tuyết phủ, đóng lại thành những đống băng quanh năm không tan. Băng trải thành từng lớp cứng và rục rờ, liên tiếp tới chân trời, lẫn với mây. Nhìn vào chói mắt. (...). Leo trèo thực khó khăn, nguy hiểm. Lại thêm lúc nào cũng có thể có những cơn giông tuyết, thành thử dưới giày có hai lớp da, dù mặc áo cừu cũng vẫn run lên cầm cập. Muốn ăn hoặc ngủ thì không có chỗ nào khô để nghỉ chân. Chỉ có cách là treo nôi lên chỗ nào đó mà nấu ăn và trải chiếu ra để nằm.”

Cho nên sau này như Hưởng đạo treo nôi lên cây mà nấu là bắt chước từ đây, vì không có chỗ nào khô hết, chỉ có treo nôi nơi cây, đó là cách thức mấy người đi cắm trại bắt chước. Chuyện đó phát nguyên từ ngài Huyền Trang.

“Leo núi đó, đoàn của Huyền Trang chết mất hơn chục người vì đói lạnh (không kể một số lớn bò và ngựa), chỉ còn lại lơ thơ ít người.

Xuống tới chân núi, ông theo một con sông rồi tới Nhiệt Hồ (cũng gọi là Hồ Tây Khắc). “Hồ này chu vi khoảng 1.000 dặm nằm dài từ Đông qua Tây, phía Nam rộng và phía Bắc hẹp. Bốn bề là núi; vô số sông chảy vào. Nước màu đen phơn phớt xanh, vị mặn và chát”. Hồ không bao giờ đóng băng, khí hậu tương đối ấm áp, nên các vua chúa trong miền tới đó để trị hàn. Chính ở gần hồ tại Tô Điệp Thành (nay là tỉnh Phục Long là nước Cộng hòa Cát Nhĩ Cát Tư thuộc Nga. Xưa thuộc Tây Độc Quyết), mà Huyền Trang gặp Điệp Hộ Khắc Hàn của xứ Đột Quyết.

Khắc Hàn ở trong một cái lều thêu hoa bằng vàng rục rờ chói mắt, tuy là man rợ mà có vẻ uy nghi đáng kính. Khắc Hàn vốn là bà con của Khúc Văn Thái nên tiếp đãi Huyền Trang long trọng, nghe ông giảng kinh xong, ngưỡng mộ ông lắm, muốn

giữ lại “Bạch sư phụ, sư phụ đừng nên qua Tây Trúc. Xứ đó nóng lắm, đông cũng như hè. Tôi ngại rằng sư phụ mới qua đó thì mặt mũi sẽ chảy ra như sáp hết. Dân chúng thì đen thui, đa số lỏa lồ, không biết lễ nghi gì cả, không đáng cho sư phụ tới thăm”.

Sở dĩ ông này nói dân chúng Ấn Độ lỏa lồ, không phải dân chúng hoàn toàn lỏa lồ hết đâu, vì ở xa ông chỉ biết một phần mà thôi. Bởi ở Ấn Độ lúc đó có đạo Kỳ-na-giáo trong đó có phái tu Lỏa thể (họ ở trần truồng). Ấn Độ bấy giờ cũng có số đó. Thịnh thoảng họ cũng đi ra đường nhưng con số ấy rất ít. Chắc ông này nghe phái đó nên nói là dân Ấn Độ lỏa lồ, chứ thật ra không phải ai cũng lỏa lồ hết, chỉ có một số ít theo phái Lỏa thể mà thôi.

“Ông không nghe, Khắc Hàn phải để ông đi. Ông tiến về phương Tây, tới nước Xá Thời, qua một bãi sa mạc rộng khoảng hai trăm rưỡi cây số, cát đỏ, rồi đến nước Phong Mạc Kiện, một nơi có thành lũy rất cổ, vì 9 thế kỷ trước Huyền Trang, A Lịch Sơn Đại Đế đã qua đó để vô Ấn Độ.

Nơi đó, một ngã ba trên đường chở lụa nên có vô số hàng hóa quý giá. Đất cát lại phì nhiêu, trồng loại cây gì cũng được. Dân tộc khác hẳn những miền ông đã qua. Đây bắt đầu là khu vực ảnh hưởng của Ba Tư, không chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa. Tuy còn vài ngôi chùa nhưng đều hoang tàn vì vua và dân không theo đạo Phật mà thờ Thần lửa.

Nhà vua tiếp Huyền Trang một cách khinh khỉnh, nhưng sau khi nghe ông thuyết pháp tỏ ý cảm động, che chở ông. Có lần dân chúng cầm bó đuốc đánh đuổi ông, nhà vua hay tin bắt họ, xử tội chặt chân, chặt tay, ông xin giảm tội cho, và sau đó dân chúng vừa kính vừa sợ, xin theo đạo Phật rất đông. Năm sau, nhà vua lại sai sứ qua Trung Hoa tố tình thần phục Đường Thái Tông. Lúc đó Thái Tông mới biết công của ông đối với triều đình.

Từ Phong Mạc Kiện, Huyền Trang tiến về phía Nam, khoảng ba bốn trăm dặm, tới Thiết Môn Sơn, một nơi vô cùng hiểm trở, rất lợi cho sử dụng võ. “Nó là một con đường hẻm thuộc địa phận A Phú Hãn, ngoằn ngoèo ở dưới chân hai rặng núi cao chót vót, dựng đứng lên như hai bức tường đen, màu sắt, vì núi có nhiều quặng sắt. Vô số ghềnh thác nằm ngang đường. Ở đầu đường là một cái cửa có hai cánh bằng sắt, trên cửa treo những chuông sắt. Những khi gió thổi vào, tiếng chuông vang động lên như sấm, hòa với tiếng thác đổ ào, mà trời lại u ám, thì thật là cảnh địa ngục. Chỉ mười tên quân giữ cửa ải đó là đủ ngăn cản thiên binh vạn mã. Người Thổ nắm được yếu điểm đó mà kiểm soát hết giao thông và thương mại giữa Ấn và Trung bộ Á Châu”.

Qua khỏi Thiết Môn Quan, đoàn hộ tống Điệp Hồ Khắc Hàn từ giã trở về. Ông một mình tiến về phía đông nam, qua nhiều nước nhỏ rồi một hôm tình cờ gặp một vị Hòa thượng trẻ tuổi xứ Thổ Hỏa La tên là Tuệ Tánh tình nguyện làm đồ đệ, đưa ông sang Ấn Độ. Hai người vòng qua phía Tây Đại Tuyết Sơn, đi trên hai ngàn dặm nữa thì vị Hòa thượng được lệnh của vua Thổ Hỏa La phải từ biệt mà trở về Đại Hạ”.

Thế là ngài đi một mình. Lúc đó Phật giáo đã lan rộng nên tới chỗ nào cũng có người theo đạo Phật hết. Các xứ Trung Á phần nhiều theo đạo Phật.

“Miền đó là miền Bactriane hồi xưa, thời thượng cổ thuộc về Ba Tư, sau bị A Lịch Sơn Đại Đế chiếm, chịu ảnh hưởng Hy Lạp trong một thời gian, rồi chịu ảnh hưởng của đạo Phật, có những chùa Phật chứa 3.000 tăng đồ.

Đoạn đường vòng Đại Tuyết Sơn khó đi nhất. Mây như đặc lại, tuyết bay loạn suốt ngày, không bao giờ thấy mặt trời. Đường cheo leo không có chỗ nào phẳng mà rộng được ba thước. Có khi phải nằm rạp xuống búi vào đá mà nhích đi từng chút, có khi phải qua những cầu kết bằng mây đong đưa ở trên không,

chỉ vô ý một chút là té xuống vực thẳm thác đổ ào ào.

Từ khi Tuệ Tánh trở gót, Huyền Trang lại thui thủi một mình trong rừng rậm hoang vu, leo đèo Shibar cao 3.000 thước tới Kapica (thung lũng Kâbul), một miền phì nhiêu phong phú; Dài 60 cây số và rộng 20 cây số. Đó đã thuộc về Ấn, cho nên ông gặp ở Kapica nhiều nhà tu hành Ấn, theo thuyết khổ hạnh: ở trần truồng, ngồi cầu nguyện trong rừng, chịu cảnh đói lạnh.

Ông nghỉ ở đó hết mùa hè, rồi đến Lampaka, mà từ khí hậu cho đến người, vật và phong tục đều khác các miền trước. Dân thì vui vẻ, thích ca hát, nhảy múa, tuy nhỏ mà nhanh nhẹn, bận áo vải màu rực rỡ. Đúng là dân tộc Ấn Độ. Khí hậu hơi nóng, cây cối um tùm, và có nhiều khỉ. Ông qua sông Indus tới Taxila, viếng nơi mà theo truyền thuyết đức Phật trong một kiếp trước đã thấy một con cọp cái đói, không kiếm được mồi, để nuôi bảy cọp con, bèn động lòng từ bi, từ trên cao đâm đầu xuống gần cửa hang cọp tự hủy thân để nuôi cọp, vì vậy mà đất ở chung quanh đỏ như máu mà cây cối cũng có sắc đỏ.”

Trong Phật giáo có một truyền thuyết đó là chuyện tiền thân đức Phật, có lần đã xả thân đi để nuôi cọp. Thấy bảy cọp con 7 con nằm la liệt, cọp mẹ không biết lấy gì cho con ăn cứ nằm đó mà run, nên Ngài động lòng thương leo lên cây nhảy xuống bên nó để thí thân cho nó, do truyền thuyết như vậy nên ở đó cây cối nó mọc lên sắc đỏ.

“Taxila thuộc về Kâcmir, một nước rất thuần đạo, có hàng trăm chùa và 5.000 sư. Chính nơi đó là đất pháp nguyên của phái đại thừa. Nhà vua nghe Huyền Trang cũng theo phái đó, nên rất kính trọng, thân hành ra biên giới và thỉnh lên ngồi một thớt tượng để cùng song song vô kinh đô.

Vì gặp được một pháp sư bảy chục tuổi, Pháp sư Xứng Lão ¹⁰

10- *Túc Tăng Xứng, Ngài Huyền Trang học với ngài Tăng Xứng các luận Cu Xá, thuận Chánh lý, Nhơn minh, Thanh minh v.v...*

làu thông tam tạng, lại tìm được rất nhiều kinh điển (cộng đến non một triệu rưỡi), Huyền Trang ở lại Kâcmir 2 năm (từ 631 - 633) để học đạo. Trờ rất kính thầy, và thầy rất mến trò, tương đắc nhau lắm. Khi đã hiểu rõ kinh điển rồi, Huyền Trang mới từ biệt nhà vua và thầy học để đi thăm đất Phật. Tính ra, ông xa quê đã bốn năm, trải qua biết bao gian lao, nhưng đã gần tới đích.

Rời Kâcmir tới Cakala, rồi lại đi được ít ngày thì một hôm, qua một khu rừng rậm ông cùng đoàn tùy tùng bị cướp lột hết hành trang, phải trốn trong một cái hang. Nhờ có một đám nông dân hay tin lại cứu đưa tới một chùa Bà-la-môn ở đó. Ông chủ chùa này tin theo đạo Bà-la-môn mà cũng thích nghiên cứu đạo Phật. Huyền Trang xin ở lại một tháng để tìm hiểu thêm đạo Bà-la-môn, rồi mới đi tới Jâlandhars.

Từ đây cuộc du học của ông thích thú vô cùng, tới đâu ông cũng gặp những di tích của đạo Phật, tha hồ mà đọc kinh điển mà thảo luận với các pháp sư, và thỉnh giáo các vị tu hành uyên bác.

Ấn Độ nổi tiếng là một xứ huyền bí, một phần vì địa thế, một phần vì tôn giáo. Về địa thế, xứ đó gần như cách biệt hẳn với các xứ chung quanh; ba phía đông, tây và nam là biển, phía bắc thì có dãy Hy Mã Lạp Sơn cao vòi vọi, rất bất tiện cho sự giao thông; về tôn giáo thì mới bắt đầu có hai đạo chính, đạo Bà-la-môn và đạo Phật, và một đạo nữa là đạo Hồi, từ Ba Tư truyền vào; riêng hai đạo Bà-la-môn và Phật có rất nhiều giáo phái mà lý thuyết khác nhau xa. Đất đai rộng mênh mông như một lục địa nhỏ, chia ra hàng trăm nước, có nước nhỏ chỉ bằng một phần trăm nước khác. Vàng bạc châu báu rất nhiều, đền chùa chỗ nào cũng có. Dân rất mê tín mà chia làm nhiều giai cấp; bọn quý phái mơ mộng trong cung điện hết đi săn thì tưởng thanh sắc, bọn tu hành Bà-la-môn chẳng làm việc gì, chỉ tu hành và rất được trọng, hạng thương nhân nhờ giàu có mà cũng

được nể, hạng nông dân bị khinh bỉ gần như hạng nô lệ; cuối cùng là hạng tiện dân bị các giai cấp khác khinh tởm hơn là ta khinh tởm người cùi, đến nỗi không ai dám lại gần họ và cái bóng của họ chiếu vào vật nào thì vật đó bị coi như dơ bẩn, phải nép đi chứ không ai chịu mó vào nữa.

Tóm lại, từ văn minh đến phong tục, khác hẳn Trung Hoa. Huyền Trang sống non 10 năm ở đấy, có dịp đi khắp các nơi, được trông thấy bao nhiêu điều lạ, rồi bầm sinh có óc nhận xét tinh tế, ghi cả lại trong tập du ký, thành một mớ tài liệu rất quý giá chẳng những giúp người Trung Hoa thời đó mà còn giúp cả những học giả thời nay hiểu Ấn Độ nữa. Chính René Grosset, tác giả cuốn “Sur les traces de Bouddha” cũng phải thán phục tài nhận xét của ông, coi ông vào hàng chân chính nhất thời cổ”.

Kâcmir thuộc Kế Tân, một nước rất thuần đạo, một nước lúc trước là cái bàn đạp, đạo Phật từ đó làm nơi xuất phát để truyền qua Trung Quốc. Khi đạo Phật truyền lên Tây bắc Ấn, Kâcmir là một nước hết sức thịnh hành về Phật giáo.

“Từ Jâlandhara, ông tiến xuống phía đông nam, tới Mâthura, rồi qua phương đông tới thượng lưu sông Gange (Hằng Hà). Ông tả con sông đó y như một nhà khoa học: “Gần nguồn, sông rộng ba dặm, mà gần cửa biển rộng 10 dặm. Nước bình thường thì trong xanh nhưng thường thay màu mà mặt nước mênh mênh. Rất nhiều sinh vật kỳ dị sống trong sông, phần nhiều không làm hại người. Vị của nước ngọt và dễ chịu, cát mịn vô cùng. Người bản xứ coi sông đó là một vị thần, kẻ nào tắm nước sông thì tội hết được tội, nếu uống nước hay chỉ rửa miệng thôi cũng tiêu tan được những khổ não, nếu chết đuối trong sông thì được lên trời. Lúc nào trên bờ cũng có vô số người tụ họp đàn ông lẫn đàn bà”. Ông cho như vậy là dị đoan.”

Ở Ấn Độ có 4 lối hỏa táng, tức 4 lối chôn. Thủy táng: Chết rồi đem bỏ xuống sông Hằng, họ tin rằng hồn sẽ lên Thiên đàng,

Thổ táng: Chôn cất như Việt Nam. Hỏa táng: Tức đem thiêu lấy cốt rải trên nước, núi, đồng ruộng, đất đai hay giữ lại trong hũ kỷ niệm. Và không táng: Là đem bỏ trên đồi vắng cho chim và súc vật ăn. Đó là 4 cách táng. Tuy nhiên ở Ấn Độ hiện nay có cách bỏ xuống nước sông Hằng là cách phổ thông nhất.

“Tới Kanauj, ông không được gặp vua Harsha (Giới Nhật), một người rất mộ Phật, mỗi năm thường họp tất cả các vị pháp sư Ấn Độ tại kinh đô để tranh biện về Đạo, lại mời vị nào đức độ cao nhất, học thức sâu nhất lên ngôi trên ngai vàng của mình mà thuyết pháp.

Khi ngồi thuyền xuôi sông Gange với hai chục người nữa để tới Prayâga, ông gặp một tai nạn kinh khủng. Thuyền qua một khúc sông hai bên là rừng rậm. Một bọn cướp bơi một chục chiếc thuyền ra chặn, lôi cả hành khách lên bờ. Bọn họ thờ nữ thần Durgâ và mỗi năm phải kiếm một người đàn ông đẹp trai, lực lưỡng, giết để tế thần. Thấy Huyền Trang chúng mừng quá vì nước da ông trắng trẻ mà nét mặt tươi nhả, thông minh, bàn với nhau sẽ giết ông. Họ dắt ông tới sân đền, rút gươm ra định hạ thủ, thấy ông vẫn bình tĩnh, họ hơi ngạc nhiên. Ông xin được tụng kinh trước khi chết, chúng bằng lòng. Những người đồng hành khóc lóc thảm thiết; còn ông thì càng tụng kinh, mặt càng tươi tỉnh, sung sướng không biết gì ở chung quanh cả. Đột nhiên một cơn giông nổi lên, thuyền nhồi lên nhồi xuống rồi chìm, cây cối gãy răng rắc. Bọn cướp hoảng sợ, tưởng là ông có phép thần, quỳ xuống xin ông tha tội. Ông mở mắt ra hỏi chúng đã đến giờ chết chưa.”

Cho biết rằng khi nhập tâm định tĩnh rồi thì như trong Kinh nói: Nếu một người phát tâm trở về nguồn thì 10 phương thế giới đều tan biến hết. Chính ngài trong giờ phút này, 10 phương thế giới đều tan biến, đối với ngài không có. Cảnh rừng rợn xung quanh đó đến khi nhập định thì không biết nên ngài mới hỏi: Đã đến giờ chết chưa?

“Khi hay chúng đã đổi ý ông cũng không lộ nét vui. Vừa lúc đó gió ngớt.

Sau Prayàga, ông lại thăm Kaucāmbi, rồi lên phương bắc xứ Népal để viếng các đất Thánh của đạo Phật.

Trước sau ông đã làm lễ những nơi:

1. Nước Gavastis (Xá Vệ) nơi mà xưa đức Thích Ca trú ngụ và truyền đạo lâu nhất.
2. Nước Kapilavastu (Ca-tỳ-la-vệ) nơi ngài chào đời (hiện là tỉnh Gorakhpur).
3. Nước Kusinagara (Câu-thi-ma-kiệt-la) gần Népal, nơi ngài tịch.
4. Thánh Bénares (Ba-nại-la nơi ngài Thành đạo).
5. Nước Vaisali (Vệ-xá-lí? hiện là tỉnh Besarh, nơi mà ngài thích nghỉ chân trong mùa mưa.
6. Chùa Đề La Đà và gốc Bồ-đề.

Trong cuộc hành hương đó, lòng ông rung động, bồi hồi tưởng như lúc nào cũng được nghe những bản nhạc du dương. Đời hy sinh của đức Thích Ca hiện lên, hồi này tiếp hồi khác, rục rờ, đủ từng chi tiết.”

Khi tới thăm cảnh giáng sinh của các thánh tích của Phật thì Ngài tưởng tượng như ngài thấy Phật, thấy Phật từng giai đoạn một.

“Đây là chỗ mà một bà di của Ngài, cũng là mẹ nuôi của Ngài nữa, xin Ngài cho phụ nữ được qui y, sau dựng lên một chùa Phật đầu tiên cho các ni cô “.

Tức di tích của bà Ma-ha Bà-xà-ba-đề, di mẫu của Phật xin đi xuất gia. Bà là người xin Phật đi xuất gia đầu tiên để làm một người nữ xuất gia, mà từ trước ở Ấn Độ chưa có đạo nào khác có và bà là người đầu tiên xuất gia trong giáo pháp của Ngài. Sự xuất gia của bà ban đầu xin Phật không chấp nhận. Vì Phật sợ người nữ vào hàng Tăng giới thì sẽ hỗn độn nên ban đầu

Ngài không chấp nhận. Nhưng sau nhờ Tôn giả Anan xin đức Phật nhiều lần Ngài mới chấp nhận. Khi chấp nhận Ngài ra 8 điều kiện mà trong luật gọi là Bát Kính Pháp. Một người nữ xuất gia thọ giới rồi phải giữ Kính Pháp nữa, tức 8 pháp phải cung kính đối với Tăng. Đó là người nữ xuất gia trong giáo pháp của Ngài vậy.

“Đây là nơi chôn nhau cắt rốn của Ngài. Ôi cảnh vật tang thương. Cung điện xưa kia ở đâu mà nay chỉ còn một vùng cỏ úa dưới ánh tà dương! Kinh đô của vua cha đã bị tàn phá đến nỗi không còn nhận ra chu vi nữa. Cũng may di tích còn lưu lại ít nhiều. Thổ dân còn chỉ được chỗ mà Hoàng Tử đấu kiếm và thắng được đối thủ, chỗ mà lần đầu tiên Ngài thấy cảnh lão, bệnh, tử; con đường mà Ngài theo cái đêm bỏ cha mẹ vợ con, phú quý vinh hoa, rũ sạch bụi trần để đi tìm đạo. Nhớ lại những chuyện đó, Huyền Trang rưng rưng nước mắt mà thấy sự hy sinh của mình còn kém xa sự hy sinh của đức Phật. Người ta đất ông lại thăm một cánh đồng, nơi mà Ngài sụt sùi thấy nông phu bừa đất, nhổ cỏ và giết những sâu và trứng sâu, đau lòng tưởng như người thân của mình bị hại vậy. Ôi! lòng nhân của Ngài mênh mông như vũ trụ! Và ngôi chùa ở mép khu rừng kia, phải là nơi Ngài cởi bỏ áo đẹp, lấy gươm cắt tóc, đưa cho Xa Nặc, bảo y trở về không? Kinh truyện còn chép Xa Nặc khóc ròng và con ngựa của Ngài cũng cảm động, liếm chân Ngài trước khi từ biệt.

Đây là chỗ Ngài tịch. Đã hơn 11 thế kỷ rồi. Ngôi nhà của người thợ rèn đã mời Ngài dùng bữa cơm cuối cùng còn đó. Mà chỗ kia là nơi Ngài nằm nghỉ, nơi người ta cất hỏa đàn để thiêu Ngài.

Ở Bénarès ông đi thăm Lộc viên, nơi Ngài thuyết pháp lần đầu cho năm đệ tử đầu tiên. Huyền Trang còn nghe văng vẳng lời Ngài dạy:

“Hỡi các Tỳ-kheo! Có hai thái cực mà ta phải tránh, một cái là

đời hoan lạc, nó thấp hèn, phù phiếm; một là cái đời khổ hạnh, nó thâm hiểm, xấu xa và vô ích... Hỡi các Tỳ-kheo, đây là chân lý về đau khổ: sanh, lão, bệnh, tử, phải xa cách cái gì mình yêu, đó là khổ. Và đây là nguồn gốc của khổ: Lòng dục (...). Và đây là chân lý về phép diệt khổ: Diệt được lòng dục đó là diệt được khổ “.

Ông ngừng lại lâu ở gốc Bồ-đề. Đây mới là đất Thánh của đạo Phật, nơi đức Thích Ca nhập định và giáo đạo. Hiện nay gốc Bồ-đề cũ không còn, nhưng lúc ông tới thì nó vẫn tươi tốt: “Thân cây trắng vàng, lá xanh và láng, mùa hè cũng như mùa đông đều tươi tốt. Nhưng tới ngày lễ Niết-bàn thì rụng hết một lượt rồi hôm sau mọc ra mơn mớn. Ngày đó các vị vua chúa lại tưới sữa vào gốc cây, đốt đèn, trưng bông, lượm ít lá rồi về”. Sau này người ta xây một bức tường gạch chung quanh và cất một ngôi chùa ở gần cổng bắc vòng thành.

Cạnh gốc cây có một tượng Phật. Người ta đồn có lời sấm rằng khi tượng đó bị đất lấp kín thì đạo Phật thất truyền ở Ấn Độ. Huyền Trang thấy tượng đã bị vùi tới ngực, đoán chỉ độ 200 năm sau thì bị vùi trọn. Lại lòng thay, tới thế kỷ thứ 9, đạo Phật cực suy ở Ấn, trừ vài miền như Magadha và Bengale, không còn mấy người theo nữa.

Ông quỳ ở gốc cây, than thở, cầu nguyện rồi đi thăm cái hồ xưa của đức Thích Ca hay lại tắm, giặt, trước khi lại chùa Nâlandâ (nước Magadha) lưu học.

Ấn Độ có hàng vạn ngôi chùa mà Nâlandâ lớn nhất, đẹp nhất, cũng là trường đại học cổ nhất. Gần như một thành thị riêng biệt.”

Trường đại học cổ nhất ở Ấn, trước cả các trường đại học Tây phương. Huyền Trang đến là đầu thế kỷ thứ 7, cuối thế kỷ thứ 6, khi ấy trên thế giới chưa có mấy Đại học hết. Nalanda có một trường Đại học là cao nhất, chứa cả 3.000 Tăng. Người nào

muốn vào học phải qua một cuộc hạch hỏi mới vô học được, cho biết rằng Phật giáo thời đó rất thịnh hành. Chùa dựng lên 700 năm mà ngài Huyền Trang đến đó cuối thế kỷ 6, như vậy là dựng lên trước cuối thế kỷ 1 trước Tây lịch.

“Chung quanh là một bức tường gạch, ở trong có hàng chục ngôi chùa, vô số nhà ở và phòng hội họp, phòng tụng kinh. Đứng ở các hành lang nhìn ra: Nóc nhà như “bay lên trên khói”, “phong vân nói ở chung quanh” mà “sen xanh rục rở trên dòng nước trong”. Giọng văn ông khi tả cảnh đó bóng bẩy như giọng thi sĩ Trường An.

Chùa có một thư viện rất cổ và đầy đủ: Kinh Đại thừa, Tiểu thừa, Phệ đà (trên 150 bộ), rồi sách thuốc, thiên văn, địa lý, toán, kỹ thuật... luôn luôn lúc nào cũng có mười ngàn tăng lữ lại học thuyết Đại thừa. Kỷ luật rất nghiêm, từ khi chùa dựng lên tới lúc đó, trên 700 năm, chẳng những thường dân mà các vua chúa cũng kính trọng tinh thần của tăng lữ trong chùa, chu cấp cho rất nhiều: mỗi ngày 200 gia đình đem gạo, sữa, bơ, trái cây lại cúng.

Vị sư chủ trì là Giới Hiền pháp sư (Cilabhadra), một nhà học giả uyên bác nhất thời đó, năm ấy đã 106 tuổi mà óc vẫn sáng suốt. Hay tin Huyền Trang tới, pháp sư sai 200 tăng lữ và hàng ngàn tín đồ cầm cờ phướn, dù, đem hương hoa đi đón rước. Tới chùa, Huyền Trang lại chào pháp sư; theo tục trong miền, cũng quỳ gối, đập đầu vào sàn, lạy, xin nhận làm môn đệ. Giới Hiền pháp sư cảm động đến sa lệ: “Ít tháng trước, ta đau nặng, chỉ mong được mau giải thoát. Một đêm ta nằm mộng thấy ba vị ra lệnh cho ta phải sống để đợi một Hòa thượng Trung Hoa tới mà truyền đạo cho. Bây giờ con tới đây, hợp với mộng đó lắm.” Ngài Giới Hiền là Pháp chủ và 106 tuổi thọ. Thân tứ đại đang hành hạ và ngài muốn giải thoát nhưng đêm nằm mộng thấy 3 vị thần nhân bảo là phải đợi 1 vị sư Trung Hoa đến và truyền đạo cho họ rồi mới giải thoát, thì ngài Huyền Trang tới.

“Vì quá già, từ lâu Giới Hiền pháp sư không giảng kinh nữa, lần này mới ráng giảng cho Huyền Trang bộ luận trọng yếu nhất là bộ Du Già luận”.

Du-dà là luận Duy thức học, 100 cuốn.

“Ngày khai giảng, tăng lữ và tín đồ các miền chung quanh họp lại đông như ngày hội. Huyền Trang học rất tiến tới, trong số vạn sư đồ ở chùa, may lắm được 10 người theo nổi ông.

Ông ở chùa 15 tháng (634 sau C.N) học hết bộ Du Già luận và học thêm triết Bà-la-môn và Phạn ngữ, soạn được một cuốn ngữ pháp tiếng Phạn giản lược mà rất đúng.

Ông xin phép Giới Hiền pháp sư đi chu du Ấn Độ để tìm hiểu thêm các giáo phái khác, nhất là tình hình Phật giáo ở mỗi nơi. Ông thăm xứ Bengale, xuống hải cảng Tâmralipti, trên vịnh Bengale định đóng ghe ra đảo Tích Lan, (trung tâm của phái Tiểu thừa) nhưng có kẻ khuyên ông đừng đi đường biển, vì sóng gió, ông bèn theo đường bộ, men biển mà tiến xuống Tây Nam, tới ngang đảo Tích Lan rồi sẽ đón ghe, như vậy chỉ mất ba ngày biển.

Trên đường, ông thăm xứ Odradeca, Kalinge, Andhra, Pallava (ông tới đây năm 640).

Theo René Grousset, Huyền Trang không qua đảo Tích Lan vì trong đảo đương có nội loạn và nạn đói, nhưng theo ông Trần Hà trong bài Trần Huyền Trang và chuyến thỉnh kinh lịch sử (Bách Khoa số 57, 68 và 60) thì Huyền Trang có vượt biển qua Tích Lan, chưa rõ thuyết nào đúng.

Tới cực Nam Ấn, ông theo bờ biển phía Tây, mà lên tới gần ranh giới Ấn Độ - Ba Tư, qua những xứ Mahârâshtra, Nasik, Bharukacha. Nhận xét được điều gì ông cũng ghi chép kỹ lưỡng. Mà những nhận xét đó thường rất đúng, chẳng tính tình cũng giống Mahratte ở nước Mahârâshtra (Calukya), hồi ông đi qua ra sao, thì bây giờ cũng vậy; bình dị, ngay thẳng, nhưng

tự ái và nóng tính, trọng nghĩa và khinh chết hy sinh để báo ân mà mạo hiểm để báo oán, và rất đàng hoàng, báo trước cho kẻ thù biết rồi mới ra tay.

Tướng của họ mà bị cầm tù thì thà chịu chết như không chịu cái nhục để kẻ thắng bắt mình phải bần quần áo đàn bà. Giống người đó là giống thượng võ nhất ở Ấn Độ.

Những ghi chép của ông về công việc dẫn thủy nhập điền và những tư lự của Ba Tư cũng rất đúng, mặc dù ông qua xứ đó mà chỉ nghe người ta kể lại.

Đến cực Tây Ấn Độ sau khi khảo sát phong tục, tôn giáo, kinh điển trong các chùa khắp nơi (có chỗ ông ở lại học đạo 1, 2 năm), ông băng qua trung bộ Ấn mà qua phía đông, tới xứ Magadha và trở lại chùa Nâlandâ. Lần này ông ôn lại tất cả những điều đã học được, rồi suy nghĩ để tìm chân lý.

Giới Hiền pháp sư vẫn còn sống sai ông chủ trì cuộc diễn giảng về Nhiếp đại thừa luận. Ông Trần Hà, trong bài đã dẫn, chép rằng:

“Bây giờ nhà sư Tử Quang, cũng được xem là đệ tử hữu danh của Giới Hiền pháp sư, không phục sự chủ trì của Huyền Trang..., nhưng khi Huyền Trang viết 3.000 câu tụng “Hội tông luận” thì cả chùa Tăng chúng đều phục cả, Giới Hiền pháp sư cũng khen nức nở. Tử Quang thấy sự học của mình còn non kém, xấu hổ bỏ chùa ra đi, hơn năm sau mới trở lại.

“Cũng lúc ấy, có một người Bà-la-môn viết 40 điều lý luận đem dán trước cửa chùa Na-lan-đà, thách rằng: - Nếu ai bác được điều của ta, ta sẽ tự cắt đầu tạ lỗi.

Mấy ngày sau, vẫn chưa ai dám biện bác. Huyền Trang bèn thỉnh Giới Hiền pháp sư đến chứng kiến để ông tranh luận với người Bà-la-môn ấy. Rốt cuộc, người Bà-la-môn đuối lý và yêu cầu được làm theo lời hứa. Huyền Trang đáp: - Hòa thượng không được sát sanh.

Những truyện đó không chắc đã đúng nhưng có thể tin được. Một người đã từng trải, học rộng, bầm tẩm lại ôn hòa, nhã nhặn như ông tất không hiểu thắng; nhưng trong một xứ giáo phái lộn xộn như Ấn Độ, lại được mục kích những cuộc tranh biện rất thường giữa các giáo phái, thì thế nào ông cũng phải đưa ý kiến, có khi để hòa giải, cũng có khi để vạch chỗ sai lầm. Ta đã biết, ông cũng như đa số các Hòa thượng uyên bác của Trung Hoa, thiên về Đại thừa, ông đứng ra hòa giải các tiểu phái trong giới theo Đại thừa ở Ấn, bảo rằng cái hại là do người trước chú thích kinh điển theo ý riêng của mình, nhưng cái hại đó không lớn, chẳng qua chỉ là đại đồng tiểu dị, vậy ta nên bỏ tiểu dị mà theo đại đồng cho khỏi xung đột nhau.

Đối với Tiểu thừa, ông nghiêm khắc hơn. Ông chỉ trích mạnh nhất là đạo Bà-la-môn, và những giáo phái chủ trương khổ hạnh, theo những tục kỳ cục, dã man. Có bạn lấy tro cọ vào người tới khi da trắng bệch ra cho như vậy mới đắc đạo. Có kẻ không bận quần áo, tóc lông đều nhổ hết, trần như con nhộng. Có tinh thần Khổng học, có óc lương tri, ông không chịu được những xuẩn động đó. Ông bực mình thấy những “tu sĩ” đeo vào cổ một chuỗi mảnh sọ người, hoặc bận những quần áo dính đủ các thứ dơ, ăn những thịt thối để cho “tâm hồn được giải thoát”. Vua một nước láng giềng, nước Kamarupa (vua Cưu-ma-la nước Ca-ma-lâu-bà, hiện này là tỉnh Assam) hâm mộ tài ông, mời ông tới kinh đô giảng kinh. Nhưng đồng thời vua Harsha (vua Giới Nhật), một vị quân chủ hùng cường nhất Ấn Độ thời đó, cai trị gần hết Bắc Bộ Ấn, lại có tài văn thơ rất sùng đạo Phật, cũng muốn rước ông lại kinh đô là Kanauj (Khúc Nữ thành). Vua Kamrupa phải phục tùng vua Harsha, bỏ chương trình của mình, rồi cùng hai vạn thớt voi, ba vạn thuyền, dẫn cả binh lính hộ tống Huyền Trang tới Karughira, chỗ vua Harsha đương cắm trại. Huyền Trang tới vào lúc tối. Nóng lòng, vua Harsha không chịu đợi đến sáng hôm sau, sai đốt đuốc rồi cùng

các tướng tá đi đón. Gặp Huyền Trang, nhà vua quỳ xuống đất, hôn chân ông, đeo hoa đầy người ông. Ít bữa sau nhà vua rước ông và vua Kamarùpa về kinh đô là Kanauj (năm 643). Quân đội của hai nước lần đó hợp lại; thành một cuộc rước long trọng chưa từng thấy. Tiếng chuông, tiếng trống, tiếng đờn, tiếng sáo vang lừng trên sông. Tiểu vương các nước chư hầu cũng lại tiếp rước. Tính ra có 18 quốc vương trung bộ Ấn Độ, ba ngàn tăng lữ Đại thừa và Tiểu thừa, hai ngàn Bà-la-môn và một ngàn tăng lữ ở chùa Nâlandâ tụ họp tại Kanauj để nghe ông thuyết pháp. Đàn dựng lên rồi, tượng Phật bằng vàng đã rước lại. Tượng Phật tới đâu thì vua Harsha cho rắc vàng bạc, châu báu tới đó. Rồi tiệc dọn cho mọi người; bảo vật tặng cho tăng lữ.

Huyền Trang ngồi ghế Luận chủ, giảng về phá ác kiến luận và nhiều nguyên lý Đại thừa khác. Vua Harsha lại cho chép bài giảng của ông, đem dán ở cửa để mọi người coi, dưới bài thêm rằng hễ ai vạch được một chỗ sai thì để đền ơn, nhà vua sẽ cho người đó được chặt đầu mình. Huyền Trang đâu có muốn như vậy! Khi chính trị xen vào tôn giáo thì chân lý phải lu mờ! Được 18 ngày mà vẫn không có ai dám lại biện luận với ông cả. Vua Harsha cả mừng, tuyên bố là phái Đại thừa đã toàn thắng và tặng Huyền Trang một vạn đồng tiền vàng, ba vạn đồng tiền bạc, một trăm bộ quần áo bằng vải tốt, một thớt voi, đỡ ông lên ngồi trên bành, dạo khắp kinh đô. Tăng lữ phái Tiểu thừa và Bà-la-môn oán lắm, nhưng không dám bạo động. Vua Harsha đem hết cả châu báu của cải trong kho phân phát cho dân chúng, chỉ giữ một bộ đồ vải thô. Nhưng 18 vua chư hầu của ông ta vội vàng thu nhặt của cải trong dân gian để mua lại những bảo vật mà vua Harsha đã phân phát rồi tặng lại nhà vua. Thế là châu lại về hợp phố mà vua Harsha được tiếng khen là theo đúng bài học từ bỏ phú quý của đức Thích Ca.

Huyền Trang không phục nhưng cũng không dám chỉ trích, xin phép về Trung Quốc. Nhà vua giữ lại, các tăng lữ chùa Nâlandâ

cũng khuyên ở lại. Ông đáp:

“Trung Hoa ở xa Tây Trúc, đường đi lại hiểm trở cho nên đạo Phật truyền tới trễ mà ít người hiểu được kỹ lời dạy của đức Thích Ca. Chính vì vậy nên bản tăng mới lặn lội đến đây để cầu đạo, nay đã học xong, xin được về nước để chỉ lại cho những người không được may mắn lại đất Phật như bản tăng. Bản tăng đâu dám quên lời khuyên tự giác rồi giác tha của thầy”.

Vua Harsha (Giới Nhật) nghe vậy không dám cản nữa, nhưng xin cho sứ giả đưa về đường biển để có dịp trình quốc thư lên vua Thái Tông. Ông cũng từ chối vì đã hứa với vua Cao Xương là khi về ghé nước đó ở lại ít năm: Món nợ danh dự đó không thể không trả.

Vua Harsha tặng ông nhiều bảo vật, thớt voi, sai một đoàn hộ tống ông tới biên giới Ấn, lại viết nhiều thư thư giới thiệu ông với các vua các miền ông đã qua. Còn kinh điển và tượng Phật thì sai người chở theo. Vua Kamarupa (Assam) cũng tặng ông một chiếc áo ngự hàn, và cùng với vua Harsha đưa ông mấy chục dặm ra khỏi thành. Lúc từ biệt ai nấy đều sa lệ.

Lòng quyến luyến của hai quốc vương đó thực cảm động. Ba ngày sau, Huyền Trang ngạc nhiên thấy một đoàn k? binh đuổi theo đi đầu là hai vua, lại tiễn thêm một đoạn đường nữa, rồi lại bùi ngùi lúc chia tay. Lần này thì vĩnh biệt. Bốn năm sau vua Harsha bị giết và một đoạn sử rục rờ của Ấn Độ kết thúc.

Huyền Trang nghỉ ở Bilsar (phía bắc Kansuj) hai tháng trong mùa mưa năm 643, rồi đi ngược con đường cũ, qua Jalandhara Taxila. Miền đó đầy kẻ cướp nhưng ông được yên ổn vì họ hiểu công việc thỉnh kinh của ông.

Đầu năm 644, ông qua sông Indus. Tới giữa sông, sóng nổi lên dữ dội, một chiếc thuyền nghiêng ngả, người giữ kinh té xuống nước, cứu được, nhưng mất nhiều cuốn kinh chép tay và nhiều hạt giống.

Vua nước Kapica hay tin ông tới, lại đón ông ở bờ sông, thấy vậy sai người đi chếp ngay những kinh đã mất. Nhiều vua khác cũng đi xa hàng chục dặm để tiễn biệt ông vì tới đâu dân chúng cũng tiếp rước ông long trọng. Tính ra ông ở Ấn Độ 10 năm.” Ở Ấn Độ 10 năm, đi về 7 năm.

“Coi trên bản đồ, độc giả thấy tới Badakhsan ông không theo con đường cũ đưa tới Thiết Môn Quan mà rẽ qua hướng đông. Vua Kapica đã dự bị cho ông đủ vật thực, y phục, lại sai trăm người đưa ông qua Đại Tuyết Sơn vì biết rằng quãng đường leo núi đó khó khăn nhất. Ông leo lên mất 14 ngày. Cảnh vô cùng lạnh lẽo, hoang vu; không có một ngọn cây, chỉ toàn đá chồng chất lên nhau tới hút mắt. Núi cao và gió mạnh đến nỗi chim không dám bay qua.

Hết Đại Tuyết Sơn rồi đến Thông Lĩnh. Người trong miền vì lạnh quá, sống trong hang thú vật, kể chuyện có lần hàng ngàn thương nhân và lạc đà qua đó gặp cơn bão tuyết bị vùi trọn trong tuyết. Họ lại kể có hai vị Phật sống, ngồi tham thiền, không ăn uống, không cử động, trong một cái hang từ 700 năm rồi mà da thịt chỉ khô chứ không rã. Và còn nhiều truyện quái đản hơn nữa.

Ông tới Kashgar, Yarkand (Ka-Tan), Vu Điền là một tiểu quốc phong phú nhờ đất tốt, trồng dâu được. Hồi xưa Trung Hoa giữ kín cách trồng dâu và nuôi tằm vì đó là nguồn lợi rất lớn. Chắc độc giả đã biết thời Trung Cổ lục Trung Hoa chở qua Châu Âu đất tới nỗi cứ bắt lên cân mà đổi lấy vàng. Tương truyền vua Vu Điền cưới được một công chúa Trung Hoa và công chúa đã đem lên theo được một ít hột dâu và ít con tằm làm giàu cho nước của chồng mà bí mật của Trung Hoa từ đó bị tiết lộ, truyền qua Byzance rồi Châu Âu.

Vua Vu Điền lưu ông lại bảy tháng để giảng đạo cho dân chúng nghe. Ông nhờ một đoàn thương nhân bản xứ đem giúp một tờ biểu về Trường An để xin phép triều đình được nhập cảnh (vì

trước ông lên đi).

Cuối tờ biểu có đoạn:

“... (Huyền Trang tôi) chu du lịch lãm đến mười bảy năm (tính theo Trung Hoa), nay đã từ nước Bát-la-gia-già qua cõi Già-tất-thí, vượt núi Thông Lĩnh qua sông Ba mê, đi về đến nước Vu Điền. Vì có đem theo con voi lớn đi, nó chết đuối mất, kinh bản đem về rất nhiều, chưa mượn được xe chở, vậy phải tạm đình ở lại. Chưa kịp ru rổi về để sớm yết kiến chốn hiên bệ. Khôn xiết ngóng trông. Cần sai người tục nước Cao Xương tên là Mã Huyền Trí theo bọn thương lữ đi về trước dâng biểu tâu lên vua nghe” (Đông Châu dịch - Ông Đường Tăng Huyền Trang - Nam phong số 143, tháng 10/1929).

Trong thời gian đó, ông cũng sai người đi lấy những bản kinh mà vua Kapica sai chép lại cho ông.

Tới địa phận Trung Quốc, ông ngừng lại ở Sa Châu (huyện Đôn Hoàng) để đợi chiếu chỉ của vua Đường. Triều đình mới đầu cũng bất bình vì ông dám vi lệnh, nhưng trên 10 năm đã qua, danh tiếng của ông đã lên, công của ông lớn, làm vẻ vang cho nước nhà ở những nơi xa lạ, nên vua Thái Tông được thư ông rất vui, xá tội và bắt các quan địa phương phải tiếp đón, giúp đỡ ông trên đường về.

Một ngày đầu xuân năm 645, đường phố Trường An tưng bừng già trẻ, trai gái dắt dìu nhau đi đón, hoan hô ông nhiệt liệt. Cờ, phướn, vông lọng phát phối, tiếng chuông tiếng trống vang lừng, hương khói nghi ngút, cảnh náo nhiệt còn hơn ngày Thượng nguyên. Các hòa thượng ở kinh đô họp nhau lại khiêng kinh điển, tượng Phật về chùa Hoàng Phúc.

Ông đã xa quê mười sáu năm, đi gần ba vạn cây số qua 123 nước và đem về được:

- 150 Xá lợi tử.

- 7 tượng Phật bằng gỗ quý cao từ thước tới 3 thước 50.

Và 647 bộ kinh. Và dịch xong 75 bộ 1.335 cuốn.

Ít bữa sau, ông đến thành Lạc Dương yết kiến vua ở cung Phụng Lô, vua Thái Tông hỏi sao ông đi Tây Trúc mà không tâu trước, ông đáp:

Kẻ hạ thần đã có tâu, nhưng việc nhỏ quá cho nên không được đệ lên. Rồi vì quá mộ đạo, nên phải lặn đi, thực mang tội lớn.”

Câu trả lời quá hay, quá khôn, cho nên chúng ta cũng phải bắt chước. Nội một chuyện vi lệnh vua là một tội rất lớn, đến khi Vua hỏi trả lời sao nói cho Vua tha tội đó đi. Ngài trả lời rất khéo. Ngài cho rằng: Kẻ hạ thần đã tâu trình nhưng vì việc quá nhỏ nên không đáng để ý, không đáng đệ lên. Nói như vậy Vua cũng vừa lòng vì nó nhỏ quá, nên cũng không chấp làm gì.

“Vua chỉ mỉm cười, hỏi thăm về những nước Huyền Trang đã qua. Vua lại khuyên ông làm quan, ông từ chối.

Các nhà thám hiểm Tây phương, mười nhà như một, hễ về tới nước rồi thì xin triều đình hoặc chính phủ được đi nữa, mà người ta cũng khuyến khích họ đi, vì lần thứ nhất chỉ là để dò đường, nhưng lần sau mới là để đặt cơ sở và mưu lợi. Huyền Trang rất có thể kể tình muốn giao hiếu với Trung Quốc của các vua Cao Xương, Harsha, Kapica..., và xin Đường Thái Tông cho mình trở lại các nước đó với một bọn thương nhân, rồi sau với một số quân đội để khuếch trương đế quốc Trung Hoa như chính sách của Bồ, Ý, Hòa, Anh, Pháp sau này”.

Nhưng không. Lòng ông đâu ti tiểu như vậy!”

Các nhà thám hiểm kia không phải đi thám hiểm không đâu, họ lấy tiền của của nước họ, họ tới chỗ nào thì để ý và sau dẫn quân tới xâm chiếm nước đó. Ngài Huyền Trang thì không. Nếu là người khác thì có thể xúi Vua Trung Hoa tới giao hảo hòa hiếu sau đó đem quân xâm chiếm. Nhưng lòng ông không có ti tiện, ti tiện như những nhà thám hiểm phương Tây.

“Từ chối hết tất cả danh vọng, ông chỉ nghĩ đến việc dịch những

kinh ông đã thỉnh ở Ấn Độ về phổ biến trong quần chúng. Ta quý ông ở chỗ đó, ông được ngồi riêng một chiếu trong hàng vĩ nhân thế giới cũng ở chỗ đó. Mà công việc dịch kinh của ông cũng vĩ đại như chuyến thỉnh kinh đã làm cho đạo Phật truyền bá rất mau, rất rộng trong cõi Đông Á, đã làm cho tiếng tăm đời Đường chói lọi trong lịch sử nhân loại.

Mới về nước được hơn một tháng, ông bắt đầu ngay công việc dịch kinh đại qui mô và mãi miết làm luôn 19 năm cho tới khi chết.

Ta đã phục óc khoa học của ông khi đọc những trang du ký, trong đó ông ghi chép rất đúng và rất tỉ mỉ từ địa thế, khí hậu tới dân tình, phong tục..., các miền ông đi qua; ta lại càng thán phục hơn nữa khi thấy ông tổ chức công cuộc dịch thuật rất có phương pháp, rất chu đáo, tưởng như ngày nay, trong thời đại khoa học này cũng chưa chắc có cơ quan văn hóa làm hơn được. Ông về chùa Hoàng Phúc ở Trường An, mời các vị cao tăng thông cả Hoa ngữ lẫn Phạn ngữ lại hợp tác với ông.

Bắt đầu là phiên âm những từ ngữ Phạn về triết lý ra tiếng Hán, ghi nghĩa từ ngữ, rồi tìm trong Hoa ngữ những từ ngữ để dịch cho đúng, nếu không có thì tạo ra.

Sau đó là chia nhau ra dịch, nếu ai gặp một chỗ nghi vấn thì hỏi những vị “dịch chủ”, tức ai gặp một chỗ nghi chủ yếu, học thức uyên thâm.

Dịch xong cuốn nào thì một người đọc bản chữ Phạn, một người dò trong bản Hoa xem có chỗ nào dịch chưa sát không; nếu có thể thì bàn bạc lại với dịch chủ để sửa chữa.

Rồi còn lại một lần nữa về cách chia tiết, chương, đoạn và cách chấm câu xem có đúng không. Công việc này có thể làm ngay sau công việc dịch, trước công việc dò nghĩa. Tiếp tới việc đẽo gọt lại câu văn.

Sau cùng lại so sánh cả hai bản nguyên văn và dịch văn lại một

lần nữa, xem thật đúng và điều luyện chưa.

Huyền Trang lãnh việc dịch những kinh khó nhất và chỉ huy công việc dịch những kinh khác. Trong ba năm đầu, ông dịch được chín loại kinh (trong số đó có hai bộ Đại Bồ tát Tạng kinh và Phật Địa kinh); năm 648, ông đem dâng vua Thái Tông ở Ngọc Hoa cung.

Nhà vua ngự chế bài tựa “Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo Tự”, rồi sai một vị Hòa thượng dùng lối chữ Vương Hy Chi chép lại để khắc lên bia. Một nhà đại thư pháp Chữ Toại Lương cũng sao lại hai bản, một bản khắc lên Nhạn Tháp của chùa Từ Ân, một bản tại Đồng Châu, hiện hai bia đá có vẫn còn (theo Trần Hà).

Đây là một đoạn trong bài tựa:

“Nay có thầy Huyền Trang pháp sư là kẻ lãnh tụ chốn pháp môn. Nhỏ đã linh mãnh, tâm tam không, sớm lĩnh ngộ từ xưa, lớn lên lại thần tình, hạnh tứ nhẫn trước bao hàm đủ cả (...), lưu tâm cõi Nội từng thương chính pháp suy tư, để ý cửa huyền, lại khái thâm văn sai huyền. Nghĩa muốn chia điều tách lẽ, thêm rộng riển văn; diệt nguy tục chân, khai cho hậu học. Vậy nên ngóng đất Tĩnh qua chơi cõi Tây, mạo hiểm xa đi, một mình vò vố (...). Chu du Tây vực, mười lẻ bảy năm, duyệt lịch nước người, hỏi tìm chánh giáo (...). Những nước kinh lịch đã qua, tóm thu được tam tạng kinh văn, phàm sáu trăm năm mươi bảy bộ, đem về dịch ra truyền bá nơi Trung Quốc, để tuyên dương thắng nghiệp. Thánh giáo khuyết mà lại tròn, thương sinh tội mà lại phúc. Tước tắt ngọn lửa nồng Hỏa trạch, tốt ra khỏi đường mê; lắng trong luồng sóng đục Ái-hà, cùng bước lên bờ giác. Thế mới biết ác nhân nghiệp trụ, thiện bởi duyên thăng, cái cố thăng hay trụ đều bởi tại người cả (...). Những mong kinh này thì khắp, trải bao nhật nguyệt vô cùng phúc nợ nhuần xa, cùng với kiến khôn rộng khắp, ĐÔNG CHÂU dịch. (Tài liệu dẫn trên).

Tháng 10 năm đó, Hoàng thái tử cho xây chùa Từ Ân ở Trường An và một viện dịch kinh trong sân chùa, mời Huyền Trang dời ban phiên dịch về đó.

Năm sau ông dịch mười bộ nữa. Năm 660, ông bắt đầu dịch bộ kinh lớn nhất và khó nhất, bộ Đại bát nhã kinh. Môn đệ thấy sức ông đã yếu mà kinh lại dài, đề nghị dịch tóm lại, ông không chịu, cho như vậy là cầu thả, làm hại đến nguyên ý. Ông quyết tâm dịch sát, không thêm bớt. Tốn công nhất là phải tham khảo trước khi dịch. Vì có ba bản Đại bát nhã kinh khác nhau, đều mang ở Ấn Độ về. Gặp mỗi chỗ đáng nghi ông suy nghĩ, so sánh rồi mới dám hạ bút. Tới cuối năm 663, ông đã dịch được sáu trăm quyển.

Ngoài ra ông có để lại cho hậu thế được ba công trình này nữa: Bản dịch Đạo Đức kinh ra chữ Phạn để giới thiệu triết học Trung Quốc với Ấn Độ.

Viết bộ Đại Đường Tây Vực ký, gồm 12 quyển chép hết những điều mắt thấy tai nghe trong chuyến thỉnh kinh qua 128 nước. Bộ này chứa những tài liệu rất quý cho các nhà khảo cổ Ấn Độ và Trung Á sau này, được dịch ra nhiều thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Nhật, Đức... và đã giúp các học giả Ấn Độ sửa lại nhiều điều sai lầm trong lịch sử của họ về thế kỷ thứ 7.

Đặc biệt nhất là bản dịch Đại thừa Khởi Tín luận từ Hoa ngữ ngược về Phạn ngữ. Nguyên bản chữ Phạn của Ấn Độ đã thất lạc từ lâu, nhưng ở Trung Hoa còn giữ được bản dịch ra chữ Hán; bây giờ ông dịch ngược lại để đền ơn những tôn sư và bạn thân Ấn đã niềm nở dạy bảo hoặc tiếp đón ông (theo Trần Hà). Để thực hành sự nghiệp vĩ đại đó, ông tổ chức đời sống một cách nghiêm khắc. Mỗi buổi sáng ông lập chương trình phải dịch bao nhiêu tờ, nếu ngày làm không xong thì đêm phải thức để làm nốt, không được chậm trễ. Thường canh ba ông mới đi nghỉ, canh năm đã dậy, thuyết pháp cho trên 100 môn đệ, rồi lại dịch; ngày nào như ngày nấy, năm này qua năm khác, luôn

19 năm. Nghị lực cùng sức làm việc của ông thực kinh thiên. Như tôi đã nói, trước Huyền Trang đã có vài người như Cưu-ma-la-thập dịch kinh Phật. Sau ông, Nghĩa Tịnh qua Ấn thỉnh thêm được bốn trăm bộ kinh nữa, nhưng dịch không được mấy. Ta có thể nói trước sau, hai phần ba công dịch kinh Phật là về ông.

Theo Lương Khải Siêu công việc đó chẳng những làm cho đạo Phật phát triển mạnh ở khắp Đông Á mà còn ảnh hưởng lớn đến ngôn ngữ và văn học Trung Hoa.

Từ ngữ Trung Hoa đã giàu thêm được ba vạn rưỡi tiếng, căn cứ vào bộ Phật giáo đại từ điển. Có những tiếng dịch âm tiếng Phạn như Niết-bàn, Sát-na (một thời gian rất ngắn), phù hộ (chùa Phật); có tiếng dịch nghĩa tiếng Phạn như: Vô minh, chúng sinh, nhân duyên, chân như... Mà thêm được 35.000 tiếng là thêm được 35.000 ý niệm.

Văn bạch thoại phát đạt vì lẽ khi dịch người ta lựa những tiếng bình dị cho dễ hiểu, do đó, bỏ cổ văn, dùng bạch thoại.

Văn thể thay đổi. Phạn ngữ và Hoa ngữ khác nhau. Nhờ công việc dịch mà có sự tiếp xúc, dung hòa giữa hai ngôn ngữ. Chẳng hạn như kinh Phật, không dùng hư từ, đối ngẫu mà rất hay đổi trang..., đặc điểm đó ảnh hưởng một phần đến văn học đời Đường, nhất là về phương diện âm vận.

- Văn nhân Trung Hoa vốn ít tưởng tượng mà hay đọc thuyết lý, nhờ đọc những truyện tân kỳ trong kinh Phật mà bắt chước viết những tiểu thuyết thần quái. Như bộ Sưu Thần Ký, và những truyện Thủy Hử, Hồng Lâu Mộng sau này đều chịu ảnh hưởng của các kinh Đại Trang Nghiêm, Niết-bàn.

Có văn nhân thi sĩ nào ở đời Đường và cả những đời sau mà ảnh hưởng lớn đến bậc đó không?

Nhưng đã đến lúc Huyền Trang thấy sức suy lặn, tự biết không còn sống được bao lâu nữa. Ông nhớ họ hàng, làng mạc. Các

ông anh đã qui tiên cả, chỉ còn một bà em. Ông về quê, mừng mừng tủi tủi cùng với em đi tảo mộ tổ tiên. Vẫn còn cái tinh thần của một nhà nho, mặc dù đã trên bốn mươi năm hy sinh cho đạo Phật. Tâm hồn ấy đẹp quá.

Một hôm, ông dặn dò đệ tử: “Đời này sắp hết. Thầy nằm xuống thì đừng bày vẽ gì cả đấy nhé. Quán thầy trong một chiếc chiếu rồi chôn trong một thung lũng, chỗ nào vắng vẻ, tịch mịch nhé?”. Trước khi tịch ông như bình tĩnh, nói: “Ta thấy một bông sen lớn ở trước mắt, tươi đẹp lạ lùng!”. Ba mươi lăm năm trước ông thấy một bông sen đưa ông từ biển cả đến ngọn núi Phật, bông sen lần này sẽ đưa ông lên cõi Phật.

Ông tịch ngày mùng 5 tháng 2 năm Tân Đức nguyên niên (644). Ngày 14 tháng 4, một triệu người ở Trường An và tứ xứ lại đưa linh cửu ông tới an táng ở Bạch Lộc Nguyên¹¹. Vua Thái Tông lúc đó đã băng; Vua Cao Tông khóc ông và ra lệnh cho đám táng cử hành rất long trọng. Sau đó, ba vạn người đến cất nhà cư tang ở bên mộ. Trong lịch sử nhân loại, từ xưa đến nay, chưa ai được cái vinh dự ấy”.

Trước khi chết, Ngài Huyền Trang dặn, khi chết chỉ cuốn trong chiếu mà chôn. Đây là điều ta cần học. Mình đâu có vĩ nhân thông minh bằng Ngài, đâu có khí tiết bằng Ngài. Cái gì cũng thua hết. Thậm chí Ngài còn dặn, đừng chôn gần, chôn ở chỗ vắng vẻ để khỏi ô uế.

Thích Thiện Siêu

11- Theo Roné Grosset thì ở chùa Từ Ân. Có sách nói là ở chùa Tây Minh. Bạch Lộc Nguyên là một khu đất ở gần chùa Từ Ân chăng?

TÓM LƯỢC ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI (HIỀN TÀI DỰ PHONG) & THỂ THỨC NỘP HỒ SƠ

I.- ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP.

Muốn gia nhập vào Ban Thế Đạo với danh xưng Hiền Tài Dự Phong, các ứng viên cần phải hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1- Phải là Tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (có nhập môn).

2- Hội đủ một trong các điều kiện về Văn hóa, chuyên môn hoặc các điều kiện đặc biệt dưới đây:

* Tốt nghiệp Đại Học ở hải ngoại (Bằng BA, BS hoặc tương đương trở lên)

* Hoặc tốt nghiệp bằng Tú Tài II hoặc Cựu Sĩ Quan (thời kỳ trước năm 1975) cấp bậc từ Đại Úy trở lên hiện sinh sống ở hải ngoại.

* Hoặc những nhà kinh doanh, nhân sĩ có đạo tâm có công nghiệp giúp ích cho Đạo.

3- Đối với các trường hợp (a, b, c, d, và e) cần được sự tiến cử của Chức sắc Thiên Phong cấp Giáo Hữu trở lên hoặc của ít nhất là (01) một vị Hiền Tài trở lên. Nếu người tiến cử là Chức sắc Hành Chánh Đạo tại địa phương (cấp Châu Đạo, Tộc Đạo) thì (01) một vị Quyền Đầu Tộc đương quyền hành Đạo trở lên tại địa phương đó có quyền đứng ra tiến cử.

Tại các địa phương chưa có Tộc Đạo, Chức Việc trong Bàn Trị sự được quyền đứng ra tiến cử nhưng phải có ít nhất là (02) hai vị trở lên mới hợp lệ.

I.- HỒ SƠ XIN GIA NHẬP.

Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

a- Đối với Quý vị Hiền Tài Khóa VI :

Quý vị thuộc Hiền Tài Khóa VI trước đây được trân trọng mời tham gia hoạt động trong Ban Thế Đạo, không cần phải lập lại toàn bộ Hồ sơ (không cần người Tiến cử, miễn chứng minh về điều kiện văn hóa chuyên môn . . .), mà chỉ cần hoàn tất các thủ tục dưới đây:

*Nếu còn Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ: Chỉ cần làm Phiếu Gia Nhập (Mẫu HT6/1) và kèm Bản chính Biên nhận nộp Hồ sơ là hợp lệ (Bản chính sẽ được hoàn lại).

*Trường hợp Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ bị thất lạc, chỉ cần làm Tờ Cam Kết (Mẫu HT6/2).

b- Đối với Ứng viên Hiền Tài Dự Phong thuộc thành phần-Trí Thức ở Hải ngoại: Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

-Phiếu Gia nhập Ban Thế Đạo (Mẫu A)

-Tờ Tiến cử (Mẫu B).

-Bản sao (Photocopy) các Văn Bằng, Chứng Chỉ theo quy định.

-Giấy Nhập Môn vào Đạo (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh).

***Các Trường hợp đặc biệt:**

b1- Đối với con em trong gia đình Đại Đạo (Tòa Thánh Tây Ninh):

-Nếu đã Nhập Môn nhưng Giấy Nhập Môn bị thất lạc, cần phải Tái Thê.

-Nếu chưa Nhập Môn, thì cần đến các Cơ sở Hành Chánh Đạo như Hương Đạo, Tộc Đạo.. để làm lễ Nhập Môn vào Đạo.

b2- Đối với con em gia đình Đại Đạo (Không thuộc Tòa Thánh Tây Ninh) và những người chưa nhập môn vào Đạo:

-Nếu hội đủ các điều kiện về Văn hóa chuyên môn, về Tiến cử . . . , được nộp Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo nhưng Giấy Nhập Môn phải nộp bổ sung trong vòng (06) sáu tháng.

c- Đối với những Vị có Tú Tài II trở lên và những vị Sĩ Quan cấp bậc từ Đại Úy trở lên (Trước năm 1975 chưa có

cơ hội gia nhập vào Ban Thế Đạo) : Nếu muốn gia nhập, hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng cần lập đủ Hồ sơ như quy định cho thành phần Trí Thức ở Hải ngoại (Điểm b, Mục II).

d- Đối với những vị đã có đóng góp công nghiệp đặc biệt cho Đạo:

- Được miễn Điều kiện về Văn hóa chuyên môn.
- Cần hội đủ điều kiện về Tiến cử, về Nhập môn quy định.
- Giấy chứng minh đóng góp công nghiệp cho Đạo.

III - NƠI NỘP HỒ SƠ.

Hồ sơ gửi về Ban Thế Đạo Hải Ngoại, địa chỉ:
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
Số: 3076 Oakbridge Dr,
SAN JOSE, CA.95121-1716

IV - THỜI HẠN NỘP ĐƠN.

Không có thời hạn. Ban Thế Đạo Hải Ngoại luôn luôn lúc nào cũng hân hoan đón nhận các hồ sơ gia nhập.

V- NƠI LIÊN LẠC CẦN THIẾT:

- HT. Nguyễn ngọc Dũ:- Phone: 408-238-6547
Email: dutani@comcast.net
- HT.Nguyễn văn Cầu- Phone: (408) 292-2686.

Nội Luật Ban Thế Đạo

.....
Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế sẵn có Đạo tâm, giàu lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo, nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội, chưa thể Đời hành Đạo được. Ban Thế Đạo là nơi dụng hiền, tạo cơ hội cho những bậc có Đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy.

**Trích Chương Mở Đầu
Nội Luật Ban Thế-Đạo**

Tập San Thế Đạo

Chủ Trương

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Thực hiện & Trách nhiệm

HT Nguyễn Ngọc Dũ

Tố Nguyên

Phụ Trách Kỹ Thuật

Ngọc Dao - Thanh Điền

Ngọc Điệp

Phụ Trách Phát Hành

Duy Hòa

Cộng Tác Thường Xuyên

B.S Nguyễn Văn Thọ - TS Nguyễn Anh Tuấn

Lê Văn Thêm- Mai Văn Tim- Bạch Y

Duy Văn- Nguyễn Trung Đạo- Tố Nguyên

Trần Công Bé- Song Nguyên- Vân Dương

Quang Thông- Lê Tấn Tài (Úc châu)

Lê Tấn Tài (USA)

Yểm Trợ

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ

Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo

xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547 (H)

Email: dutani@comcast.net

**GIỚI THIỆU CƠ SỞ
ĐỒNG ĐẠO - THÂN HỮU**

DHT Collision & Service Center

Justin or David - Managers

Email: dhtauto@yahoo.com

Phone (408) 288-8856

Fax (408) 288-8855

60 Stockton Ave.

San Jose, CA 95126



Lisa's Flowers

Flowers For All Occasions

2424 Quimby Rd., San Jose, CA 95148

(408) 828-5833 - (408) 528-7675

Fax: (408) 440-2974

*Free Wedding
Consultation*

Uncompromised Quality & Service

Weddings • Parties • Birthdays • Funerals • Gift Baskets